



ISSN: 1859 - 042X

Số 11
2017

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

Cần sự phối hợp đồng bộ và thống nhất trong quản lý môi trường lưu vực sông Cầu



**Tiêu chí môi trường
trong xây dựng
nông thôn mới:
Xa mà gần, gần mà xa**

**Đề xuất một số
giải pháp nâng cao
hiệu quả quản lý,
sử dụng tro xỉ từ các
nhà máy nhiệt điện**

**Thực hiện các
mục tiêu ứng phó với
biến đổi khí hậu và
tăng trưởng xanh**

BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN BẮC YÊN

Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La
Giám đốc: Ông Trần Văn Hiếu - Điện thoại: 0212.3505.699



*Chào mừng Kỷ niệm 73 năm
Ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
(22/12/1944 - 22/12/2017)*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, TP. Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Giám đốc: Ông Bùi Châu Tuấn - Điện thoại: 0215.3810.275



*Chào mừng Kỷ niệm 73 năm
Ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
(22/12/1944 - 22/12/2017)*



UBND XÃ LIÊN KHÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng
Chủ tịch: Ông Nguyễn Tiến Tập - Điện thoại: 0914766519



*Chào mừng Kỷ niệm 73 năm
Ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
(22/12/1944 - 22/12/2017)*

COLLTEx

GARMENT MFY CO.,LTD.(VN)



ECLAT TEXTILE CO.,LTD.



SPORTWEAR SYSTEM SUPPORT TECHNICAL PERFORMANCE

Foundation

In 2005

Employees

1983 People

Capacity

880,000 pcs./Month

Location

Lot 28, Road no. 7, Trang Bang Industrial Park, An Tinh Village, Trang Bang District, Tây Ninh Province, Vietnam.

Chân dung Doanh nghiệp vì cộng đồng

Công ty TNHH Colltex (Việt Nam) là một nhà sản xuất hàng may mặc xuất khẩu hàng đầu tại Việt Nam, với năng lực sản xuất 880.000 sản phẩm trong một tháng, hàng hóa của Công ty được xuất khẩu rộng khắp trên thị trường các nước Châu Âu và Mỹ. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã tạo ra hàng ngàn việc làm cho người lao động tại Tây Ninh và các tỉnh

thành lân cận, đời sống vật chất và tinh thần của 1983 lao động luôn được đảm bảo. Ngoài ra Công ty cũng rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường xung quanh nhà máy, hệ thống nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, rác thải đều được xử lý theo đúng quy trình. Nhờ sự quan tâm sát sao của Ban Lãnh đạo Công ty mà người lao động luôn yên tâm công tác, môi trường sống xung quanh nhà máy được đảm bảo giữ gìn xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là đơn vị tiên phong vì trách nhiệm cộng đồng.

CÔNG TY TNHH COLLTEX (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lô 28, Đường số 7, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh,
huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0276 3897341



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

PINACO

Số 321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84 28)39203062/063 - Fax : (84 28) 39203 060/061

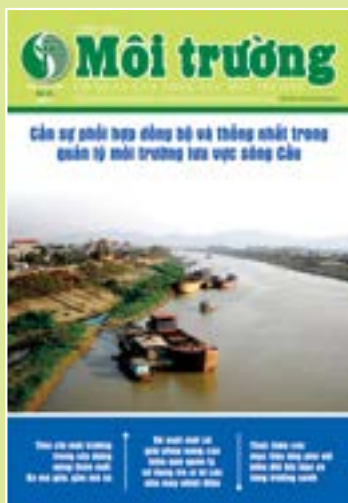


Chào mừng

Kỷ niệm 73 năm

Ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam

22/12/1944 - 22/12/2017



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Sông Cầu

Ảnh: ST

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 11/2017

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [6] • Bộ trưởng Trần Hồng Hà giải trình những vấn đề Đại biểu Quốc hội quan tâm trong lĩnh vực TN&MT
- [7] • Tăng cường phối hợp giám sát trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và bảo vệ môi trường
- [8] • Cần sự phối hợp đồng bộ và thống nhất trong quản lý môi trường lưu vực sông Cầu
- [10] • “Tháng hành động về môi trường” góp phần nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng
- [11] TRỊNH VĂN TUYÊN: Viện Công nghệ Môi trường: 15 năm xây dựng và phát triển
- [12] NGUYỄN HẰNG: Tổng cục Môi trường: Quyết tâm thi đua thực hiện tăng cường kỷ luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và người lao động ngành TN&MT



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [14] NGUYỄN THUẬN HIỂN- NGUYỄN THÀNH LAM: Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện
- [17] PHẠM ĐÌNH ĐƠN: Hoàn thiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản
- [20] LẠI THANH SƠN: Tăng cường phối hợp với các địa phương giải quyết vấn đề môi trường cấp bách liên vùng, liên tỉnh
- [22] THÁI HỒNG THỊNH: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [26] VŨ NGỌC LÂN: Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới: Xa mà gần, gần mà xa
- [28] NGUYỄN QUANG VINH: Thúc đẩy các giải pháp kinh doanh bền vững tại Việt Nam



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [30] PHÙNG THỊ QUỲNH TRANG: Ngành Dệt may Việt Nam: Thúc đẩy các giải pháp sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao sức cạnh tranh
- [32] DƯ VĂN TOÁN: Mô hình cảng biển xanh trên thế giới và đề xuất giải pháp tại Việt Nam
- [33] NGUYỄN THỊ LIÊN: Quảng Trị: Nỗ lực giải quyết ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [35] NGUYỄN THẾ CHINH - NGUYỄN SỸ LINH: Thực hiện các mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh
- [37] HUỖNH HUY VIỆT: Định hướng Tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên
- [40] LƯU TRANG: Chính sách triển khai và phát triển các đặc khu kinh tế xanh của Trung Quốc



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [42] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Công ty Cổ phần Giấy An Hòa: Gắn lợi ích kinh doanh với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường
- [43] VƯƠNG THANH GIANG: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng: Phát triển kinh doanh đi đôi với công tác bảo vệ môi trường



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [45] LÊ TRÀ: Bảo tồn nhìn từ một câu chuyện sinh nở không thành
- [47] ĐỨC THÁI: Tăng cường quản lý, bảo vệ rừng và giá trị đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh
- [48] PHƯƠNG LÊ: Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái đảo Cò Chi Lăng Nam



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [49] HỒNG ĐIỂN: Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc xây dựng và phát triển Khu công nghiệp sinh thái quốc gia
- [51] PHƯƠNG NGÂN: Công bố danh sách 10 loài nguy cấp bị buôn bán nhiều nhất tại các chợ của vùng Tam giác Vàng





Bộ trưởng Trần Hồng Hà giải trình những vấn đề Đại biểu Quốc hội quan tâm trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Trong hai ngày 31/10 và 1/11/2017, tại phiên thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội năm 2017, kế hoạch năm 2018, Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã giải trình những ý kiến của các Đại biểu Quốc hội (ĐBQH) và cử tri trên cả nước quan tâm tới lĩnh vực TN&MT.

Theo đó, Bộ trưởng đã làm rõ và giải trình những vấn đề liên quan đến dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai; tích tụ tập trung đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội và quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản, nhất là cát, sỏi lòng sông; môi trường tại các khu công nghiệp (KCN); một số nhiệm vụ, giải pháp của ngành TN&MT để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018...

Về vấn đề dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai, Bộ trưởng Trần Hồng Hà bày tỏ sự đồng tình và chia sẻ ý kiến của các Đại biểu Nguyễn Đắc Quỳnh (Sơn La), Tổng Thanh Bình (Lai Châu), Ma Thị Thúy (Tuyên Quang), Đỗ Trọng Hưng (Thanh Hóa)... Theo Bộ trưởng, một trong những nguyên nhân dẫn đến thiệt hại lớn trong đợt thiên tai vừa qua là do công tác dự báo chưa chủ động và chính xác; tình trạng mất rừng vẫn còn xảy ra và diễn biến phức tạp; công tác quy hoạch bố trí dân cư chưa phù hợp... Bộ trưởng cho rằng, trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương cần triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp như đẩy mạnh việc triển khai Luật Khí tượng thủy văn, tăng cường xã hội hóa để huy động nguồn lực đầu tư năng lực cho hệ thống quan trắc, dự báo. Đối với các tỉnh miền núi cần bảo đảm sinh kế cho người dân, gắn với bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, trên cơ sở đổi mới chính sách dịch vụ rừng, quy hoạch thủy điện, tài nguyên nước để phục vụ cho chính sách phát triển rừng...

Đối với vấn đề quản lý tài nguyên nói chung và khoáng sản nói riêng, Bộ trưởng cho biết, trong thời gian qua, Thủ tướng đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg về tăng cường hiệu lực thực thi chính sách pháp luật về khoáng sản, trong đó đã xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu Bộ TN&MT,



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà giải trình ý kiến của các ĐBQH

Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ NN&PTNT, Bộ Công an và các địa phương trong việc để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép nhất là cát, sỏi, gây thất thoát, lãng phí, ô nhiễm môi trường, làm xói lở bờ sông, bờ biển... Hiện nay, Chính phủ đang giao Bộ TN&MT chủ trì xây dựng Nghị định về quản lý cát, sỏi, bảo vệ dòng chảy của sông, tài nguyên nước, phòng chống sạt lở.

Về việc chuyển dịch mô hình, chiến lược tăng trưởng theo hướng bền vững, Bộ trưởng đề nghị, các cơ chế chính sách BVMT cần được cụ thể hóa và đưa vào Luật BVMT, tạo hàng rào kỹ thuật cần thiết để BVMT trong quá trình hội nhập. Đặc biệt, vừa qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, Hội nghị về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu đã mang lại kết quả quan trọng. Đây chính là định hướng để biến những thách thức thành cơ hội

trong việc quyết liệt đổi mới mô hình kinh tế, tổ chức lại sản xuất, cũng như chú ý đến liên kết vùng, hài hòa với các nguồn lực tự nhiên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai hiệu quả Nghị quyết về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu ở các tỉnh miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung.

Đối với vấn đề môi trường tại các KCN, nhiều ý kiến cho rằng, trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Chính phủ đề ra "Tỷ lệ KCN, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường" như hiện nay còn thấp và đề nghị tăng chỉ tiêu này lên từ 1,5 - 2% để giải quyết sớm vấn đề ô nhiễm môi trường. Tiếp thu, giải trình và làm rõ

>>>



Tăng cường phối hợp giám sát trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và bảo vệ môi trường

Ngày 8/11/2017, tại Hà Nội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức Lễ ký kết Chương trình phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và Chương trình phối hợp giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH).

Tham dự Lễ ký kết có Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam Trần Thanh Mẫn, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Phùng Xuân Nhạ...

Phát biểu tại buổi Lễ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam Trần Thanh Mẫn khẳng định, việc ký kết 2 Chương trình phối hợp giám sát nhằm tăng cường sự phối hợp giữa MTTQ Việt Nam và các cơ quan nhà nước, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là về phát triển giáo dục và đào tạo, BVMT, ứng phó với BĐKH, từng bước đáp ứng yêu cầu của các tầng lớp nhân dân. Chủ tịch đề nghị, ngay sau Lễ ký kết, các cơ quan, tổ chức liên quan, theo nội



▲ Các đại biểu tham gia Lễ ký kết

dung, nhiệm vụ đã được xác định, khẩn trương chủ trì, phối hợp triển khai để bảo đảm chất lượng nội dung, yêu cầu và tiến độ của Chương trình đề ra.

Theo đó, Chương trình phối hợp giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT và ứng phó với BĐKH tập trung vào việc chấp hành quy định pháp luật về BVMT, khai thác tài nguyên và ứng phó với BĐKH. Trong năm 2018, Chương trình sẽ lựa chọn các địa bàn, đối tượng, hình thức giám sát, trong đó giám sát việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và công khai kết quả thanh tra, kiểm tra về BVMT; việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải trong sản xuất công nghiệp,

nông nghiệp... Đến năm 2019, tổ chức giám sát trên địa bàn toàn quốc, tổng kết Chương trình giám sát giai đoạn 2017-2019, xây dựng và triển khai công tác giám sát giai đoạn 2020-2023.

Thay mặt các đơn vị tham gia ký kết, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cam kết, Bộ sẽ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc ngành TN&MT phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình phối hợp giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT, ứng phó với BĐKH trong thời gian tới.

CHÂU LOAN

>>>

các vấn đề mà các ĐBQH đã nêu, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho rằng, thực tế hiện nay có khoảng 20 - 30% các KCN đã được thành lập nhưng vẫn chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư và còn nhiều doanh nghiệp không có hệ thống xử lý chất thải. Chính vì vậy, chỉ tiêu này đặt ra trên cơ sở đánh giá cụ thể đối với

từng KCN, đồng thời, phải dựa trên tình hình thực tế các KCN và loại hình công nghiệp để đặt ra các chỉ tiêu có căn cứ hay không việc xử lý chất thải tập trung cho các KCN.

Trước sự quan tâm của các ĐBQH về vấn đề kinh tế - xã hội nói chung và lĩnh vực TN&MT nói riêng, Phó Chủ tịch Quốc hội

Phùng Quốc Hiển đánh giá cao phần trả lời của Bộ trưởng Trần Hồng Hà trên tinh thần tranh luận thẳng thắn, trách nhiệm và xây dựng, qua đó góp phần tích cực trong việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

HỒNG NHUNG (Tổng hợp)

Cần sự phối hợp đồng bộ và thống nhất trong quản lý môi trường lưu vực sông Cầu



▲ Phiên họp Ủy ban BVMT LVS Cầu lần thứ 13

Ngày 3/11/2017, tại Hải Dương, Ủy ban BVMT lưu vực sông (LVS) Cầu đã tổ chức Phiên họp lần thứ 13 nhằm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án Tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan LVS Cầu (Đề án BVMT LVS Cầu) năm 2017 và kế hoạch triển khai Đề án năm 2018.

Năm 2017 đánh dấu quá trình 11 năm (2006 - 2017) triển khai Đề án BVMT LVS Cầu với 4 nhiệm kỳ Chủ tịch Ủy ban BVMT LVS Cầu luân phiên (Thái Nguyên, Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh). Qua 11 năm thực hiện, với sự chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ, phối hợp của các Bộ, ngành Trung ương cùng với nỗ lực của 6 tỉnh trên lưu vực, công tác BVMT LVS Cầu đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Kế hoạch thực hiện Đề án được các tỉnh ban hành và triển khai rộng rãi; nhận thức của cộng đồng về trách nhiệm BVMT đã được nâng lên rõ rệt; một số vấn đề môi trường liên ngành, liên vùng đã được quan tâm, phối hợp giải quyết có hiệu quả; môi trường LVS từng bước được cải thiện. Theo Báo cáo của Ủy ban, năm 2017, đã tiến hành quan trắc tại 42 điểm thuộc LVS trên địa bàn 6 tỉnh: Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội và Hải Dương. Kết quả cho thấy, chất lượng nước sông Cầu đã có sự cải thiện so với năm 2016.

Tại Phiên họp, các đại biểu đã tập trung thảo luận về Báo cáo triển khai Đề án BVMT LVS Cầu năm 2017, làm rõ nguyên nhân, bất cập đang tồn tại và đề xuất các giải pháp nhằm triển khai hiệu quả Đề án trong năm 2018. Theo đó, năm 2017, Ủy ban BVMT LVS Cầu đã tập trung chỉ đạo các địa phương thực hiện công tác điều tra, thống kê, quản lý các nguồn nước thải chính từ các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN), làng nghề và khu dân cư tại các tỉnh trên LVS Cầu; xây dựng

quy định đánh giá sức chịu tải và hạn ngạch xả thải vào sông; đồng thời, phối hợp với các địa phương giải quyết một số vấn đề liên tỉnh. Mặt khác, các địa phương đã triển khai nhiều hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên LVS thuộc địa phận tỉnh mình và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường LVS Cầu. Đặc biệt, một số địa phương đã chủ động đề xuất các vấn đề môi trường cấp bách cần giải quyết liên vùng, liên tỉnh, kịp thời giải quyết các phản ánh từ thông tin báo chí, người dân như tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Đề án BVMT LVS Cầu, vẫn còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc như: Thiếu cơ chế về tài chính, quy định về việc tổ chức thực hiện Đề án nên chưa tạo được cơ chế đột phá để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện; Hoạt động của Ủy ban BVMT LVS Cầu còn hạn chế, nhất là việc giải quyết các vấn đề mang tính liên vùng, liên tỉnh; Nguồn lực đầu tư cho công tác

Thời gian qua, Tổng cục Môi trường đã chủ trì thực hiện Dự án Ngăn ngừa ô nhiễm, cải thiện nguồn nước sông Cầu thông qua việc kiểm soát và xử lý các chất thải hữu cơ có độ bền cao trong nước rỉ rác; Dự án Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước LVS do Jica hỗ trợ... Hiện nay, Bộ TN&MT đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu về xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích năm 2016 - 2020, trong đó ưu tiên tập trung cho các dự án xử lý nước thải sinh hoạt thải ra LVS Cầu.



● Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bắc Cạn Nông Văn Chí: **CẦN CÓ CƠ CHẾ HỖ TRỢ TỈNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN BVMT LVS CẦU**

Bắc Cạn là tỉnh đầu nguồn LVS Cầu, tuy nhiên, việc đầu tư cho công tác trồng rừng đầu nguồn LVS còn hạn chế, lượng nước LVS đang có chiều hướng suy giảm, lũ lụt với cường độ lớn và tần suất cao, bồi lấp dòng sông diễn ra khá mạnh mẽ. Trong khi đó, nguồn vốn triển khai các chương trình, dự án theo kế hoạch thực hiện Đề án BVMT LVS Cầu của tỉnh còn hạn chế. Hiện nay, Bắc Cạn đang gặp khó khăn trong xử lý rác thải nông thôn, kiểm soát các nguồn thải từ hoạt động chăn nuôi và tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật của đồng bào dân tộc vùng cao, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước. Vì thế, đề nghị Trung ương tiếp tục hỗ trợ vốn cho địa phương trồng rừng đầu nguồn và có cơ chế hỗ trợ các tỉnh khó khăn như Bắc Cạn thực hiện các dự án BVMT, trong đó có BVMT LVS.



● Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc Vũ Chí Giang: **KHÓ KHĂN TRONG XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**

Thời gian qua, tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung chỉ đạo huy động mọi nguồn lực để triển khai các dự án nhằm cải thiện cảnh quan sinh thái, chất lượng môi trường đô thị, nông thôn. Tuy nhiên, có hai vấn đề môi trường bức xúc cần phải giải quyết đó là xử lý rác thải và xử lý nước thải. Hiện tại, Vĩnh Phúc đang gặp khó khăn trong vấn đề lựa chọn công nghệ để xử lý, trong khi hầu hết các bãi chôn lấp rác trên địa bàn tỉnh đều trong tình trạng quá tải, gây ô nhiễm môi trường và bức xúc đối với nhân dân. Đối với xử lý nước thải, vấn đề khó khăn nhất là xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn; hầu hết các CCN, làng nghề đều chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung; việc đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung còn rất hạn chế.



● Đại tá Nguyễn Văn Sáu - Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (C49): **SỐ VỤ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BVMT GIẢM**

Thời gian qua, lực lượng cảnh sát môi trường đã tăng cường kiểm tra, xử lý kết hợp với công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên LVS Cầu, qua đó, số vụ vi phạm cơ bản đã giảm. Theo thống kê, tại 6 địa phương trên LVS Cầu, đã phát hiện và xử lý gần 200 vụ việc vi phạm pháp luật BVMT liên quan đến LVS Cầu, trong đó có hơn 60 vụ việc xả nước thải, đổ chất thải gây ô nhiễm môi trường, ra quyết định xử phạt và nộp ngân sách nhà nước hơn 2 tỷ đồng.

quản lý, BVMT ở các địa phương còn hạn chế; Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý của các địa phương trên LVS Cầu chưa đồng bộ, chặt chẽ; Chưa có các quy định về cơ chế chia sẻ dữ liệu quan trắc môi trường, quan trắc LVS liên tỉnh...; Việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các

tỉnh thuộc lưu vực theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg chưa đạt được mục tiêu mà Đề án đề ra, mới xử lý được 43/52 cơ sở; 9/52 cơ sở cơ bản đã hoàn thành biện pháp xử lý triệt để. Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có 7/18 cơ sở đã hoàn thành xử lý triệt để, 5/18 cơ sở cơ bản đã hoàn

thành biện pháp xử lý triệt để; 3/18 cơ sở chưa hoàn thành hoặc đang triển khai xử lý triệt để.

Để triển khai có hiệu quả Đề án BVMT LVS Cầu trong thời gian tới, các Bộ, ngành và địa phương sẽ có những hành động cụ thể, quyết liệt trong công tác quản lý môi trường LVS Cầu. Theo đó, Bộ TN&MT tiếp



tục hướng dẫn và ban hành quy định về điều tra, đánh giá sức chịu tải của LVS, xác định hạn ngạch xả nước thải vào sông, hướng dẫn điều tra thống kê nguồn nước thải trên LVS; quản lý và chia sẻ thông tin các nguồn thải chính trên LVS; tăng cường thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp (DN), nhất là những cơ sở có lưu lượng nước thải từ 200 m³/ngày, đêm trở lên và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật BVMT; xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, cụ thể để giải quyết các vấn đề liên ngành, liên tỉnh. Các Bộ, ngành liên quan tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT triển khai các nhiệm vụ, dự án nhằm thực hiện có hiệu quả Đề án BVMT LVS Cầu. Các địa phương tập trung lựa chọn những nhiệm vụ, hoạt động cấp thiết, đưa vào chương trình triển khai Đề án năm 2018; đầu tư hệ thống quan trắc tự động và yêu cầu các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất có nguồn thải lớn 1.000 m³/ngày, đêm phải lắp đặt quan trắc tự động liên tục, truyền số liệu về cơ quan quản lý nhà nước; kiên quyết đình chỉ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng kéo dài không đầu tư xử lý đạt quy chuẩn môi trường; tăng cường giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho các tổ chức, DN, cộng đồng về BVMT LVS Cầu. Tuy nhiên, việc BVMT LVS Cầu không chỉ là nhiệm vụ, trách nhiệm của một tỉnh mà là 6 tỉnh, vì thế, các địa phương cần chủ động phối hợp, đồng bộ thống nhất trong công tác quản lý, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên nước trên LVS■

HƯƠNG TRẦN

"THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG" GÓP PHẦN NÂNG CAO NHẬN THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO CỘNG ĐỒNG



▲ Thủ tướng Võ Tuấn Nhân phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Ngày 21/11/2017, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện “Tháng hành động vì môi trường” năm 2017, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm và định hướng cho các hoạt động của năm 2018. Thủ tướng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đến dự và phát biểu chỉ đạo.

Năm 2017, Bộ TN&MT đã phát động “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới trên phạm vi cả nước và đạt được các kết quả nổi bật. Theo đó, đã có 8.000 Lễ ra quân làm vệ sinh môi trường ở các cấp, ngành được tổ chức; hơn 950.000 km đường, cống rãnh được khơi thông; 200.000 băng rôn, tờ rơi, poster được in ấn và sử dụng để tuyên truyền; 1,5 triệu cây xanh được chăm sóc và trồng mới; gần 230.000 tấn rác thải được thu gom, xử lý... So với năm 2016, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về BVMT tăng gấp 33 lần (từ 20.000 lên 660.000 chương trình). Đặc biệt, các hoạt động mít tinh đã giảm đáng kể với gần 100 buổi Lễ, thay vào đó, số người trực tiếp tham gia BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ biển và hải đảo tăng lên 3,5 triệu người (năm 2016 là gần 2 triệu người).

Phát biểu tại Hội nghị, Thủ tướng Võ Tuấn Nhân đánh giá cao kết quả đạt được của “Tháng hành động vì môi trường” với các hoạt động diễn ra phong phú, đa dạng, trở thành ngày hội của toàn dân, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ về BVMT và phát triển bền vững. Tuy nhiên, Thủ tướng cũng chỉ ra những tồn tại như một số địa phương còn nặng về hình thức, chưa lồng ghép giải quyết triệt để những vấn đề môi trường bức xúc (xử lý rác thải, ô nhiễm môi trường sông, hồ...); Các hoạt động sau sự kiện chưa duy trì thường xuyên; hoạt động phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, nhất là với các doanh nghiệp còn hạn chế... Để phong trào đi vào chiều sâu, Thủ tướng nhấn mạnh, cần tăng cường các hoạt động cụ thể, thiết thực vì cộng đồng và hướng tới cộng đồng; huy động tối đa các nguồn lực (nguồn xã hội hóa của tổ chức, doanh nghiệp) để BVMT...

Nhân dịp này, Thủ tướng Võ Tuấn Nhân và Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thế Đồng đã trao Bằng khen cho các địa phương, tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện “Tháng hành động vì môi trường”■

ĐỖ HƯƠNG



Viện Công nghệ Môi trường: 15 năm xây dựng và phát triển



▲ Lãnh đạo Viện CNMT đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam

Viện Công nghệ Môi trường (CNMT) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam được thành lập ngày 30/10/2002 theo Quyết định số 148/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Từ khi ra đời cho đến nay, Viện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học CNMT và chuyển giao các kết quả vào thực tiễn. Với sự nỗ lực không ngừng, vào dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, Viện được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với Viện trưởng Viện CNMT PGS.TS Trịnh Văn Tuyên.

***Là người gắn bó với Viện ngay từ những ngày đầu thành lập, xin ông cho biết quá trình hình thành và phát triển của Viện CNMT trong chặng đường 15 năm qua?**

PGS.TS Trịnh Văn Tuyên: Năm 2002, Viện được thành lập với 37 cán bộ trong biên chế, 33 cán bộ hợp đồng, cơ sở vật chất thiếu thốn, thiết bị, máy móc đã qua sử dụng nhiều năm, chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu.

Được sự quan tâm của Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, Viện CNMT đã trưởng thành vượt bậc, từng bước trở thành Viện nghiên cứu hàng đầu của đất nước trong lĩnh vực khoa học và CNMT. Đến nay, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức của Viện đã lên tới 230 người; trong đó có 1 GS.TS, 5 PGS.TS, 21 TS, 56 ThS, 126 KS/CN và 21 KTV/CNKT. Bên cạnh đó, Viện có cơ sở vật chất tương đối hoàn thiện và lực lượng cán bộ có năng lực chuyên môn nghiên

cứu về môi trường. Viện có trụ sở nghiên cứu chính là tòa nhà 9 tầng trong khuôn viên của Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam với diện tích sử dụng là 5.000 m². Đặc biệt, nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu, đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường cũng như phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, năm 2009, Viện thành lập thêm 2 cơ sở nghiên cứu là Trung tâm CNMT tại TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm CNMT tại TP. Đà Nẵng, sau đó là Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng CNMT. Hiện nay, Viện CNMT vinh dự đứng trong hàng ngũ các Viện nghiên cứu khoa học cơ bản có kết quả ứng dụng nhiều nhất cả nước.



▲ PGS.TS Trịnh Văn Tuyên - Viện trưởng Viện CNMT

***Ông có thể cho biết, Viện CNMT đã ứng dụng các kết quả nghiên cứu phục vụ xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch và triển khai hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực môi trường trong thời gian qua như thế nào?**

PGS.TS Trịnh Văn Tuyên: Đến nay, Viện CNMT đã tham gia 46 đề tài/dự án khoa học công nghệ cấp Nhà nước gồm: 5 đề tài độc lập; 10 đề tài theo Nghị định thư; 4 đề tài thuộc Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước; 3 dự án sản xuất thử nghiệm; 13 đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng; 7 đề tài thuộc Quỹ phát triển KH&CN quốc gia (NAFOSTED); 4 đề tài BVMT. Ngoài ra, Viện còn triển khai nhiều đề tài ủy quyền thực hiện tại Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và đề tài/dự án hợp tác với các Sở, ban ngành địa phương. Từ các công trình nghiên cứu, cán bộ của Viện đã công bố 168 bài báo trên tạp chí quốc tế, 334 bài báo trên các tạp chí, tuyển tập, kỷ yếu, hội nghị, hội thảo quốc gia... Nhiều công trình nghiên cứu của Viện đã được



ứng dụng vào thực tiễn, phục vụ sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, được cơ quan, đơn vị và địa phương trong cả nước quan tâm, đánh giá cao như: Hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp lọc sinh học nhỏ giọt thông khí tự nhiên IET-BF; Lò đốt chất thải rắn y tế VHI-18B; Chế phẩm vi sinh phân hủy chất thải hữu cơ tái tạo thành nguồn phân hữu cơ - Sagi Bio; Hệ thống nuôi vi tảo bằng khí CO₂ được thu hồi từ khí thải đốt than...

Bên cạnh đó, Viện CNMT còn tham gia và đóng góp lớn trong việc xác định nguyên nhân gây ra sự cố môi trường biển miền Trung; đánh giá phản biện Dự án nhận chìm vật liệu nạo vét biển Vĩnh Tân, Bình Thuận; đề xuất cải thiện môi trường dự án khai thác khoáng sản Núi Pháo (Thái Nguyên)...

Về hoạt động hợp tác quốc tế, Viện đã phát triển hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Pháp, Canada, Trung Quốc, Belarus, Đức. Nhiều dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế đem lại hiệu quả cao như: Tăng cường năng lực của Viện KH&CN Việt Nam trong lĩnh vực BVMT (Dự án JICA, Nhật Bản); Nghiên cứu xây dựng công nghệ sinh thái xử lý nước thải dệt nhuộm (Dự án NEDO 1); Quản lý tổng hợp lưu vực sông Cầu (hợp tác với Canada)...

★Xin ông cho biết, một số hoạt động trọng tâm của Viện trong thời gian tới?

PGS.TS Trịnh Văn Tuyên: Trong thời gian tới, Viện CNMT sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm soát phát thải của Công ty TNHH Formosa Hà Tĩnh; Tham gia cùng với các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, giám sát BVMT của khu công nghiệp, cơ sở sản xuất trên cả nước. Đồng thời, đẩy mạnh công tác triển khai ứng dụng các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ vào thực tế sản xuất và đời sống cũng như ưu tiên thực hiện đề tài có phương pháp nghiên cứu mới, tiên tiến, triển vọng ứng dụng cao trong thực tế. Đặc biệt, phát triển quảng bá sản phẩm công nghệ của Viện và xuất khẩu ra nước ngoài trên cơ sở triển khai áp dụng hiệu quả và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trên, Viện CNMT đang huy động, phối hợp tiềm năng của các đơn vị nghiên cứu thuộc Viện và liên kết, phối hợp nghiên cứu với đơn vị ngoài Viện nhằm tổ chức xây dựng thực hiện các nghiên cứu khoa học, ứng dụng triển khai dài hạn, quy mô lớn và đa ngành.

★Xin cảm ơn ông!

MAI HƯƠNG (Thực hiện)

Tổng cục Môi trường: Quyết tâm thi đua thực hiện tăng cường kỷ luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành TN&MT

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/BCSĐTNTMT ngày 29/9/2017 của Ban cán sự Đảng Bộ TN&MT về việc nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng văn hóa công sở văn minh hiện đại đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành TN&MT (Nghị quyết số 25), Tổng cục Môi trường đã phát động phong trào thi đua trong toàn Tổng cục thực hiện Nghị quyết số 25 với nội dung trọng tâm “Quyết tâm thi đua thực hiện tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành TN&MT”.

Thời gian qua, Ban cán sự đảng Bộ TN&MT, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp của các cơ quan, đơn vị trong ngành TN&MT đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai, thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành TN&MT, nâng cao hiệu quả, chất lượng tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức, viên chức, người lao động, tăng cường cải cách hành chính...

Theo đó, bản thân mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong ngành đã nâng cao ý thức, tinh thần tự giác, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, nỗ lực

phấn đấu, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế của đất nước, của ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành TN&MT ngày càng được tăng cường về lượng và chất. Nhờ đó, từng bước đưa ngành TN&MT đi vào chính quy, hiện đại, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

Đạo đức công vụ được hiểu là đạo đức thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là những giá trị và chuẩn mực đạo đức dùng để điều chỉnh mối quan hệ giữa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với tổ chức, đồng nghiệp, công dân, thể hiện ở lương tâm và trách nhiệm vì lợi ích chung, ý thức được những việc cần làm và mong



muốn làm vì lợi ích chung đó. Đạo đức công vụ còn thể hiện thông qua việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ lợi ích Nhà nước, Nhân dân và xã hội.

Do vậy, nâng cao đạo đức công vụ và xây dựng văn hóa công sở cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành TN&MT là nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề, tinh thần tận tụy với công việc; nâng cao thái độ tôn trọng, tận tâm phục vụ Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân; là thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư trong hoạt động công vụ; là đề cao lợi ích tập thể, thái độ hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp và tinh thần thượng tôn pháp luật trong thực thi công vụ; cần tuân thủ và phổ biến đến người dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN&MT với quan điểm giữ gìn, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, đặt lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân lên hàng đầu...

Quan điểm, mục tiêu và chủ trương, giải pháp Nghị quyết số 25

Nghị quyết số 25 được xây dựng trên quan điểm quán triệt sâu sắc chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước và Ban cán sự đảng Bộ, Đảng ủy Bộ, Đảng ủy Khối cơ sở Bộ TN&MT tại TP. Hồ Chí Minh và của Bộ TN&MT về xây dựng đạo đức công vụ và văn hóa công sở văn minh, hiện đại, phòng ngừa và ngăn chặn tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ương ngành TN&MT, góp phần xây dựng Chính phủ kiến tạo, hành động và liêm chính. Mỗi cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong ngành TN&MT phải coi xây dựng đạo đức công vụ và văn hóa công sở văn minh, hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm, yêu cầu cấp bách để xây dựng và phát triển cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, phải tiến hành đồng bộ các giải pháp về xây dựng đạo đức công vụ và văn hóa công sở, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị.

Mục tiêu của Nghị quyết số 25 là xây dựng, nâng cao đạo đức công vụ và văn hóa công sở của cán bộ, đảng viên, công

chức, viên chức, người lao động văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập; hình thành phong cách ứng xử, lễ lối làm việc, chuẩn mực, đảm bảo tính trách nhiệm, chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động công vụ nhằm đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước trong việc phục vụ Nhân dân, phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

Trên cơ sở đó, Ban cán sự Đảng Bộ TN&MT đã đề ra các chủ trương và giải pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25, trong đó tập trung vào các nội dung: Tăng cường phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, giáo dục, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về đạo đức công vụ; Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Tăng cường công tác cải cách hành chính; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật.

Tổng cục Môi trường quyết tâm thi đua thực hiện Nghị quyết số 25

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 25, Tổng cục Môi trường đề nghị các đơn vị trực thuộc Tổng cục tổ chức hội nghị công chức, viên chức, người lao động của đơn vị để quán triệt, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 25; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động đối với từng nhiệm vụ cụ thể và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết.

Đồng thời, Tổng cục Môi trường phát động phong trào thi đua trong toàn Tổng cục thực hiện Nghị quyết số

25 với nội dung trọng tâm “Quyết tâm thi đua thực hiện tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành TN&MT”. Theo đó, các đơn vị trực thuộc Tổng cục tổ chức phát động thi đua tại đơn vị, quán triệt đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 25, xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể và cá nhân trong việc thực hiện Nghị quyết số 25, tạo sự chuyển biến tích cực từ trong nhận thức tới hành động chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, chuẩn mực đạo đức ngành TN&MT trong thực thi công vụ của từng cá nhân, đơn vị; xây dựng văn hóa công sở văn minh, hiện đại góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về TN&MT; nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Phong trào thi đua này là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Tổng cục. Các đơn vị trực thuộc bám sát nội dung của Nghị quyết số 25, căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị xây dựng kế hoạch, nội dung thi đua đối với từng nội dung công việc; nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng văn hóa công sở văn minh, hiện đại, đề cao tính kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, nghiêm túc thực hiện chuẩn mực đạo đức ngành TN&MT; gắn chặt công tác thi đua, khen thưởng với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao ■

NGUYỄN HẰNG



Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao từ các nhà máy nhiệt điện

NGUYỄN THƯỢNG HIỂN - *Cục trưởng*

NGUYỄN THÀNH LAM

Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường

Tổng cục Môi trường

Trên thế giới, các quốc gia khuyến khích sử dụng tro, xỉ than từ nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) với điều kiện đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn dùng trong vật liệu xây dựng (VLXD), làm phụ gia trong sản xuất xi măng, bê tông, san lấp mặt bằng và làm đường... Tại Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu, ứng dụng tro, xỉ than để sản xuất gạch không nung, phụ gia xi măng, bê tông, công trình giao thông. Tuy nhiên, trên thực tế, hầu hết các NMNĐ đều chưa có biện pháp tái sử dụng, xử lý tro, xỉ, thạch cao một cách hiệu quả nhằm tiết kiệm tài nguyên và BVMT.

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG DO TRO, XỈ, THẠCH CAO CỦA CÁC NMNĐ

Hiện nay, cả nước có 26 NMNĐ đang vận hành với tổng công suất khoảng 13.810 MW, tiêu thụ khoảng 47,8 triệu tấn than/năm, với lượng tro xỉ, thạch cao thải ra hàng năm hơn

16,4 triệu tấn/năm. Dự kiến, đến năm 2020 sẽ có thêm 15 dự án nhiệt điện than được đưa vào hoạt động, tổng công suất lắp đặt khoảng 24.370 MW và tiêu thụ khoảng 60 triệu tấn than/năm. Hiện nay, nhiều nhà máy đang thải tro, xỉ trực tiếp ra bãi thải, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, cụ thể: Tro, xỉ thải tích tụ với diện tích lớn có thể làm rò rỉ nước thải ra môi trường (trường hợp thải xỉ ướt), gây ô nhiễm đất và nước; bụi ($PM_{2,5}$ và PM_{10}) phát sinh trong quá trình lưu giữ, vận chuyển nếu không có biện pháp kiểm soát (trường hợp thải xỉ khô). Nhiều nhà máy chưa hoàn thiện hệ thống vận chuyển, bãi chứa lưu giữ tro, xỉ, thạch cao và chưa đáp ứng các yêu cầu về BVMT. Ngoài ra, nhiều nhà máy chưa chủ

động triển khai các phương án tiêu thụ, xử lý tro, xỉ để giảm diện tích bãi lưu giữ; đồng thời, chưa phối hợp với đơn vị tiếp nhận tái sử dụng, tái chế tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tồn đọng tro, xỉ, thạch cao tại các NMNĐ là thiếu hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về việc sử dụng tro, xỉ, thạch cao để làm VLXD, san lấp mặt bằng. Mặt khác, một số NMNĐ phát sinh tro, xỉ có chất lượng thấp, chưa đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn do Bộ Xây dựng ban hành, đồng thời chưa chủ động phối hợp với các nhà máy sản xuất VLXD để tái sử dụng, tái chế tro, xỉ, thạch cao hiệu quả.

CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRO, XỈ, THẠCH CAO

Theo quy định tại Điều 40, Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý VLXD, chủ cơ sở phát thải tro, xỉ, thạch cao của các NMNĐ, hóa chất, phân bón, luyện kim có trách nhiệm phân loại, sơ chế tro, xỉ, thạch cao đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm nguyên liệu sản xuất VLXD. Trường hợp không đủ khả năng tự phân loại, sơ chế thì cơ sở phải thuê đơn vị có đủ năng lực để thực hiện việc phân loại và sơ chế đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm nguyên liệu sản



▲ Tăng cường sử dụng tro, xỉ của NMNĐ làm vật liệu xây dựng



xuất VLXD. Hiện nay, một số cơ sở đang nghiên cứu, xây dựng nhà máy phân loại, sơ chế tro, xỉ đáp ứng quy chuẩn làm xi măng, VLXD.

Để thúc đẩy việc sử dụng tro, xỉ của các NMNĐ làm VLXD, ngày 23/9/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1696/QĐ-TTg về một số giải pháp thực hiện xử lý tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ các NMNĐ, nhà máy hóa chất, phân bón. Quyết định nêu rõ, việc sử dụng tro bay, thạch cao nhân tạo làm nguyên liệu sản xuất phải tuân thủ yêu cầu tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD. Ngày 12/4/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các NMNĐ, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong các công trình xây dựng (tại Quyết định số 452/QĐ-TTg). Theo đó, tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG (trước, hoặc sau khi xử lý) đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật làm nguyên liệu sản xuất VLXD và sử dụng trong các công trình xây dựng được xem là sản phẩm hàng hóa VLXD, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về sản phẩm hàng hóa.

Hiện nay, hầu hết các nhà máy có chất lượng tro, xỉ tốt đã thực hiện hợp chuẩn, hợp quy (Viện VLXD, thuộc Bộ Xây dựng chứng nhận) làm vật liệu xi măng và đã chuyển giao cho các nhà máy xi măng. Các chủ cơ sở phát thải và xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG làm nguyên liệu cho sản xuất VLXD, sử dụng trong các công trình xây dựng phải tuân thủ quy định tại Điều 40, Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP. Trường hợp tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG không thể xử lý, sử dụng làm nguyên liệu sản xuất VLXD, hoặc sử dụng trong các công trình xây dựng thì được xử lý như chất thải rắn (CTR) không thể tái chế. Ngoài ra, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do tro, xỉ gây ra, Luật BVMT năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu đã quy

định rõ: Tro, xỉ phát sinh từ các NMNĐ phải được phân định, phân loại và quản lý theo quy định đối với CTR công nghiệp thông thường. Việc tái sử dụng, tái chế chất thải bao gồm cả việc sử dụng tro, xỉ làm nguyên liệu sản xuất là hoạt động được khuyến khích theo quy định của Luật BVMT năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP. Thời gian qua, Bộ TN&MT đã có nhiều văn bản hướng dẫn các NMNĐ triển khai hoạt động trên.

Trong trường hợp các NMNĐ, hóa chất, phân bón không tự tái sử dụng, xử lý, tái chế tro, xỉ, thạch cao tại khuôn viên nhà máy thì phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTR công nghiệp thông thường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP hoặc được chuyển giao cho các đơn vị sản xuất VLXD phù hợp; Bộ TN&MT đã hướng dẫn nhiều đơn vị vận chuyển, tái sử dụng, xử lý tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ NMNĐ. Trong quá trình vận chuyển phải bảo đảm không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi, hoặc nước rò rỉ ra môi trường; sử dụng xô giao nhận, biên bản bàn giao tro, xỉ cho mỗi đợt chuyển giao, vận chuyển. Đơn vị vận chuyển phải có trách nhiệm ký hợp đồng và chuyển giao tro, xỉ cho đơn vị tái sử dụng, tái chế, xử lý tro, xỉ, thạch cao theo quy định.

Đối với cơ sở tiếp nhận, sử dụng trong trường hợp tro, xỉ đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn làm VLXD (hoặc làm nguyên liệu khác) do Bộ Xây dựng, hoặc các Bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền

phải tuân thủ các quy định: Việc tiếp nhận, sử dụng tro, xỉ phải phù hợp với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được phê duyệt, kế hoạch BVMT đã được xác nhận, hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương và có biện pháp đảm bảo việc tái sử dụng tro, xỉ không gây ô nhiễm đến môi trường nước mặt, nước ngầm, không khí. Trường hợp tiếp nhận, sử dụng tro, xỉ chưa phù hợp với nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, kế hoạch BVMT đã được xác nhận (hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương), cơ sở sản xuất phải có báo cáo bằng văn bản và chỉ được tái sử dụng tro, xỉ sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM; đồng thời, có biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm và không khí.

Ngoài ra, Bộ TN&MT cũng đã hướng dẫn các đơn vị vận chuyển tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ NMNĐ chuyển giao cho cơ sở tiếp nhận, sử dụng, xử lý trong trường hợp tro, xỉ chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn làm VLXD (hoặc làm nguyên liệu khác) do Bộ Xây dựng, hoặc các Bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền. Theo quy định tại Điểm a, Khoản 12, Điều 32 và Khoản 2, Điều 33, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, cơ sở sản xuất bổ sung hoạt động đồng xử lý CTR công nghiệp thông thường dựa trên công nghệ sản xuất sẵn có mà không thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo ĐTM thì phải lập phương án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thực hiện. Hiện nay, Bộ



cũng đã hướng dẫn một số địa phương triển khai phương án đồng xử lý tro, xỉ, thạch cao làm vật liệu không nung, nguyên liệu xi măng...

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRO, XỈ THAN

Đối với các Bộ, ngành

Bộ Xây dựng nghiên cứu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế quy định việc xử lý, sử dụng tro, xỉ làm nguyên liệu sản xuất VLXD và sử dụng trong các công trình xây dựng; Chỉ đạo các nhà máy xi măng sử dụng tro, xỉ than đáp ứng tiêu chuẩn đầu vào từ các NMNĐ thay thế cho nguyên liệu tự nhiên trong sản xuất xi măng. Đồng thời, thống kê, công bố công khai thông tin các NMNĐ phát sinh tro, xỉ đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn để làm VLXD và lượng tro, xỉ đã được các nhà máy xi măng, bê tông, sản xuất VLXD sử dụng trong thời gian qua.

Bộ Công Thương chỉ đạo các chủ cơ sở phát thải, chủ đầu tư lập Đề án xử lý và tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao; đảm bảo yêu cầu đến năm 2020, diện tích bãi thải không quá 2 năm sản xuất trung bình. Đồng thời, Bộ Công Thương khẩn trương rà soát Quy hoạch tổng sơ đồ điện VII điều chỉnh đã được phê duyệt để có kế hoạch và lộ trình đóng cửa NMNĐ hoạt động kém hiệu quả, công nghệ sản xuất lạc hậu, phát sinh chất thải lớn ra môi trường và có rủi ro, sự cố ảnh hưởng lớn đến môi trường khu vực triển khai dự án; không đưa NMNĐ mới vào quy hoạch, đồng thời, nghiên cứu, triển khai ứng dụng, lắp đặt, sản xuất năng lượng tái tạo, sạch và thân thiện với môi trường.

Các Bộ khác: Bộ Giao thông vận tải hoàn thiện, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, quy định sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm VLXD đường giao thông; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, quy định sử dụng tro, xỉ, thạch cao để xây dựng các công trình thủy lợi, cũng như những ứng dụng khác trong xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Bộ TN&MT rà soát, hoàn

thiện, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn xử lý tro, xỉ trong trường hợp tro, xỉ không thể tái sử dụng, tái chế; hướng dẫn các nhà máy phát sinh tro, xỉ và các đơn vị tiếp nhận, sử dụng tro, xỉ thực hiện đầy đủ yêu cầu BVMT trong quá trình hoạt động; xem xét, không phê duyệt báo cáo ĐTM trong trường hợp các NMNĐ không có phương án tiêu thụ, xử lý tro, xỉ theo Quyết định số 452/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghệ sản xuất của các NMNĐ theo hướng siết chặt những công nghệ lạc hậu có nguy cơ nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam, nhằm giảm thiểu việc phát sinh tro, xỉ.

UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan thu hồi phần diện tích bãi thải vượt quá diện tích chứa của 2 năm sản xuất trung bình theo quy mô, công suất của từng nhà máy trên địa bàn; chỉ đạo các chủ đầu tư công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương phải ưu tiên sử dụng tro, xỉ, thạch cao, hoặc các sản phẩm VLXD có tro, xỉ; phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời những đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn không thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, xử lý, sử dụng tro, xỉ làm nguyên liệu sản xuất VLXD và sử dụng trong công trình xây dựng; kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh.

Đối với các NMNĐ

Các NMNĐ đã đi vào vận hành phải thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1696/QĐ-

TTg và Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Các NMNĐ phải chủ động tìm kiếm giải pháp trong xử lý tro, xỉ và tiêu thụ VLXD có sử dụng tro, xỉ, thạch cao. Những dự án NMNĐ đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, cơ quan phê duyệt dự án phải yêu cầu các chủ dự án có phương án tiêu thụ, xử lý tro, xỉ than (xem tro, xỉ là một dạng tài nguyên) cùng với việc xây dựng nhà máy để giảm diện tích của bãi thải xỉ và giảm thiểu tác động do tro, xỉ than từ bãi thải tro, xỉ; áp dụng các biện pháp giảm thiểu phù hợp để hạn chế tác động tới môi trường nước và không khí như phun bụi thường xuyên, đầm chặt tro, xỉ và xử lý chống thấm theo đúng quy định; xây dựng hành lang cây xanh cách ly và thực hiện đầy đủ các yêu cầu BVMT trong quá trình hoạt động, trong đó, lưu ý thực hiện quan trắc tự động khí thải, nước thải theo đúng quy định hiện hành.

Đối với các nhà máy xi măng, cơ sở sản xuất VLXD, chủ đầu tư công trình xây dựng

Các nhà máy xi măng, sản xuất VLXD, chủ đầu tư công trình xây dựng cần tăng cường sử dụng tro, xỉ đã được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, hướng dẫn kỹ thuật (QCVN 16:2014/BXD-quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD....) để làm nguyên liệu sản xuất xi măng, bê tông...; thực hiện đầy đủ các yêu cầu BVMT trong quá trình hoạt động, trong đó, lưu ý thực hiện quan trắc tự động khí thải, nước thải đối với cơ sở sản xuất có lượng phát thải lớn theo đúng quy định hiện hành■



Hoàn thiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản

PHẠM ĐÌNH ĐƠN

Phó cục trưởng Cục Môi trường Miền Nam
Tổng cục Môi trường

NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN THỦY SẢN

Đặc trưng cơ bản của nước thải chế biến thủy sản (CBTS) là chứa các thành phần chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, trong đó thông số BOD₅ (nhu cầu ô xy sinh học) thấp hơn so với thông số COD (nhu cầu ô xy hóa học) có trong nước thải. Các chất hữu cơ có trong nước thải CBTS chủ yếu chứa các thành phần photpho (P) và nitơ (N), đây là yếu tố cơ bản của nước thải CBTS.

Xử lý nước thải (XLNT) CBTS thường tập trung vào việc xử lý P và N, các thành phần này là nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường nước. Trong khi đó, nguồn nước thải CBTS phát sinh từ nước rửa, sơ chế nguyên liệu, chế biến sản phẩm, vệ sinh dụng cụ và thiết bị máy móc, vệ sinh nhà xưởng sản xuất, trong các phân xưởng nhà máy CBTS, với thành phần BOD₅ khoảng 800 - 2.000mg/l, COD khoảng 1.000 - 2.500mg/l, tổng chất rắn lơ lửng (TSS) khoảng 300 - 600mg/l, tổng nitơ (tính theo N) khoảng 100 - 150mg/l, tổng photpho (tính theo P) khoảng 20-50mg/l, Coliforms > 3.000 MPN/100ml... Đây là nguồn gây ô nhiễm môi trường cần phải được xử lý nhằm đáp ứng Quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Đặc biệt, trong nước thải CBTS, ngoài các thành phần P và N hữu cơ tự nhiên (thịt tôm, cá chế biến) còn có cả thành phần các chất P và N vô cơ tham gia vào quá trình bảo quản, sơ chế, chế biến các sản phẩm thủy sản. Việc sử dụng các hợp chất để giữ cho nguyên liệu (tôm, cá) được tươi lâu, không bị hư hỏng (phân urê là (NH₂)₂CO; phân SA là (NH₄)₂SO₄...) và sử dụng hóa chất để tăng trọng nguyên liệu CBTS (Sodium Tripolyphosphate (STPP- Na₅P₃O₁₀))... đã được đề cập nhiều trong thời gian qua.

Những năm gần đây, ngành thủy sản đã chuyển từ các mặt hàng sơ chế (đồng IQF, đồng tươi Block, tôm tươi IQF...) sang các mặt hàng chế biến sâu (chả cá surimi, cá tra fillet, cá tra tẩm bột, tôm ring, tôm nobashi, tôm sushi...);

trong đó có sử dụng các phụ gia CBTS như: Sodium Tripolyphosphate (STPP- Na₅P₃O₁₀); Monosodium Phosphate (MSP- NaH₂PO₄); Disodium Phosphate (DSP- Na₂HPO₄); Trisodium Phosphate (TSP- Na₃PO₄)... với tác dụng tăng khả năng giữ nước, tạo liên kết cũng như cảm quan hấp dẫn của sản phẩm chế biến. Các chất bảo quản và phụ gia này đã tham gia vào thành phần nước thải CBTS... gây khó khăn trong quá trình xử lý.

Vì vậy, việc kiểm soát các thông số tổng photpho (tính theo P) và tổng nitơ (tính theo N), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), tổng dầu mỡ động thực vật... có trong nước thải là rất quan trọng và cần thiết để BVMT. Do đó, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS đã quy định kiểm soát các thông số nêu trên và bắt buộc áp dụng.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NƯỚC THẢI CBTS

Trước năm 2008, Việt Nam chưa ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS. Thời điểm đó, nước thải CBTS được áp dụng theo quy định chung của nước thải công nghiệp với tiêu chuẩn áp dụng TCVN 5945:2005 (Bộ KHCN&MT ban hành, thay thế cho TCVN:5945:1995). Trong đó, photpho (P) và nitơ (N) được quy định qua các thông số: Tổng photpho (tính theo P) đối với cột A là 4mg/l, cột B là 6mg/l và cột C là 8mg/l; Tổng

nitơ (tính theo N) đối với cột A là 15mg/l, cột B là 30mg/l và cột C là 60mg/l; Amoni (NH₄⁺ tính theo N) đối với cột A là 5mg/l, cột B là 10mg/l và cột C là 15mg/l... Như vậy, đối với nước thải CBTS, việc quy định kiểm soát thành phần photpho (P) và nitơ (N)... đã có trước năm 2008, thậm chí TCVN 5945:1995 còn quy định cả P tổng số và P hữu cơ có trong nước thải...

Năm 2008, Việt Nam ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS QCVN 11:2008/BTNMT với các thông số: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₃⁺ tính theo N), tổng nitơ, clo dư và tổng coliforms. Mặc dù không ghi thông số tổng photpho (tính theo P), tuy nhiên các thông số khác không ghi trong QCVN 11:2008/BTNMT (trong đó có photpho) sẽ được tham chiếu áp dụng theo quy định tại cột A hoặc cột B của TCVN 5945:2005 - Chất lượng nước - Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải. Theo đó, tổng photpho (tính theo P) đối với cột A là 4mg/l, cột B là 6mg/l...là hết sức nghiêm ngặt.

Năm 2015, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS QCVN 11:2015/BTNMT ban hành (thay thế QCVN 11:2008/BTNMT) với các thông số: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng photpho (tính theo P); Amoni (NH₃⁺ tính theo N), tổng nitơ, tổng dầu mỡ động thực vật, clo dư và tổng coliforms... Theo đó, QCVN11:2015/BTNMT đã



Bảng: Tiêu chuẩn, quy chuẩn nước thải CBTS qua các thời kỳ

TT	Thông số	Đơn vị	TCVN 5945:2005			QCVN 11:2008/ BTNMT		QCVN 11:2015/BTNMT	
			A	B	C	A	B	A	B
01	pH	-	6-9	5,5-9	5-9	6-9	5,5-9	6-9	5,5-9
02	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	30	50	100	30	50	30	50
03	COD	mg/l	50	80	400	50	80	75	150
04	TSS	mg/l	50	100	200	50	100	50	100
05	Amoni	mg/l	5	10	15	10	20	10	20
06	Tổng nitơ	mg/l	15	30	60	30	60	30	60
07	Tổng phốt pho	mg/l	4	6	8	- (*)	- (*)	10	20
08	Tổng dầu, mỡ ĐTV	mg/l	10	20	30	10	20	10	20
09	Clo dư	mg/l	1	2	-	1	2	1	2
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	5.000	-	3.000	5.000	3.000	5.000

Ghi chú: Cột A dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Cột B không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Cột C không được phép thải ra môi trường. () tham chiếu áp dụng tại Bảng 1, TCVN 5945:2005 (mục 2.2).*

nới rộng hơn đối với thông số phốt pho từ 4mg/l lên 10mg/ (cột A) và từ 6mg/l lên 20mg/l (cột B); COD từ 50mg/l lên 75mg/l (cột A) và từ 80mg/l lên 150mg/l (cột B), còn các thông số khác thì được giữ nguyên so với quy định theo QCVN 11:2008/BTNMT...

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS QCVN 11:2017/BTNMT đang được xây dựng và hoàn thiện, với các thông số như QCVN 11:2015/BTNMT, nhưng được phân chia thành cơ sở mới và cơ sở đang hoạt động. Đối với các cơ sở đang hoạt động, giá trị các thông số giám sát giữ nguyên như QCVN 11:2015/BTNMT hiện hành áp dụng. Đối với các cơ sở mới sẽ áp dụng các quy định QCVN 11:2017/BTNMT và lộ trình áp dụng cho tất cả các cơ sở CBTS từ ngày 1/1/2020. Theo đó, Dự thảo QCVN 11:2017 đối với các cơ sở mới, với thông số tổng phốt pho (tính theo P) đối với cột A là 4mg/l, cột B là 20mg/l; Tổng nitơ (tính theo N) đối với cột A là 20mg/l, mức B là 40mg/l; Amoni (NH₄⁺ tính theo N) đối với mức A là 5mg/l, mức B là 10mg/l... được coi là rất nghiêm ngặt đối với nước thải CBTS. Đây là vấn đề được các chủ doanh nghiệp CBTS và Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) quan tâm và đang tiếp tục trao đổi, hoàn thiện.

Những năm qua, ngành CBTS đã có nhiều nỗ lực trong công tác BVMT, trong đó, vấn đề XLNT đã được các chủ doanh nghiệp quan tâm. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở CBTS xả nước thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận không đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS như thông số tổng phốt pho (tính theo P); Amoni (NH₃⁺ tính theo N)... Nguyên nhân chủ yếu là do đầu tư hệ thống XLNT chưa



▲ Hệ thống xử lý nước thải của Công ty Agifish An Giang

đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để xử lý triệt để thành phần P và N có trong nước thải; kỹ thuật vận hành công nghệ xử lý trong bối cảnh khá phức tạp của thành phần nước thải CBTS cần được xử lý (yếm khí UASB, hiếu khí Aerotenk... xử lý P và N)... Điều này đòi hỏi trách nhiệm xã hội của các chủ doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả xử lý nước thải CBTS trước khi thải ra môi trường theo quy định của pháp luật.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kiểm soát chất lượng nước thải CBTS ở nước ta đã có từ lâu và xuyên suốt trong quá trình quản lý môi trường.

Việc ban hành Quy chuẩn bắt buộc nhằm tăng cường kiểm soát chặt chẽ các thành phần P và N có trong nước thải CBTS để BVMT và sức khỏe của nhân dân là hết sức quan trọng.

Do đó, Dự thảo QCVN 11:2017/BTNMT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS sẽ nghiên cứu cơ sở thực tiễn và khoa học, xây dựng các mô hình để kiểm chứng thực tế, kết hợp với việc tham khảo nghiên cứu của các nước trong khu vực và thế giới...; Đồng thời, các định giá trị cụ thể của các thông số đặc trưng nước thải CBTS trên cơ sở cân bằng giữa nhu cầu phát kinh tế với hạ tầng cơ sở xử lý



▲ XLNT trong nuôi trồng, chế biến được các doanh nghiệp ngành thủy sản quan tâm, đầu tư

và yêu cầu BVMT (Tổng P; Amoni, tổng N, tổng dầu mỡ động thực vật).

Đối với cột A (cấp nước sinh hoạt) cần thực hiện nghiêm, nhưng đối với cột B (không dùng cấp nước sinh hoạt) có thể nới rộng hơn để phát huy lợi thế khai thác tiềm năng các vùng trọng điểm nuôi trồng CBTS (như vùng đồng bằng sông Cửu Long với nước nhiễm mặn). Bên cạnh đó, Dự thảo QCVN 11:2017/BTNMT không nên chia thành cơ sở mới và cơ sở đang hoạt động... vì sẽ gây khó khăn (cách hiểu khác nhau) trong áp dụng. Để bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, hiệu quả khi ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTS... cần có lộ trình thích hợp để các doanh nghiệp CBTS chuẩn bị đầu tư các công trình BVMT và XLNT đáp ứng Quy chuẩn xả thải. Cụ thể, từ nay đến năm 2020 vẫn áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CBTSQCVN 11:2015/BTNMT, nhưng từ năm 2020 trở đi bắt buộc áp dụng theo QCVN 11:2017/BTNMT với cột A có thể áp dụng nghiêm ngặt hơn và cột B có thể nới rộng hơn (có thể bằng và cao hơn một chút so với quy chuẩn hiện hành)... Từ đó sẽ tăng cường công tác BVMT đối với các nguồn thải cột A, nhưng vẫn tạo điều kiện phát huy lợi thế vùng trọng điểm nuôi trồng, CBTS, hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân... đối với các nguồn thải cột B■

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUAN TRẮC VÀ KIỂM SOÁT CÁC CHẤT U-POP TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐT NGOÀI TRỜI

Từ ngày 20 - 30/11/2017, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường phối hợp với Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) tổ chức Hội thảo Tập huấn Quan trắc các chất ô nhiễm hữu cơ phát thải không chủ định (U-POP) và khí nhà kính (GHG) từ các hoạt động đốt ngoài trời, với sự tham gia của đại diện 5 nước: Lào, Campuchia, Mông Cổ, Philipin và Việt Nam. Đây là một hoạt động quan trọng trong khuôn khổ của Dự án Trình diễn áp dụng Phương pháp kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT) và kinh nghiệm môi trường tốt nhất (BEP) trong hoạt động đốt ngoài trời nhằm thực hiện Công ước Stốckhôm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ thông qua UNIDO.

Trong số các chất U-POP, dioxin/furan là những chất có độc tính cao nhất, điển hình nhất trong nhóm các chất POP, được hình thành không chủ định trong một số quá trình đốt cháy và sản xuất công nghiệp. Dioxin là hợp chất rất bền trước các tác nhân phân hủy hóa học, vật lý và sinh học, tan tốt trong mỡ động vật, từ đó tích lũy trong các chuỗi thức ăn gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe con người, gây ra các bệnh như ung thư, rối loạn nội tiết, dị tật bẩm sinh... Là chất có độc tính cao, gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và sức khỏe con người, Dioxin được xếp vào các nhóm chất trong Danh mục các chất U-POP cần ưu tiên giảm thiểu của Công ước Stốckhôm. Để thực hiện Công ước Stốckhôm đối với các chất POP/U-POP, việc quan trắc, kiểm soát dioxin/furan là rất quan trọng nhằm giảm nguy cơ rủi ro đến môi trường và sức khỏe con người.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã cùng trao đổi, chia sẻ thông tin về những vấn đề liên quan đến các hợp chất POP/U-POP, trong đó tập trung vào một số nội dung chính như sự hình thành các hợp chất, nguồn gây ô nhiễm, nguồn phát thải và hoạt động quan trắc POP/U-POP; các quy trình thao tác lấy mẫu đất, khí ngoài trời để phân tích POP/ U-POP, GHG; qua đó, có biện pháp hiệu quả để kiểm soát và giảm phát thải các hợp chất này. Theo đó, tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, hoạt động đốt ngoài trời các phế phẩm nông nghiệp, đốt tại bãi rác, cháy rừng, đốt chất thải tại khu vực nông thôn... thường gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, phát sinh các chất dioxin/furan. Trong khi đó, nhận thức của người dân còn hạn chế, công nghệ đốt lạc hậu, thiếu các thiết bị quan trắc, phân tích mẫu hiện đại... dẫn đến những khó khăn trong việc giám sát sự phát thải các chất này trong ngành công nghiệp. Mặt khác, việc quan trắc các chất U-POP, trong đó có dioxin/furan đòi hỏi độ chính xác cao vì nồng độ của chúng rất nhỏ, tính bằng đơn vị ppm (một phần triệu - $\mu\text{g/kg}$), đòi hỏi trang thiết bị lấy mẫu và phân tích mẫu hiện đại, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao.

Trong khuôn khổ khóa Tập huấn, các học viên sẽ được đào tạo thực hành các quy trình, thao tác lấy mẫu đất, khí...; phân tích U-POP, GHG tại làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, Như Quỳnh (Hưng Yên). Qua đó, giúp các học viên nâng cao năng lực quan trắc các chất U-POP và thiết lập biện pháp kiểm soát, giảm thiểu phát thải dioxin/furan, ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm U-POP do hoạt động đốt ngoài trời.

PHƯƠNG LINH



Tăng cường phối hợp với các địa phương giải quyết vấn đề môi trường cấp bách liên vùng, liên tỉnh

Với chiều dài khoảng 290 km, sông Cầu có vai trò quan trọng trong hệ thống sông Thái Bình, trải dài trên 6 tỉnh: Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hải Dương và một phần Hà Nội. Thời gian qua, lưu vực sông (LVS) Cầu đang phải chịu những áp lực không nhỏ từ các hoạt động khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế, dẫn đến ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường LVS Cầu, một số địa phương đã chủ động đề xuất các vấn đề môi trường cấp bách cần giải quyết liên vùng, liên tỉnh và triển khai một số dự án BVMT LVS quan trọng, trong đó có tỉnh Bắc Giang.

Nhân dịp Phiên họp lần thứ 13 Ủy ban (UB) BVMT LVS Cầu được tổ chức tại Hải Dương, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bắc Giang Lại Thanh Sơn về việc triển khai Đề án tổng thể BVMT LVS Cầu trên địa bàn tỉnh.



▲ Ông Lại Thanh Sơn - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bắc Giang

***Xin ông cho biết, tình hình triển khai Đề án tổng thể BVMT LVS Cầu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thời gian qua?**

Ông Lại Thanh Sơn: Trong nhiều năm qua, tỉnh Bắc Giang đã tham gia đầy đủ, nỗ lực vào các hoạt động của UBBVMT LVS Cầu, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của UB, triển khai đồng bộ các nội dung và nhiệm vụ BVMT. Theo đó, tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách về BVMT, trong đó có BVMT LVS; đồng thời, tổ chức điều tra, thống kê, rà soát đầy đủ các đơn vị phát sinh nguồn thải trên địa bàn tỉnh và LVS, trên cơ sở đó, có kiến nghị phối hợp quản lý; chỉ đạo các ngành, UBND huyện, TP tích cực đẩy mạnh biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường ngay từ khi cấp phép đầu tư, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT.

Song song với đó, tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng các công trình BVMT, đặc biệt là xử lý nước thải (XLNT) và rác thải. Đến nay, 4/6 khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đã đầu tư, xây dựng Nhà máy XLNT tập trung (KCN Vân Trung với công suất 5.000 m³/ngày, đêm; KCN Đình Trám, công suất 2.000 m³/ngày, đêm; KCN Quang

Châu, công suất 3.000 m³/ngày, đêm; KCN Song Khê - Nội Hoàng, công suất 500 m³/ngày, đêm). Trong đó, 2 KCN Vân Trung và Quang Châu đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động nước thải và truyền số liệu về Sở TN&MT. Đối với công tác quản lý chất thải rắn (CTR), tỉnh đã xây dựng Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải khu vực nông thôn giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 (tỷ lệ rác thải khu vực nông thôn được thu gom đạt khoảng 74%) và tổ chức thu gom rác thải tại các đường làng, ngõ xóm, vớt rác trên sông, kênh mương, ao hồ; tăng cường quản lý chất thải nguy hại đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Đặc biệt, tỉnh đã đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm

pháp luật trong lĩnh vực môi trường. Để ngăn chặn các hành vi xả thải ra môi trường LVS, tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND huyện, TP tăng cường triển khai công tác BVMT tại khu vực giáp ranh, liên huyện, liên tỉnh; phối hợp chặt chẽ với UBND các tỉnh, địa phương khu vực giáp ranh trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nguồn ô nhiễm, đảm bảo chất lượng môi trường. Bên cạnh đó, tỉnh còn chú trọng đến công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường; phổ biến, hướng dẫn thực hiện chính sách pháp luật BVMT cho doanh nghiệp (DN), người dân thông qua các hình thức như: Tổ chức hưởng ứng các sự kiện môi trường (Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...), hội nghị tuyên truyền tập



huấn, tọa đàm về BVMT, hướng dẫn phân loại rác; đăng tin, bài trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh huyện, xã...

★Trong quá trình triển khai Đề án tổng thể BVMT LVS Cầu trên địa bàn tỉnh, có những khó khăn, vướng mắc gì, thưa ông?

Ông Lại Thanh Sơn: Trong quá trình triển khai các hoạt động BVMT LVS có một số khó khăn, vướng mắc như: Các cơ chế chính sách, quy định về hoạt động của UBBVMT LVS chưa đầy đủ và rõ ràng, trong khi, các tỉnh chưa chủ động trong việc giải quyết những vấn đề môi trường liên tỉnh; Cơ chế phối hợp giữa các tỉnh cũng chưa cụ thể, thiếu sự ràng buộc, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao; Việc xử lý ô nhiễm môi trường LVS đòi hỏi kinh phí lớn, nhưng kinh phí hoạt động của UBBVMT LVS Cầu còn hạn chế, các tỉnh thường phải chủ động, dẫn đến khó khăn trong xây dựng công trình BVMT mang tính chất liên vùng, liên tỉnh.

Ngoài ra, tại các tỉnh, trong đó có Bắc Giang, công tác ĐTM đối với dự án đầu tư đã bộc lộ một số bất cập; ý thức chấp hành pháp luật của các DN còn hạn chế, trong khi, cơ quan quản lý địa phương chưa làm hết trách nhiệm của mình và thiếu quyết liệt trong xử lý vi phạm; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT cho các DN, người dân chưa phát huy hiệu quả. Để công tác BVMT LVS đạt kết quả tốt thì cần phải có sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động của các cấp, ngành, DN và người dân, tuy nhiên, đó là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực của tất cả các bên. Mong rằng, trong thời gian tới, các tỉnh sẽ khắc phục những khó khăn, chủ động và tăng cường phối hợp để xử lý sự cố môi trường trên LVS; đồng thời, UBBVMT LVS Cầu cũng phát huy được vai trò, trách nhiệm để góp phần cải thiện chất lượng nước LVS Cầu.

★Công tác ĐTM đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Nhưng theo như ông cho biết, việc triển khai công tác này tại Bắc Giang đang có những bất cập, cụ thể là gì, thưa ông?

Ông Lại Thanh Sơn: Thời gian qua, Bắc Giang luôn quan tâm đến việc nâng cao hiệu quả công tác ĐTM đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc: Số lượng các dự án đầu tư tại Bắc Giang ngày càng tăng, ước tính mỗi năm, tỉnh có thể tiếp nhận từ 300 - 500 dự án xin giấy xác nhận ĐTM. Với số lượng nhiều dự án, lĩnh vực đa dạng, đa ngành, nên việc đánh giá



▲ Bắc Giang xử lý nghiêm những đối tượng khai thác cát, sỏi trái phép trên LVS Cầu



▲ KCN Vân Trung là một trong 4 KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có trạm xử lý nước thải tập trung

được hết tác động môi trường của tất cả các dự án là thách thức đối với cơ quan quản lý ở Bắc Giang. Nguyên nhân là do năng lực của các đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM còn hạn chế; công tác thẩm tra, xác nhận báo cáo ĐTM của cơ quan chức năng, Hội đồng thẩm định chưa đáp ứng yêu cầu quản lý. Mặt khác, chất lượng báo cáo ĐTM thấp, giữa các nội dung trong báo cáo ĐTM so với thực tế của dự án chưa đúng.

Trong thời gian tới, để công tác BVMT đạt hiệu quả cao, cơ quan quản lý nhà nước cần nâng cao chất lượng thẩm tra các thủ tục về môi trường (báo cáo ĐTM, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, kế hoạch BVMT...); tăng cường năng lực cho đội ngũ tư vấn ĐTM, Hội đồng thẩm định

ĐTM tại địa phương. Các địa phương nên thiết lập một danh sách đơn vị tư vấn có chất lượng, uy tín để giới thiệu cho dự án. Vừa qua, Bắc Giang đã triển khai nội dung này và đã thông báo đến các đơn vị tư vấn có đủ điều kiện, năng lực, trách nhiệm để tham gia lập báo cáo ĐTM cho DN, các DN có thể tham khảo danh sách những đơn vị tư vấn đó. Tôi nghĩ, Bộ TN&MT cũng nên lập danh sách đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, có năng lực trên cả nước để giới thiệu cho các DN tiếp cận. Đây là việc làm cần thiết không chỉ đối với các DN, mà còn đối với cơ quan quản lý nhà nước, qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT.

★Xin cảm ơn ông!

PHƯƠNG TÂM (Thực hiện)



Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Trong những năm qua, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức của các cán bộ, công chức và nhân dân về BVMT đã được nâng cao... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ô nhiễm môi trường (ÔNMT) đang là một trong những thách thức đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Cao Bằng. Để hạn chế những tác động đến môi trường, tỉnh đã triển khai một số giải pháp cấp bách về BVMT. Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với Giám đốc Sở TN&MT Cao Bằng Thái Hồng Thịnh về vấn đề này.



▲ Ông Thái Hồng Thịnh - Giám đốc Sở TN&MT Cao Bằng

***Xin ông cho biết, tình hình giải quyết những vấn đề cấp bách về lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh? Công tác triển khai, thực hiện Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật tại địa phương có gặp khó khăn, vướng mắc gì, thưa ông?**

Ông Thái Hồng Thịnh: Trong thời gian qua, thực hiện những vấn đề cấp bách về lĩnh vực BVMT, tỉnh đã rà soát, triển khai chỉ đạo ban hành theo thẩm quyền, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định BVMT theo hướng ngăn chặn các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, các loại hình sản xuất có nguy cơ cao gây ÔNMT; lập danh mục hạn chế chuyển giao các công nghệ không thân thiện môi trường...; giám sát công tác BVMT tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (KCN/CCN). Đồng thời, tỉnh đã cải cách công tác thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cũng như sau thẩm định, bảo đảm các dự án trước khi đi vào hoạt động thực hiện đầy đủ các biện pháp BVMT; đẩy mạnh, công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, nhất là tại các KCN/CCN và cơ sở hoạt động khai thác khoáng sản. Theo đó, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT từ năm 2015 đến tháng 10/2017 là 577.250.000 đồng.

Cùng với đó, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT) và phê duyệt lộ trình, kế hoạch xử lý các cơ sở gây ÔNMTNT. Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Cao Bằng có 24 cơ sở gây ÔNMTNT, đến nay, có 17 cơ sở đã hoàn thành xử lý triệt để, còn 7 cơ sở theo kế hoạch sẽ hoàn thành xử lý triệt để trước năm 2020.

Công tác ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cũng được thực hiện nghiêm túc, Cụ thể: Từ năm 2013 đến nay, tỉnh đã ban hành 25 Quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với 25 mỏ khai thác khoáng sản, tổng số tiền ký quỹ là 22.341 triệu đồng. Hiện tỉnh đã thành lập Quỹ BVMT địa phương.

Ngoài ra, tỉnh đã đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường tại huyện Hòa An; đang kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại TP. Cao Bằng; thực hiện lồng ghép có hiệu quả nhiệm vụ BVMT trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

Để triển khai hiệu quả Luật BVMT năm 2014, đến nay, Sở TN&MT đã tổ chức 52 lớp tập huấn phổ biến Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các Hội, tổ chức chính trị - xã hội... Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật, cụ thể như công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về BVMT còn hạn chế, năng



▲ Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ về sự hợp tác bảo tồn ĐDSH xuyên biên giới giữa Sở TN&MT Cao Bằng (Việt Nam) và Sở BVMT Quảng Tây (Trung Quốc)

lực cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý môi trường hiện nay. Cùng với đó, một số nghị định, thông tư ban hành không kịp thời, nên khi triển khai, phổ biến thiếu thống nhất. Mặt khác, Cao Bằng là một tỉnh miền núi, cơ sở hạ tầng chưa tốt nên khi triển khai phổ biến Luật BVMT năm 2014 và các văn bản dưới Luật đến các cơ sở cấp xã, ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều bất cập, nhất là, trình độ dân trí thấp nên khó khăn trong triển khai các quy định pháp luật BVMT...

***Là tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng, tỉnh đã triển khai những biện pháp gì để sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, khắc phục ô nhiễm và cải tạo, phục hồi môi trường? Ông có thể cho biết việc chấp hành pháp luật BVMT của các doanh nghiệp (DN) khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh?**

Ông Thái Hồng Thịnh: Nhằm phát huy nguồn tài nguyên khoáng sản, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, tỉnh đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về khoáng sản một cách sâu rộng và thường xuyên tại các địa bàn có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của địa phương theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010; Xây dựng, thẩm định và phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

trên từng địa phương và toàn tỉnh; Rà soát điều chỉnh, sắp xếp lại các dự án khai thác chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung. Hàng năm, thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định trong khai thác, sử dụng khoáng sản, phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, gây ô nhiễm môi trường...

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh, cần có sự tham gia đồng bộ của các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền địa phương. Đồng thời, tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác điều tra, đánh giá, thăm dò tiềm năng tài nguyên, trữ lượng khoáng sản còn lại trên địa bàn tỉnh bằng nguồn vốn của DN. Ngoài ra, tỉnh cũng tạo điều kiện cho một số dự án chế biến khoáng sản hoạt động hiệu quả tăng cường

đầu tư, cải tiến công nghệ để nâng cao giá trị khoáng sản; kiên quyết thu hồi những dự án chế biến sâu chậm triển khai đầu tư, có công nghệ lạc hậu, sản xuất không liên tục, hiệu quả thấp và gây ô nhiễm môi trường; tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch khoáng sản của tỉnh cho phù hợp với quy hoạch, chiến lược chung của Trung ương, tăng cường chỉ đạo công tác cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trong thời gian theo đúng quy định của Luật Khoáng sản năm 2010. Đồng thời, từng bước nâng cao chất lượng lập, thẩm định hồ sơ xin khai thác khoáng sản và Báo cáo ĐTM của các dự án khai thác khoáng sản; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra để quản lý chặt chẽ hoạt động khoáng sản và đặc biệt là các nguồn thu từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản.

Qua thanh tra việc chấp hành pháp luật BVMT của các DN khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh cho thấy, hầu hết các cơ sở hoạt động khai thác khoáng sản đều tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số DN vì lợi nhuận trước mắt mà ít chú trọng quan tâm đến công tác BVMT, thực hiện đối phó, chưa xem công tác BVMT là trách nhiệm, nghĩa vụ. Việc đầu tư trang bị thiết bị xử lý môi trường rẻ tiền, lạc hậu, ít thân thiện môi trường, hoặc chỉ vận hành các công trình xử lý môi trường khi có cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát, kiểm tra...

***Công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, xin ông cho biết,**



▲ KBT thiên nhiên Phia Oắc - Phia Đén phong phú các loài động, thực vật

một số kết quả đạt được, cũng như những thách thức của công tác này trong thời gian qua? Ông có thể nêu một số khó khăn, bất cập, cũng như kiến nghị để thực hiện tốt công tác bảo tồn ĐDSH?

Ông Thái Hồng Thịnh: Thực hiện Luật ĐDSH, tỉnh đã lập và phê duyệt Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 và Kế hoạch hành động bảo tồn ĐDSH tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 tại Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 19/5/2017. Ngoài ra, tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản nhằm bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) nguy cấp, quý hiếm, ngăn ngừa các loài ngoại lai xâm hại.

Thời gian qua, tỉnh đã triển khai một số dự án trên địa bàn như: Dự án điều tra khảo sát, quy hoạch chi tiết khu rừng Phia Oắc - Phia Đén để thành lập Vườn quốc gia (VQG) Phia Oắc - Phia Đén, đang trình Chính phủ phê duyệt; Dự án hành lang ĐDSH xuyên biên giới Cao Bằng - Quảng Tây, Trung Quốc (BCI) tại Khu bảo tồn (KBT) loài và sinh cảnh vượn Cao Vít Trùng Khánh đang thực hiện có hiệu quả; Dự án hỗ trợ thực hiện hành lang ĐDSH xuyên biên giới Cao Bằng - Quảng Tây (Trung Quốc)...

Mặt khác, để nâng cao nhận thức trong công tác bảo tồn ĐDSH, tài nguyên thiên nhiên, đến nay, tỉnh đã thực hiện lồng ghép 80 lớp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ các Sở, ban, ngành, UBND các huyện và TP, tổ chức đoàn thể cấp huyện, xã, phường, thị trấn và cộng đồng dân cư về Luật ĐDSH và các văn bản hướng dẫn Luật. Bên cạnh đó, Sở TN&MT đã tổ chức các lớp tập huấn về sinh kế cho người dân tại 3 xã Phong Nặm, Ngọc Khê và Ngọc Côn đang sinh sống tại hành lang KBT loài và sinh cảnh vượn Cao Vít và cấp nguồn vốn ban đầu cho Quỹ phát triển xã (CDF), tạo điều kiện cho các hộ gia đình vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển chăn nuôi.

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác quản lý ĐDSH tại địa phương còn nhiều bất cập như: Theo quy định phân công về chức năng quản lý, các KBT thuộc Sở NN&PTNT;

các khu bảo vệ cảnh quan, khu di tích lịch sử thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, mặc dù không có chức năng quản lý, nhưng Sở TN&MT lại có trách nhiệm phải báo cáo về các vấn đề ĐDSH hàng năm. Trong khi đó, cán bộ quản lý về bảo tồn ĐDSH có năng lực hạn chế, đặc biệt, đối với cán bộ cấp xã, phường chưa có cán bộ chuyên môn theo dõi, giám sát về ĐDSH. Nguồn kinh phí để triển khai về ĐDSH còn hạn hẹp; cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác bảo tồn ĐDSH còn thiếu...

Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới, tỉnh sẽ tăng cường nguồn nhân lực và năng lực quản lý bảo tồn ĐDSH trên địa bàn. Đồng thời, ban hành cơ chế, chính sách và hỗ trợ kinh phí để thực hiện công tác bảo tồn ĐDSH; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Dự án BCI tại KBT loài và sinh cảnh Vượn Cao Vít (Pha III); đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong bảo tồn ĐDSH, tài nguyên thiên nhiên...

Tỉnh cũng đề xuất, kiến nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí triển khai Dự án quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch hành động bảo tồn ĐDSH tỉnh Cao Bằng đến năm 2020; bổ sung nguồn lực cán bộ làm công tác bảo tồn ĐDSH tại địa phương và tổ chức các hội nghị, tập huấn để nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác bảo tồn; Đề nghị Bộ TN&MT ban hành văn bản phối hợp giữa các ngành TN&MT, NN&PTNT, Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công tác quản lý ĐDSH.

CHÂU LOAN (Thực hiện)



● Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường

Ngày 24/10/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1618/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng hệ cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về quan trắc TN&MT. Mục tiêu của Đề án là thiết lập hệ CSDL quốc gia về quan trắc TN&MT, một thành phần trong hệ CSDL quốc gia về TN&MT, trên cơ sở Quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ứng dụng giải pháp công nghệ hiện đại nhằm thu nhận, quản lý thống nhất, đáp ứng yêu cầu công bố, cung cấp, khai thác, chia sẻ kịp thời thông tin quan trắc TN&MT phục vụ mục tiêu hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Thời gian thực hiện Đề án trong 6 năm (2017 - 2022), trong đó, giai đoạn 1 (2017 - 2020) tập trung vào hoàn thiện cơ chế chính sách và các quy định kỹ thuật phục vụ thu nhận, xây dựng, quản lý, công bố, chia sẻ, cung cấp, khai thác sử dụng CSDL quốc gia về quan trắc TN&MT; đầu tư trang thiết bị, phần cứng, phần mềm, thiết lập Trung tâm tích hợp và xử lý dữ liệu; liên kết với các Trung tâm dữ liệu thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ TN&MT; kết nối với các Bộ, ngành, địa phương...; Giai đoạn 2 (2020 - 2022), sẽ thực hiện hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu thực tế; hoàn thành kết nối tới tất cả các trung tâm dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các trạm quan trắc ngành TN&MT; tiếp tục thu nhận, tích hợp dữ liệu quan trắc TN&MT; hoàn thiện CSDL kết hợp xử lý, phân tích dữ liệu quan trắc bảo đảm công bố, cung cấp, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu quan trắc TN&MT...

Để thực hiện các nhiệm vụ, Đề án đưa ra các giải pháp chủ yếu như: Bộ TN&MT chủ trì, xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật, cơ chế chính sách, quy định kỹ thuật về thu thập, công bố, chia sẻ, khai thác sử dụng thông tin...; Đào tạo, tăng cường năng lực chuyên môn đáp ứng các nhiệm vụ thiết yếu, xây dựng, quản lý, duy trì và vận hành hệ CSDL quốc gia về TN&MT; ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ mới; tăng cường hợp tác quốc tế nhằm đổi mới công nghệ; Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức...

● Công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường, địa chất và khoáng sản

Ngày 18/10/2017, Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường, địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT. Theo đó, có 8 thủ tục hành chính mới ban hành, bao gồm: 3 Thủ tục hành chính (Cấp Trung ương gồm cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản, cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình; Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); 5 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình, bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản; Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình; Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).

Đồng thời, Bộ cũng công bố danh mục các thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bao gồm: 10 thủ tục hành chính cấp Trung ương và 10 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc lĩnh vực tài nguyên nước; 13 thủ tục hành chính cấp Trung ương và 15 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản. Riêng lĩnh vực môi trường có 8 thủ tục hành chính cấp Trung ương, bao gồm cấp và cấp lại, điều chỉnh giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép chứng nhận lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải; Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là chất độc hại, chất lây nhiễm bằng phương tiện giao thông cơ giới, đường bộ...

● Phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Ngày 16/10/2017, Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (KTKS). Phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định chi tiết khoản 5 Điều 69 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và các cơ quan có liên quan đến thực hiện công tác tính tiền cấp quyền KTKS và tổ chức, cá nhân KTKS.

Thông tư quy định công thức xác định giá tính tiền cấp quyền KTKS: $G = G_{tn} \times K_{qđ}$. Trường hợp áp dụng hệ số quy đổi $K_{qđ} = 1$. Việc xác định hệ số quy đổi $K_{qđ}$ đối với từng nhóm, loại khoáng sản kim loại; Hệ số quy đổi $K_{qđ}$ được làm tròn và lấy đến số thập phân thứ 3...



TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI: Xa mà gần, gần mà xa

VŨ NGỌC LÂN

Gần đây, tôi có dịp về một vùng quê ở đồng bằng Bắc bộ. So với lần trước, cách đây mấy năm, cơ sở hạ tầng, đường thôn ngõ xóm được “cứng hóa” bằng bê tông; trụ sở xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa cũng được xây mới hoặc nâng cấp; đời sống người dân được cải thiện... Theo kế hoạch, trong năm 2017, xã sẽ đạt cả 19 tiêu chí và trở thành “xã nông thôn mới”. Tuy nhiên, khi đi sâu vào từng cánh đồng, xóm làng thì thấy có những vấn đề chưa hợp lý, nhất là tiêu chí về môi trường. Dọc theo con đường nổi xóm trên với xóm dưới là một cái mương cạn lộ thiên, rộng chừng hơn 2 m, dài khoảng 400 - 500 m, sâu khoảng 1 m. Dưới đó là dòng nước đen ngòm bởi các ống dẫn nước thải chôn nuôi từ các gia đình hai bên mương thải ra. Ở đầu làng là một khu đất rộng khoảng 100 m² được bao tường xung quanh cao 50 cm, là nơi tập kết rác của cả xóm, với các bao tải rác thải chôn chôn.

Trước đây, hàng tuần có đội thu gom rác dọc lối đi của các gia đình và đốt, nhưng hiện nay, do nhiều nguyên nhân nên rác không được thu gom hết, đốt cũng không hết, do đó bãi rác thải ngày càng nhiều. Đặc biệt, dọc các rãnh nước ở ruộng lúa, khu trồng màu, ven đê là những vỏ chai, bình đựng thuốc trừ sâu, vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật vứt tràn lan. Trong các đường thôn, ngõ xóm mặc dù có rất nhiều cây xanh, kể cả những cây cổ thụ, nhưng từ sáng sớm đến chiều tối, không thấy một tiếng chim kêu, bởi vì người ta đã dùng bẫy dính, súng săn để đánh bắt.

Công bằng mà nói, sau 6 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) chúng ta đã đạt được những thành tích đáng kể, tạo ra sự chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; nguồn lực, sáng kiến trong người dân được phát huy, cơ sở hạ tầng nông thôn được củng cố, xây dựng mới, bộ mặt nông thôn nước ta đã thay đổi đáng kể, góp phần nâng cao, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của gần 70% số dân cả nước. Nhờ có phong trào xây dựng NTM mà cấp



▲ Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đạt chuẩn NTM từ năm 2015

ủy, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể quần chúng đã có thêm bài học về phát huy sức mạnh người dân, rằng khi có một cơ chế phù hợp, sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước thì người dân sẽ tự giải quyết được khó khăn, cản trở, bức xúc đặt ra. Đúng là “Dễ trăm lần không dân cũng chịu/ Khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng bộc lộ một số bất cập, trong đó có một số tiêu chí xây dựng NTM cần phải được điều chỉnh. Ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 để điều chỉnh Bộ tiêu chí theo Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trong Bộ tiêu chí mới được ban hành, nhiều tiêu chí được điều chỉnh so với Bộ tiêu chí đã được áp dụng trong giai đoạn trước, trong

đó tiêu chí về môi trường được điều chỉnh tăng từ 5 lên 8 tiêu chí với nhiều nội dung như: An toàn thực phẩm; nhà tiêu; nhà tắm; bể chứa nước, BVMT trong chăn nuôi. Bộ tiêu chí cũng quy định chặt chẽ một số nội dung như: Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định. Sự điều chỉnh tiêu chí về môi trường trong xây dựng NTM thể hiện: Vấn đề môi trường trong xây dựng NTM là vấn đề vừa quan trọng vừa rất cấp bách, lâu dài; Tiêu chí môi trường ở từng địa phương, huyện, xã, khu dân cư luôn luôn thay đổi, xuất hiện những tình huống mới trong quá trình phát triển (khu công nghiệp, làng nghề, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt...); Thể hiện sự quan tâm của Chính phủ đối với công tác BVMT trong quá trình xây dựng NTM; Một số tiêu chí được bổ sung đặt ra yêu cầu cao trong thay đổi nhận thức đến hành động của người dân, từ sản xuất, kinh



doanh đến trong sinh hoạt hàng ngày; Đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác BVMT, huy động các tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường kiểm tra, giám sát trong cộng đồng là việc làm thường xuyên từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài của tổ chức, cá nhân cán bộ, đảng viên.

Tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM - xa mà gần. Khi nói đến công tác BVMT trong xây dựng NTM, có xu hướng cho rằng, môi trường là việc của tập thể, nhà nước, cộng đồng và ít khi liên quan đến bản thân, gia đình. Đến nay, không phải ai cũng nhận thức được rằng, bầu không khí chúng ta hít thở hàng ngày là không khí chung, nhưng lại cần cho sự sống từng phút, từng giây. Nguồn nước, sông suối, ao hồ, mạch nước ngầm là nguồn tài nguyên quý giá của mỗi gia đình và mỗi người chúng ta. Việc một số gia đình không có nhà tiêu hợp vệ sinh hoặc phun thuốc diệt cỏ vô hình chung sẽ là nguồn lây nhiễm bệnh dịch, đất nhiễm chất độc hóa học, gây bệnh tật, thậm chí ung thư cho nhiều người. Mặc dù Chính phủ đã bổ sung các tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, nhưng có những tiêu chí chỉ mới định tính chứ chưa định lượng cụ thể, thậm chí mơ hồ (tiêu chuẩn nước sạch, hợp vệ sinh; tỷ lệ chất thải được thu gom; tỷ lệ nguồn lực xã hội cho BVMT; xử lý chất thải trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu gom, xử

lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật; việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường). Nếu địa phương, cơ sở xây dựng NTM theo kiểu phong trào, “chạy theo thành tích”, né tránh, thực hiện không nghiêm khắc, để bỏ qua tiêu chí thì nhất định sẽ thất bại, riêng tiêu chí môi trường thì sẽ “lợi bất cập hại”.

Tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM có khi gần mà cũng xa. Gần là ngay trong tầm của mỗi người nông dân, mỗi hộ nông dân nhưng nếu không nhận thức đầy đủ, sâu sắc, không tích cực chủ động xây dựng thành công một cách bền vững thì sẽ vượt ra ngoài tầm và như vậy mục tiêu từ gần sẽ trở thành xa. Nếu các tiêu chí môi trường rất gần, từ sản xuất, tiêu dùng đến sinh hoạt, ăn, mặc, ở không hợp vệ sinh, không được giám sát chặt chẽ, thường xuyên thì lại trở thành xa xôi, khó thực hiện. Thị trường thế giới hiện

nay như là một cái chợ khổng lồ. Trong “rổ hàng hóa” của con người nếu có sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, không được kiểm định về an toàn thực phẩm..., người mua sẽ quay lưng, tẩy chay. Ngày 23/10/2017, Ủy ban châu Âu (EU) đã chính thức “rút thẻ vàng” đối với hải sản Việt Nam, với lý do những nỗ lực của Việt Nam chưa đủ để chống khai thác bất hợp pháp. Đáng chú ý, sau 6 tháng, nếu chúng ta không khắc phục được sẽ bị “rút thẻ đỏ”, đồng nghĩa với việc hải sản không còn đường vào EU. Đó là bài học mà chúng ta đang khắc phục, tháo gỡ. Do vậy, nâng cao nhận thức, ý thức BVMT, sống hòa hợp với thiên nhiên, bảo vệ những giá trị văn hóa tốt đẹp của làng quê Việt Nam, truyền thống tốt đẹp của dân tộc chính là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng NTM, góp phần giữ gìn văn hóa Việt cho hôm nay và các thế hệ mai sau.

Vấn đề môi trường hiện đã và đang len lỏi vào tất cả các mặt của đời sống xã hội. Tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM không như một số tiêu chí khác mà là vấn đề không hề đơn giản, cam go, cần phải cố gắng nỗ lực phấn đấu thường xuyên, liên tục, lâu dài, gian khổ. Do vậy, không chỉ có trong xây dựng NTM mà trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội hôm nay và mai sau, nếu làm tốt công tác môi trường thì tiêu chí xa sẽ trở nên gần gũi, ngược lại, có những tiêu chí rất gần gũi, hàng ngày quanh ta sẽ trở nên xa xôi, khó có thể đạt được như mong muốn■



▲ Phương tiện vận chuyển rác còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu thu gom rác thải sinh hoạt hiện nay



Thúc đẩy các giải pháp kinh doanh bền vững tại Việt Nam

Tiếp nối thành công của 3 kỳ Diễn đàn doanh nghiệp (DN) phát triển bền vững (PTBV) Việt Nam (VCSF), vừa qua, Hội đồng DN vì sự PTBV Việt Nam (VBCSD), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Diễn đàn VCSF lần thứ IV với chủ đề “Nhân rộng những mô hình kinh doanh giúp giải quyết các thách thức PTBV”. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Quang Vinh, Phó Tổng thư ký VCCI kiêm Phó Chủ tịch VBCSD về các giải pháp kinh doanh bền vững tại Việt Nam.

★Theo ông, DN có vai trò gì trong việc triển khai các Mục tiêu PTBV?

Ông Nguyễn Quang Vinh: Trước hết có thể khẳng định, bên cạnh vai trò của Chính phủ và các tổ chức quốc tế, DN đóng một vai trò cốt yếu trong việc triển khai 17 Mục tiêu PTBV (SDGs) bởi mỗi hoạt động của DN đều tạo ra những tác động nhất định đến mọi mặt của đời sống. Nói cách khác, các Mục tiêu toàn cầu sẽ không thể được hiện thực hóa nếu thiếu sự tham gia của DN.

DN là yếu tố quan trọng, quyết định đến sự chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế quốc dân, đồng thời cũng là động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo và phát triển công nghệ. Đặc biệt, khu vực tư nhân là một trong những nguồn thu chính cho ngân sách Nhà nước - điều kiện để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các hoạt động xã hội công (y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo...) và BVMT, tiến tới PTBV.

Ở cấp độ quốc gia, các SDGs cũng được xem là “kim chỉ nam” để cộng đồng DN phát triển. Vấn đề PTBV luôn được xác định là yêu cầu quan trọng và là mục tiêu cốt lõi của sự phát triển kinh tế tại Việt Nam. Chính vì vậy, định hướng và hoạt động theo SDGs, các DN sẽ nâng được vị thế, đồng thời có được niềm tin của Chính phủ, khách hàng, nhà đầu tư.

★Ông đánh giá như thế nào về tình hình thực hiện các SDGs của DN giai đoạn 2015-2017?

Ông Nguyễn Quang Vinh: 2 năm sau khi 17 SDGs được các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thông qua vào năm 2015, sự ủng hộ của cộng đồng DN đối với SDGs đã có sự thay đổi mạnh mẽ. Đến nay, có 1.500 DN tham gia Diễn đàn DN về PTBV của Liên hợp quốc, trong khi năm 2016 chỉ là 200 DN. Đặc biệt, cộng đồng DN đã nhận thức rõ hơn về những cơ hội mà các SDGs mang lại, cũng như rủi ro có thể được khắc phục. Số lượng các DN lập báo cáo



▲ Ông Nguyễn Quang Vinh, Phó Tổng thư ký VCCI kiêm Phó Chủ tịch VBCSD

bền vững (BCBV) tăng gấp 2 lần trong vòng 5 năm (2012-2017), với 90% trong tổng số 500 DN lớn nhất đã lập BCBV. Ngoài ra, mạng lưới hợp tác cũng được tăng cường với sự liên kết chặt chẽ, tích cực giữa các DN và quốc gia.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của khối DN đến tiến trình PTBV chung vẫn còn những hạn chế, đặc biệt là DN khu vực tài chính. Nhiều DN vẫn lúng túng khi tiếp cận các SDGs và nhận thức trên toàn cầu đối với PTBV nhìn chung còn chưa cao.

★Trong thực tế, việc thực hiện các sáng kiến, triển khai những mô hình kinh doanh mới, hướng đến PTBV của các DN tại Việt Nam như thế nào, thưa ông?

Ông Nguyễn Quang Vinh: Có thể thấy ngày càng

có nhiều sáng kiến, mô hình kinh doanh mới, hướng đến PTBV như các mô hình: Kinh doanh cùng người thu nhập “thấp”, nền kinh tế tuần hoàn, xây dựng chuỗi giá trị bền vững, lập báo cáo PTBV, áp dụng bộ chỉ số DN bền vững (CSI)... Do đó, nhiều DN đã giảm tới 99% lượng phát thải khí CO₂, không xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp; sử dụng năng lượng tái tạo, tái sử dụng 98-99% phụ phẩm và phế liệu... Hiện nay, VCCI và VBCSD đang xây dựng Chương trình hỗ trợ DN triển khai nền kinh tế tuần hoàn (KTTH) - một khái niệm mới tại Việt Nam và thế giới. Ước tính, mô hình kinh doanh mới này có thể tạo ra những cơ hội kinh doanh trị giá tới 4,5 nghìn tỷ USD mỗi năm. Vì vậy, các DN Việt Nam



có thể tận dụng những tiềm năng do KTTH mang lại. Hoạt động đầu tiên của Chương trình hỗ trợ DN triển khai nền KTTH chính là sáng kiến “Ngừng xả thải vào môi trường tự nhiên” do VCCI/VBCSD phối hợp với Công ty Unilever Việt Nam, CocaCola Việt Nam và Dow Chemical Việt Nam thực hiện, nhằm giải quyết những vấn đề do chất thải nhựa gây ra, đồng thời thiết kế lộ trình cho việc xây dựng, thúc đẩy những mô hình kinh doanh bền vững trên phạm vi toàn quốc, phát triển chuỗi giá trị và kiến nghị chính sách tạo điều kiện cho việc triển khai nền KTTH trên cả nước.

Ngoài ra, mô hình DN xã hội cũng là một điểm sáng bền vững và nhân văn. Ở Việt Nam, DN xã hội đã trở thành chủ thể kinh tế được pháp luật ghi nhận và khuyến khích. Nhiều doanh nhân Việt Nam đã chọn con đường làm DN xã hội để đóng góp cho phát triển cộng đồng, coi việc mang lại hạnh phúc cho mọi người là mục tiêu chính...

★Để thực hiện thành công các SDGs, bên cạnh sự nỗ lực của Chính phủ, Bộ, ban/ngành, theo ông, các DN cần phải làm gì?

Ông Nguyễn Quang Vinh: Như đã nói ở trên, các Mục tiêu toàn cầu sẽ không thể được thực hiện nếu thiếu sự tham gia của DN. Và ngược lại, DN cũng được hưởng lợi ích to lớn từ việc thực hiện PTBV. Theo nghiên cứu của Ủy ban Kinh doanh và PTBV, nếu đặt PTBV nằm trong chiến lược cốt lõi của DN, việc hoàn thành 17 SDGs có thể mở ra cơ hội thị trường trị giá ít nhất 12 nghìn tỷ USD trong 4 lĩnh vực: Lương thực, nông nghiệp; đô thị; năng lượng, vật liệu; y tế và sức khỏe. Nếu xét trên tất cả các lĩnh vực, tiềm năng kinh tế mà PTBV mang lại sẽ lớn hơn nhiều con số 12 nghìn tỷ USD. Do đó, trước hết DN cần nhận thức rằng, việc không thực hiện PTBV là một lựa chọn tổn kém khi bỏ lỡ những cơ hội tiềm năng mà PTBV mang lại.

Mặt khác, những khiếm khuyết của mô hình kinh tế truyền thống đang làm nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường và xã hội, đồng thời kìm hãm tiềm năng phát triển trong tương lai. Chi phí kinh doanh ngày càng lớn trong khi các cơ hội kinh doanh bị thu hẹp dần. Chính phủ cũng sẽ đặt áp lực thực hiện PTBV lên khối DN, và việc từ chối gắn kết các SDGs trong chiến lược kinh doanh có thể khiến họ gặp rủi ro về pháp lý trong tương lai. Tôi mong rằng, các nhà lãnh đạo DN hãy coi việc thực hiện SDGs là nhiệm vụ của mình và cập nhật thông tin về PTBV.



▲ Lễ Công bố "Bảng xếp hạng 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2016" lần thứ nhất do VBCSD tổ chức, ngày 8/11/2016, tại Hà Nội



▲ Nhà máy bia Heineken Việt Nam được VCCI xếp hạng 3 DN bền vững nhất Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, năm 2016

Đồng thời, DN cần hiểu rõ những tác động về kinh tế, môi trường và xã hội mà các hoạt động kinh doanh của họ có thể tạo ra, từ đó xây dựng một kế hoạch hướng tới PTBV. Đồng thời, DN nên áp dụng những công cụ hữu hiệu để quản trị công ty (như CSI) để giúp DN có cái nhìn tổng thể về toàn bộ hoạt động của công ty, quản trị rủi ro cũng như xây dựng được chiến lược kinh doanh qua góc độ của các SDGs, giúp DN thành công, bền vững hơn, cũng như tích cực truyền thông những

hoạt động và tiến độ thực hiện SDGs.

Trên cấp độ ngành, DN cần phối hợp với DN cùng ngành và các bên liên quan nhằm gắn kết SDGs vào bối cảnh của ngành, từ đó xây dựng một tầm nhìn chung cho toàn ngành, phối hợp triển khai các sáng kiến chuyển đổi. DN cũng cần giới thiệu những chính sách quan trọng cũng như các hình thức hỗ trợ từ phía Chính phủ và tổ chức tài chính.

★Xin chân thành cảm ơn ông! VŨ NHUNG (Thực hiện)



Ngành dệt may Việt Nam: Thúc đẩy thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao sức cạnh tranh

TS. PHÙNG THỊ QUỲNH TRANG

Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của xã hội, ngành Dệt may (NDM) gia tăng nhanh chóng sản lượng sản xuất. Đây là ngành thu hút một lượng lớn lao động, khoảng hơn 2,5 triệu, với hơn 5.000 doanh nghiệp (DN). Tuy nhiên, sự phát triển của NDM cũng kéo theo các hệ lụy về ô nhiễm môi trường. Để nâng cao năng lực sản xuất và giảm thiểu chất thải, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, NDM đã áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn (SXSH), nhằm thay đổi mô hình sản xuất theo hướng bền vững và thân thiện môi trường.

NDM Việt Nam hiện đang phải đối mặt với vấn đề ô nhiễm môi trường do nước thải nhuộm có dư lượng hóa chất lớn. Theo nghiên cứu, trong nước thải dệt nhuộm có cả những chất dễ phân giải vi sinh như bột sắn dùng hồ sợi dọc và những chất khó phân giải vi sinh như polyvinyl axetat, thuốc nhuộm phân tán, thuốc nhuộm hoạt tính và các chất dùng tẩy trắng vải. Với các loại vải càng sử dụng nhiều xơ sợi tổng hợp như polyester thì càng dùng nhiều thuốc nhuộm và các chất phụ trợ khó phân giải vi sinh, dẫn tới lượng chất gây ô nhiễm môi trường trong nước thải càng cao. Để đảm bảo lợi ích kinh tế và môi trường, việc áp dụng SXSH đã giúp các DN dệt may tiết kiệm năng lượng, giảm chất thải, đồng thời, giảm chi phí đầu vào và chi phí xử lý môi trường, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Trên thực tế, nhiều DN dệt may đã giảm từ 20 - 30% tải lượng ô nhiễm mà không tốn khoản chi phí đầu tư nào do áp dụng công nghệ xử lý khí thải thông qua bộ phận thu khí lò hơi; sử dụng định mức tiêu hao hợp lý nguồn nguyên liệu dệt nhuộm. Trong đó, Tổng Công ty Dệt may Hà Nội (Hanosimex) với hoạt động sản xuất sợi - dệt may, nên vấn đề môi trường chủ yếu là khí thải, bụi và tiếng ồn khi kéo sợi. Để giảm thiểu ô nhiễm,

từ năm 2014, Hanosimex đã đầu tư 500 triệu đồng lắp đặt các biển tần cho quạt thông gió, sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng. Nhờ đó, Hanosimex đã tiết kiệm trên 4 triệu kWh điện/năm, giảm 4.000 tấn CO₂/năm. Tại các phân xưởng dệt, Hanosimex đầu tư hệ thống hút bụi, tại các lò cấp hơi sử dụng nước, nên giảm được 3 - 5% ô nhiễm không khí và tăng hiệu suất lò hơi. Tương tự, Công ty May Tiên Hưng (Hưng Yên) đã lắp đặt 2 bơm nhiệt để thay thế lò hơi; sử dụng 35 đèn LED thay thế đèn compact; lắp đặt biển tần cho hệ thống bơm... Các thiết bị này đã giúp Công ty tiết kiệm được 177,6 triệu đồng/năm chi phí năng lượng.

Tuy nhiên, hiện tỷ lệ áp dụng SXSH tại các DN dệt may chưa cao, nguyên nhân là do vẫn còn một số hạn chế

về nhận thức của DN. Một số DN dệt may nhận định, SXSH chỉ đơn thuần liên quan đến vệ sinh môi trường nên không quan tâm và cho rằng, SXSH có thể gây tốn kém cho DN. Bên cạnh đó, do nguồn lực đầu tư vào sản xuất (đặc biệt là nước và nhân công) còn thấp so với nhiều nước trong khu vực, nên các DN chưa nhìn nhận được tầm quan trọng của việc tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Hơn nữa, nhiều DN chưa hiểu rõ nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền và xem BVMT là việc của Nhà nước. Các DN cũng chưa nhận thấy lợi ích của SXSH và cho rằng, SXSH là việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải sẽ làm tăng chi phí. Ngoài ra, nhiều DN vẫn duy trì hệ thống công nghệ sản xuất cũ, tiêu tốn năng lượng, cùng với hạn chế về năng lực kỹ thuật, dẫn đến



▲ Thực hiện SXSH giúp các DN dệt may tiết kiệm năng lượng và giảm chất thải



▲ Trạm xử lý nước thải dệt nhuộm của Công ty TNHH Chyang Sheng Việt Nam (thị xã Thuận An - Bình Dương)

không tiết kiệm năng lượng, gây phát thải cao. Mặt khác, việc hướng dẫn kỹ thuật trong thực hiện SXSH thường dựa trên mạng lưới các nhà tư vấn, nhưng ngay cả các chuyên gia tư vấn về SXSH cũng thiếu về số lượng và chất lượng.

Để trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, trong những năm tới, NDM cần đẩy mạnh thực hiện các giải pháp SXSH như tăng cường triển khai thực hiện hỗ trợ tư vấn về SXSH cho các DN NDM thông qua các Trung tâm Khuyến công. Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các DN dệt may sử dụng các công nghệ, quy trình sản xuất sạch, từng bước thực hiện nghiêm các giải pháp quản lý môi trường. Đối với các công ty, đơn vị sản xuất, đặc biệt là các đơn vị tư nhân, liên doanh, hoặc 100% vốn nước ngoài thuộc lĩnh vực nhuộm, cần áp dụng các chế tài quản lý định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu dệt nhuộm, kiểm soát nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu, nhất là các chất trợ và thuốc nhuộm.

Bên cạnh đó, NDM phải xây dựng Báo cáo đánh giá tác động môi trường phù hợp với Chiến lược phát triển của ngành và các quy định pháp luật về môi trường; tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; triển khai xây dựng các khu, cụm công nghiệp dệt may có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt tiêu chuẩn môi

trường để di dời các cơ sở dệt may có nguy cơ gây ô nhiễm. Đồng thời, cần khuyến khích các DN áp dụng tiêu chuẩn quản lý môi trường theo ISO 14000, tạo môi trường lao động tốt cho người lao động theo Tiêu chuẩn SA 8000.

Đặc biệt, NDM cần xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường, tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ về môi trường... nhằm đáp ứng các yêu cầu môi trường và rào cản kỹ thuật để hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, khi Việt Nam gia nhập TPP, “giấy thông hành” đối với các DN dệt may không chỉ là tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, mà còn bao gồm cả các tiêu chuẩn về môi trường; trong đó, phổ biến nhất là tiêu chuẩn sản xuất xanh, xử lý nước thải, giải pháp tái chế phụ phẩm phát sinh trong sản xuất... Ngoài ra, cần khuyến khích các DN dệt may tạo môi trường lao động tốt cho nhân viên.

Tuy nhiên, để thực hiện thành công chương trình SXSH, một trong những yếu tố quan trọng là các DN dệt may cần lập nhóm SXSH. Đối với các DN lớn, nhóm SXSH có thể bao gồm một đội nòng cốt (gồm đại diện các phòng ban khác nhau) và một số thành phần khác chịu trách nhiệm về từng nhiệm vụ cụ thể. Đối với các DN vừa và nhỏ, nhóm SXSH có thể chỉ gồm chủ DN và một quản đốc - người giám sát các hoạt động thường nhật. Nhóm này sẽ chịu trách nhiệm khởi xướng, phối hợp và giám sát hoạt động đánh giá SXSH. Để hoạt động có hiệu quả, về cơ bản, nhóm phải có đủ kiến thức để phân tích và rà soát thực hành sản xuất hiện tại của DN. Các chuyên gia trong nhóm cần có khả năng sáng tạo để khám phá, phát triển và đánh giá những cải tiến trong thực hành sản xuất, cũng như triển khai các biện pháp giám sát, kiểm tra để tăng cường việc giảm thiểu chất thải■



Mô hình cảng biển xanh trên thế giới và đề xuất giải pháp tại Việt Nam

TS. DƯ VĂN TOÁN

Viện Nghiên cứu Biển và Hải đảo

Xây dựng cảng xanh theo mô hình cân bằng giữa sự biến động môi trường và nhu cầu phát triển kinh tế đang là xu hướng chiến lược trong sự phát triển cảng biển trên thế giới. Cảng xanh là cảng khai thác tập trung phát triển dựa trên tiêu chí về tăng trưởng kinh tế xanh theo một kế hoạch dài hạn, đáp ứng được những nhu cầu hiện tại và tương lai. Do vậy, xây dựng hệ thống cảng xanh tại Việt Nam theo hướng thân thiện với môi trường không những đáp ứng được yêu cầu BVMT mà còn giúp các cảng biển hội nhập với quốc tế.

MỘT SỐ MÔ HÌNH CẢNG XANH TRÊN THẾ GIỚI

Tại châu Âu

Mô hình cảng sinh thái (Ecoport) được xây dựng và quản lý bởi Tổ chức cảng biển châu Âu (ESPO). Các cảng biển được công nhận là “Cảng sinh thái” thì phải đáp ứng các tiêu chí do ESPO đưa ra, trong đó môi trường là tiêu chí quan trọng nhất. Hiện tại có nhiều cảng của châu Âu đã gia nhập Hội Cảng sinh thái (Ecoports) và được cấp giấy chứng nhận “Ecoport” hợp lệ. Việc cấp giấy chứng nhận đã khẳng định, các chương trình quản lý môi trường phù hợp với yêu cầu theo quy định của Ecoport, nhằm hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và BVMT, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn tài nguyên, hướng đến sự phát triển bền vững các cảng.

Trong 15 năm qua, Ecoports tập trung phát triển và sàng lọc các công cụ (bao gồm phương pháp tự chẩn đoán (SDM), hệ thống đánh giá môi trường cảng (PERS)) để hỗ trợ công tác quản lý môi trường.

Ở Mỹ

Long Beach là một trong các cảng biển hàng đầu của nước Mỹ. Đây cũng là cảng tiên phong trong lĩnh vực vận chuyển hàng hóa và BVMT trên thế giới, với tổng giá trị hàng hóa mỗi năm ước tính đạt hơn 100 tỷ đô la Mỹ. Cảng Long Beach đã áp dụng chính sách cảng xanh, qua đó góp phần giảm thiểu và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường và phát triển các chương trình sáng kiến môi trường. Mục tiêu chính của chính

CẢNG LẠCH HUYỆN SẼ LÀ MÔ HÌNH CẢNG XANH THÍ ĐIỂM ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM

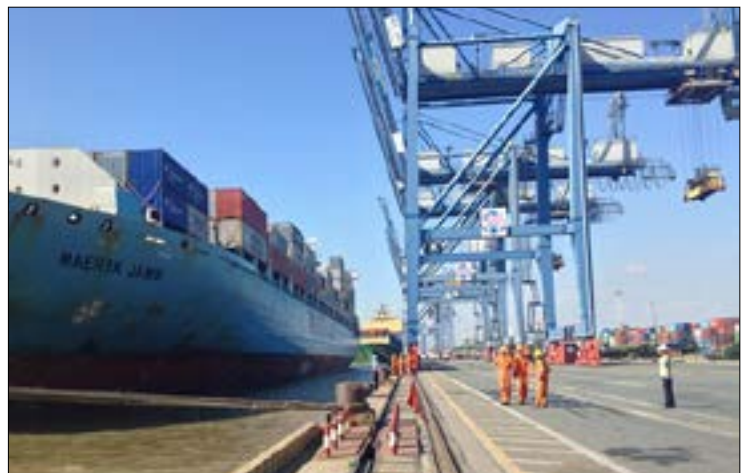
Theo Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng năm 2014, mô hình hệ thống cảng biển hiện tại không đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong thời kỳ hội nhập thương mại quốc tế. Vì vậy, Hải Phòng cần có một khu vực cảng biển mới, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trên thế giới trong công tác quản lý, vận hành và cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh tế với BVMT. Do đó, Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (cảng Lạch Huyện) sẽ được xây dựng mô hình thí điểm cảng xanh.

Để xây dựng cảng Lạch Huyện theo tiêu chí xanh, trước hết cần kiểm soát về khói, bụi tại cảng bằng việc đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, hạn chế các phương tiện lạc hậu vận chuyển hàng hóa, khuyến khích các tàu áp dụng công nghệ mới đến cảng. Đồng thời, phải xây dựng kế hoạch quản lý nguồn nước tổng thể tại cảng và sử dụng hệ thống giám sát nguồn nước; kiểm soát nước thải để tránh ô nhiễm môi trường; ứng dụng khoa học kỹ thuật để xác định mẫu nước dẫn tàu; xây dựng các cơ sở tiếp nhận rác thải, tổ chức thu dọn rác thải hàng ngày khi tàu cập cảng...

sách cảng xanh gồm: Bảo vệ cộng đồng khỏi các tác động tiêu cực từ môi trường do quá trình khai thác cảng phát sinh; Quy định rõ vai trò của cảng như là một nhà lãnh đạo trong lĩnh vực quản lý và hòa hợp môi trường; Đẩy mạnh tính

bền vững; Sử dụng công nghệ tiên tiến để chống lại hoặc làm giảm các tác động tiêu cực tới môi trường...

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CẢNG XANH TẠI VIỆT NAM



▲ Cảng Lạch Huyện sẽ là mô hình cảng xanh thí điểm đầu tiên tại Việt Nam



Với những đặc thù của hoạt động cảng biển, hiện trạng hoạt động và các quy định của pháp luật đối với cảng biển, nên việc xây dựng tiêu chí về cảng sinh thái cho cảng biển Việt Nam chủ yếu tập trung vào các tiêu chí về môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, những yêu cầu về sử dụng năng lượng sẽ được lồng ghép vào các tiêu chí khác. Tiêu chuẩn cảng xanh cho các cảng biển Việt Nam sẽ giúp xây dựng bộ máy quản lý môi trường một cách chuyên nghiệp, đồng bộ, nâng cao ý thức về BVMT cho đơn vị quản lý cảng biển; các cảng biển tuân thủ quy định về BVMT của pháp luật Việt Nam và công ước quốc tế; các cảng có thể gia nhập Hiệp hội cảng biển sinh thái trong khu vực và trên thế giới, nâng cao hình ảnh cảng biển Việt Nam.

Để thực hiện cam kết và kế hoạch quản lý môi trường, năng lượng, các cảng biển cần xây dựng bộ máy quản lý môi trường, năng lượng, chủ yếu sử dụng nhân lực kiêm nhiệm có liên quan, hạn chế sử dụng cán bộ chuyên trách. Các cảng phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về quản lý môi trường và năng lượng theo quy định hiện hành của pháp luật, quy định của địa phương, ngành. Đồng thời, các cảng biển sẽ xác định vấn đề môi trường cần được cải thiện để mang lại hiệu quả cao.

Các giải pháp này cần được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên thực hiện, phụ thuộc vào vấn đề cần được cải thiện, nguồn lực đáp ứng của cảng.

Cùng với đó, tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên của cảng về chính sách và kế hoạch quản lý môi trường, năng lượng. Ban quản lý môi trường và năng lượng sẽ là đầu mối tiếp nhận những đóng góp của mọi đối tượng về vấn đề BVMT, sử dụng năng lượng của cảng■

Quảng Trị: nỗ lực giải quyết ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu

Thời gian qua, Quảng Trị đã triển khai các hoạt động xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) tồn lưu, nhằm hạn chế chất thải độc hại phát tán ra môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân. Tuy nhiên, địa phương có tới 52 điểm ô nhiễm thuốc BVTV tồn lưu, trong khi đó, việc xử lý, cải tạo phục hồi môi trường tại các điểm tồn lưu thuốc BVTV là việc làm lâu dài, đòi hỏi sự quan tâm của các cấp, ngành và cộng đồng dân cư để chung tay BVMT.



▲ Khu vực kho thuốc BVTV tồn lưu ở cạnh nhà dân tại đội 3, thôn Đại Hào, xã Triệu Đại (Triệu Phong, Quảng Trị)

Theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 2/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015 (gọi tắt là CTMTQG), trong số 100 khu vực ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng do hóa chất BVTV tồn lưu gây ra trên phạm vi cả nước, địa bàn tỉnh Quảng Trị có 7 khu vực, gồm 2 điểm ở huyện Vĩnh Linh, 2 điểm ở huyện Cam Lộ, 1 điểm ở TP. Đông Hà, 1 điểm ở huyện Gio Linh và 1 điểm ở huyện Đakrông. Nhằm khắc

phục ô nhiễm môi trường tại các điểm thuốc BVTV tồn lưu, Sở TN&MT đã triển khai Đề án điều tra, đánh giá thuốc BVTV còn tồn đọng; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về phê duyệt danh mục các điểm ô nhiễm thuốc BVTV tồn đọng quá hạn, cấm sử dụng trên địa bàn

tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục 52 điểm ô nhiễm thuốc BVTV tồn lưu và giao cho Văn phòng điều phối CTMTQG tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, TP liên quan xây dựng kế hoạch, phương án xử lý các điểm ô nhiễm; tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm tại các



điểm trong Quyết định và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo CTMTQG trước ngày 30/12 hàng năm.

Tuy nhiên, đáng lo ngại là trong số 52 điểm ô nhiễm trên có nhiều điểm nằm trong khu dân cư, khuôn viên trường học, trong vườn của một số nhà dân, tiêu biểu như kho thuốc BVTV của Hợp tác xã (HTX) sản xuất nông nghiệp Quyết Tiến, xã Hải Quy (Hải Lăng); khóm 11, thị trấn Bến Quan (Vĩnh Linh); trong khuôn viên Trường Tiểu học số 2, xã Triệu Long (Triệu Phong); vườn nhà ông Trần Toàn, thôn Gia Độ, xã Triệu Độ (Triệu Phong); kho thuốc BVTV của HTX sản xuất nông nghiệp Tà Lộc, xã Hải Xuân (Hải Lăng)... Vì thế, việc xử lý, ngăn chặn tác hại do tồn lưu thuốc BVTV, nhằm bảo vệ sức khỏe người dân ngày càng trở nên cấp thiết đối với tỉnh Quảng Trị.

Trước tình hình trên, thời gian qua, Sở TN&MT đã xây dựng, triển khai các dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường điểm tồn lưu thuốc BVTV tại một số địa điểm. Cụ thể, Sở đã triển khai thi công công trình cải thiện và phục hồi môi trường điểm tồn lưu hóa chất BVTV tại Nông trường Tân Lâm (cũ), xã Cam Thành, huyện Cam Lộ (gồm các điểm bị ảnh hưởng là Nông trường Tân Lâm, Trường Tiểu học Kim Đồng, hội trường HTX Văn An), áp dụng công nghệ ô xy hóa nâng cao kết hợp với biện pháp xử lý sinh học để xử lý triệt để tồn lưu hóa chất BVTV thấm thấu trong đất. Năm 2017, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 6/10/2017 và Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 9/10/2017 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán đầu tư xây dựng công trình xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường do tồn lưu hóa chất BVTV tại các kho thuốc trên địa bàn huyện Triệu Phong và Hải Lăng (giai đoạn I). Đồng thời, UBND tỉnh cũng đã có Quyết định phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện cho 7 dự án xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường điểm tồn lưu thuốc BVTV tại các địa điểm gồm: Thôn Mộc Đức (xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ); HTX Nông nghiệp Vĩnh Hiến, thôn Tân Bình (xã Vĩnh Hiến, huyện Vĩnh Linh); Đội 4, thôn Cam Lộ (xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ); thôn

Hương Bắc (xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Linh); thôn Đồng Hòa (xã Gio Hòa, huyện Gio Linh); thôn Đặng Xá (xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh); thôn Tân Lịch (xã Gio Bình, huyện Gio Linh); kho thuốc Nông trường Trường Sơn, thôn Gia Bình (xã Gio An, huyện Gio Linh)...

Tuy nhiên, để thực hiện một dự án xử lý ô nhiễm môi trường thì phải cần kinh phí hàng tỷ đồng, trong khi đó ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên việc triển khai đồng bộ, dứt điểm còn gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, với mức hỗ trợ của Trung ương là 50%/ dự án, còn lại là địa phương nên nhiều dự án khi xây dựng kế hoạch xong thì việc triển khai không thể diễn ra theo đúng thời gian. Mặt khác, yêu cầu quản lý và kỹ thuật xử lý phức tạp mà trong nước vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ.

Với quyết tâm trả lại môi trường sống an toàn cho người dân, mới đây, tỉnh đã quyết định phê duyệt kinh phí để thực hiện các dự án theo từng giai đoạn (giai đoạn 1 xử lý toàn bộ lượng hóa chất BVTV tồn lưu, đất nhiễm hóa chất BVTV và giai đoạn 2 tiến hành xử lý tại chỗ ở các địa điểm). Qua đó, sẽ góp phần xử lý các kho thuốc BVTV gây ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe và ổn định cuộc sống của người dân ở các địa phương. Ngoài ra, Sở cũng đã gửi công văn đến các địa phương liên quan yêu cầu thực hiện một số biện pháp cảnh báo, xử lý các điểm ô nhiễm thuốc BVTV tồn lưu để người dân biết và phòng tránh. Thực hiện nhiệm vụ Sở TN&MT giao, Chi cục BVMT đã đưa nhiệm vụ khảo sát, cắm mốc, khoanh vùng, cảnh báo khu

vực ô nhiễm thuốc BVTV vào dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2017, nhằm cô lập, ngăn chặn phát tán ô nhiễm tại khu vực ô nhiễm có rủi ro cao, tránh ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh và xây dựng kế hoạch xử lý đối với từng vùng ô nhiễm.

Tỉnh Quảng Trị đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ hoàn thành cơ bản việc xử lý 52 điểm ô nhiễm thuốc BVTV mức độ nghiêm trọng, dự kiến kinh phí khoảng 134 tỷ đồng. Để đảm bảo an toàn cho người dân, tại các địa điểm bị ảnh hưởng, chính quyền địa phương cần tăng cường thông báo, tuyên truyền cho người dân biết tình trạng ô nhiễm, xây dựng hàng rào cách ly, treo biển cảnh báo ở những khu vực này. Các ngành chức năng khuyến cáo người dân trong vùng bị ô nhiễm không trồng và sử dụng các sản phẩm như rau màu, trái cây, nguồn nước ngầm, nước mặt, cũng như không tiến hành cấp đất xây dựng đối với khu vực bị ô nhiễm. Bên cạnh đó, kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư các dự án xử lý ô nhiễm thuốc BVTV tồn lưu và tăng cường tìm kiếm các giải pháp, công nghệ phù hợp để xử lý ô nhiễm môi trường do thuốc BVTV tồn lưu gây ra. Việc giải quyết triệt để các vấn đề liên quan đến tồn dư thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cần phải có lộ trình nhất định, cũng như sự quyết tâm, nỗ lực của nhiều cấp, ngành và ý thức, trách nhiệm của người dân để xóa bỏ các điểm ô nhiễm thuốc BVTV tồn lưu, đem lại môi trường sống trong lành cho cộng đồng dân cư. ■

NGUYỄN THỊ LIÊN



Thực hiện các mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH - Viện trưởng
TS. NGUYỄN SỸ LINH
Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT

Ngày 31/10/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1670/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng trưởng xanh (TTX) giai đoạn 2016 - 2020, thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và Chiến lược quốc gia về TTX. Chương trình nhằm hướng đến mục tiêu không chỉ tăng cường năng lực ứng phó với BĐKH của con người và hệ thống tự nhiên, mà còn hướng đến nền kinh tế các bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trong phát triển kinh tế bền vững. Mặt khác, mục tiêu của Quyết định trên cũng thể hiện rõ hành động cụ thể của Việt Nam thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính (KNK) sau năm 2020 tại COP 21 và trong “Đóng góp quốc gia tự thực hiện (NDC)”.

Theo đó, Việt Nam phấn đấu đến năm 2020, hoàn thành 30 dự án chuyển tiếp tại Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục ưu tiên thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCP); thực hiện một số dự án cấp bách tại Văn bản số 78/TTg-QHQT ngày 16/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung trồng, phục

hồi 10.000 ha rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn, nhằm thích ứng với BĐKH và hấp thụ 2 triệu tấn CO₂ mỗi năm và tạo sinh kế ổn định cho người dân khu vực trồng rừng.

Ngoài ra, Quyết định số 1670/QĐ-TTg cũng đưa ra các mục tiêu cụ thể đối với hai hợp phần:

Hợp phần BĐKH có 5 mục tiêu: Tiếp tục thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/1/2016 xây dựng 1 hệ thống giám sát BĐKH, 1 hệ thống giám sát, dự báo xâm nhập mặn thuộc Quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia giai đoạn 2016 - 2025; Xây dựng, nâng cấp từ 6 - 10 công trình hồ dung tích khoảng 100 m³ để điều tiết mùa mưa, chống hạn mùa khô; Xây dựng, nâng cấp 6 - 8 hệ thống kiểm soát mặn, giữ ngọt khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), 2 - 3 hệ thống tại khu vực ven biển; Nâng cấp 200 km đê, kè sông,

biển xung yếu ở những khu vực có ảnh hưởng tới sản xuất và cuộc sống của 3 triệu người dân khu vực ven sông, ven biển; Xây dựng 1 hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về BĐKH và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của quốc gia.

Hợp phần TTX có 6 mục tiêu: Đến năm 2020, giảm cường độ phát thải KNK từ 8 - 10% so với mức năm 2010, giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP từ 1 - 1,5% mỗi năm; Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, đào tạo ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng xanh tại Việt Nam với quy mô 50 ha; Thay thế 1.000 phao báo hiệu đường thủy nội địa sử dụng đèn năng lượng mặt trời; Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nội đồng khu tưới mẫu 100 ha, mô hình hệ thống thủy lợi theo hướng TTX đối với sản xuất lúa, nghiên cứu mô hình khảo nghiệm cây trồng cạn quy mô 25 ha; Đầu tư 25 trang thiết bị kiểm định và kiểm toán năng lượng cho công nghiệp khai khoáng, 29 trang thiết bị cho các ngành công nghiệp khác; Xây dựng Kế hoạch hành động về TTX cấp ngành, vùng và địa phương.

Đối với phạm vi và hợp phần Chương trình, Quyết định số 1670/QĐ-TTg cũng chỉ rõ cho từng Hợp phần: Việc thực hiện gồm các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông, báo chí, một số viện nghiên cứu, các vùng, tỉnh chịu tác động của thiên tai do BĐKH gây ra. Đáng chú ý, trong Quyết định



▲ Công trình hạn chế tác động của triều cường, lũ lụt, xâm nhập mặn tại Kiên Giang



▲ Xây dựng hệ thống đèn năng lượng mặt trời tại các đường thủy nội địa

có 4 dự án thành phần, trong đó, Bộ TN&MT chủ trì thực hiện Dự án thành phần số 1 và 2 liên quan đến BĐKH; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì Dự án thành phần số 3, 4 liên quan đến TTX. Trên cơ sở các dự án thành phần, Quyết định còn có phụ lục kèm theo chỉ ra các nhiệm vụ cụ thể cho giai đoạn 2016 - 2020 đối với từng Hợp phần.

Việc tổ chức thực hiện Quyết định số 1670/QĐ-TTg chủ yếu thuộc Bộ TN&MT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, còn có Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự phối hợp của các Bộ, ngành địa phương: Xây dựng, Công thương, Giao thông Vận tải và UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương.

Việc ban hành Quyết định số 1670/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong giai đoạn 2016 - 2020, chỉ rõ những việc cần làm, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo trong thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và Chiến lược quốc gia về TTX. Mặt khác, việc ban hành Quyết định cũng cho thấy trách nhiệm thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP21 đối với giảm thiểu BĐKH, là quốc gia có trách nhiệm với những vấn đề chung của toàn cầu liên quan đến BĐKH■

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Phát biểu tại buổi đối thoại với đại diện thanh niên tiêu biểu của các nền kinh tế thành viên APEC, trong khuôn khổ Diễn đàn Tiếng nói tương lai APEC 2017 tổ chức tại Đà Nẵng từ 6-11/11, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường cho biết, Việt Nam là một trong năm quốc gia bị tổn thương lớn nhất do tác động của BĐKH. Trong năm 2016, thiên tai diễn ra khắp cả nước gây thiệt hại về kinh tế khoảng 1% GDP. Điều đó cho thấy, Việt Nam đang là một trong những tâm điểm chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu (BĐKH). Do đó, nếu không có những giải pháp ứng phó trước mắt và lâu dài, Việt Nam cũng như các nền kinh tế thành viên trong khu vực không thể hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với BĐKH.

Ông Hong-Sang Jung, Giám đốc điều hành Trung tâm khí hậu APEC cho rằng, để vượt qua các rào cản đó, các nền kinh tế thành viên cần phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng tập trung vào nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý thất thoát lương thực, thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, những kinh nghiệm, hiểu biết về vai trò của thông tin thời tiết, khí hậu đến hệ thống lương thực toàn cầu; tác động của thời tiết, khí hậu đến hệ thống sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; sử dụng hiệu quả thông tin thời tiết, khí hậu trong việc xây dựng hệ thống sản phẩm nông nghiệp... là rất cần thiết trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển, tình hình BĐKH diễn biến ngày

càng phức tạp, nền nông nghiệp của thế giới, đặc biệt là nền nông nghiệp của các nền kinh tế thành viên APEC đã và đang tìm những cơ hội, chỉ ra những thách thức để đưa ra những giải pháp phát triển phù hợp, tranh thủ tiến bộ khoa học công nghệ mới, thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, trong quá trình chuyển đổi và là ngành chịu tác động nặng nề do BĐKH, nông nghiệp đã không ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào hoạt động sản xuất nông nghiệp giúp tạo ra các cơ sở trồng trọt chăn nuôi hiện đại, không phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu; giúp nông dân chủ động được kế hoạch sản xuất cũng như khắc phục được tính mùa vụ trong canh tác.

Thực tế, Việt Nam đang triển khai chương trình tái cơ cấu nền nông nghiệp, trong đó các giải pháp trọng tâm là thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật và tổ chức lại sản xuất chủ yếu theo hướng tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp giảm nhẹ, thích ứng với BĐKH.

Hiện nay, tại một số thành phố lớn đã xuất hiện một số mô hình thử nghiệm khu nông nghiệp công nghệ cao như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Dương, Sơn La, Bạc Liêu, Hưng Yên, Thái Bình, Đồng Nai, Tây Ninh... Tại TP. Hồ Chí Minh, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đã được phê duyệt, xây dựng với quy mô 100 ha. Tại đây, sẽ có khu sản xuất rau bằng phương pháp thủy canh, trồng trên giá thể không đất, nuôi trồng các loại hoa lan, sản xuất nấm... Do đó, phát triển nông nghiệp thông minh là một trong những giải pháp thích ứng với các tác động của BĐKH hướng đến sự tăng trưởng bền vững.

MAI HƯƠNG



Định hướng tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ThS. HUỖNH HUY VIỆT
Sở TN&MT Phú Yên

Nhằm nâng cao sức cạnh tranh, chuyển dịch, tái cơ cấu ngành kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội (KT -XH) và đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), hướng đến phát triển bền vững (PTBV), ngày 13/9/2017, UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành Quyết định số 1784/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh (TTX) tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Với mục tiêu thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về TTX, hướng đến nền kinh tế các bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính (KNK), làm giàu vốn tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên góp phần, phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TTX GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

Hiện nay, tỉnh Phú Yên chưa có số liệu thống kê về phát thải KNK, tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng cao và chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh mẽ làm cho nhu cầu sử dụng năng lượng và phát thải KNK tăng mạnh. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra của tỉnh đến năm 2020, giảm cường độ phát thải KNK so với mức phát triển bình thường là 28%, trong đó mức giảm tự nguyện khoảng 17,5%. Đến năm 2025, giảm cường độ phát thải KNK so với mức phát triển bình thường là 46,6%, trong đó mức giảm tự nguyện khoảng 14%.

Tỉnh xác định, việc hình thành và phát triển cơ cấu “kinh tế xanh” trên cơ sở “xanh hóa” các ngành hiện có, đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra giá trị gia tăng lớn, các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm ô nhiễm môi trường. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra là đến năm 2020, duy trì 100% khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 80% KCN, cụm công nghiệp, 50% làng nghề có hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR) đạt yêu cầu; 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt

tiêu chuẩn môi trường, trong đó 50% các cơ sở áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; phấn đấu đưa mức đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ BVMT và làm giàu vốn tự nhiên lên 3 - 4% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).

Trong điều kiện của tỉnh Phú Yên, việc thực hiện “lối sống xanh” cần tập trung vào các nội dung như đô thị hóa nhanh, bền vững; duy trì lối sống hòa hợp với thiên nhiên ở nông thôn; tạo thói quen tiêu dùng bền vững thông qua việc đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nước, không khí và vệ sinh môi trường. Để đạt được nội dung trên, cần xác định đến năm 2020 là trên 65% số xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí Nông thôn mới; 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; 90% CTR đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng, hoặc sản xuất phân bón; 70% CTR nông thôn được thu gom, trong đó 50%

được tái sử dụng, tái chế, hoặc được tái sản xuất làm phân bón; 70% tổng lượng chất thải nguy hại tại các KCN được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; giảm 85% khối lượng túi ni lông sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại và các chợ dân sinh so với năm 2010; 80% dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về ứng phó, thích ứng với BĐKH; 100% đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn; tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%; bảo đảm 90% tổng số dân đô thị được sử dụng nước sạch, 100% hộ dân nông thôn cơ bản được sử dụng nước hợp vệ sinh.

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH TTX

Để thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động TTX, thời gian tới, tỉnh sẽ tập trung vào một số giải pháp:

Tăng cường năng lực và thể chế: Rà soát nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành của



▲ Xanh hóa đô thị và cải thiện môi trường đang được tỉnh Phú Yên nỗ lực triển khai

tỉnh, nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với các mục tiêu TTX và điều chỉnh, bổ sung; Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể về huy động và quản lý hiệu quả các nguồn lực (trong nước và quốc tế) cho PTBV và TTX giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn năm 2025; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực cho TTX, chú trọng liên kết phát triển khoa học, công nghệ; Xây dựng các tiêu chí khung, hoặc phương án theo dõi, đánh giá và báo cáo thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động TTX của tỉnh; Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt được các mục tiêu TTX và PTBV.

Nâng cao nhận thức: Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực; chú trọng bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt ở cấp huyện và xã về PTBV, ứng phó với BĐKH và TTX; Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về TTX, BVMT, thích ứng với BĐKH; Nghiên cứu, thiết kế và lồng ghép các nội dung về TTX, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên

bền vững... vào chương trình giảng dạy phù hợp.

Giảm cường độ phát thải KNK: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng phương pháp canh tác tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất và nước, tiết kiệm điện năng để giảm phát thải KNK trong ngành nông nghiệp; Đẩy mạnh trồng mới và phát triển rừng, tăng diện tích rừng để mở rộng bể hấp thụ các bon, thay thế diện tích rừng bị mất do quá trình khai thác và phát triển kinh tế; Đảm bảo việc xây dựng cơ sở hạ tầng không gây ảnh hưởng lớn đến các khu bảo tồn tự nhiên trọng yếu, không tác động tiêu cực tới các loài động, thực vật đang bị đe dọa; Xây dựng các hồ nước sử dụng đa mục tiêu, vừa cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, vừa cung

cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

Đối với công nghiệp và năng lượng, thực hiện hiện đại hóa công nghệ để giảm tiêu thụ nhiên liệu, tài nguyên (áp dụng các công nghệ các bon thấp trong các ngành công nghiệp trọng điểm, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch bằng cách sử dụng các máy móc chạy điện, tăng cường sử dụng nhiên liệu sinh học nhằm giảm phát thải KNK); Tăng nguồn cung cấp điện phục vụ nhu cầu phát triển KT - XH của tỉnh, với ưu tiên đầu tư cho các nguồn điện từ năng lượng tái tạo, cải tạo và nâng cấp lưới điện hiện có để đáp ứng yêu cầu tích hợp nguồn điện tái tạo, từng bước nâng cấp chất lượng lưới điện nhằm giảm tổn thất điện; Khuyến khích các cơ sở thương mại và dịch vụ áp dụng các giải pháp



tiết kiệm điện, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo thay thế, đầu tư và đưa vào sử dụng các xe buýt xanh chạy điện phục vụ du lịch.

Xanh hóa sản xuất: Hạn chế và giảm dần những ngành, hoặc những hoạt động kinh tế làm phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít tác động đến môi trường và tài nguyên; Áp dụng các biện pháp, hoặc thay đổi quy trình, thiết bị sản xuất, nhằm giảm khí thải, nước thải và chất thải nguy hại; Thay thế các nguyên, vật liệu độc hại, hoặc không có khả năng tái chế bằng các nguyên, vật liệu ít độc hại hơn, hoặc có thể tái chế; Sử dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và chế biến nông - lâm - thủy sản, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Khuyến khích các doanh nghiệp lập kế hoạch và thực hiện tái chế, tái sử dụng chất thải, hỗ trợ các dự án đầu tư vào công nghệ tái chế, tái sử dụng các phế phẩm từ nông nghiệp, hoặc khai khoáng; Xây dựng kế hoạch quản lý cung cấp nước bền vững cho các ngành, bao gồm cả các nội dung về tái sử dụng, tái chế và xử lý nước đã qua sử dụng; Triển khai các hoạt động thúc đẩy tiết kiệm nước, bảo vệ tốt hơn các nguồn nước hiện có (nước mặt, nước ngầm).

Quản lý quá trình công nghiệp hóa theo hướng bảo tồn tài sản thiên nhiên và phục hồi tự nhiên: Khoanh vùng đất để giảm thiểu các khu dân cư vùng ven các con sông và những

nơi dễ bị tổn thương, bao gồm cả việc áp dụng các cơ chế tái định cư thích hợp; Kiểm soát lũ và điều tiết việc sử dụng nước trong thời kỳ có các chế độ thủy văn khác nhau, nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi hiện có; Lắp ghép các nhu cầu ứng phó với BĐKH vào chương trình đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi; Cải tiến phương thức canh tác, áp dụng giống cây có khả năng chịu mặn và khả năng chống chịu lũ lụt cao.

Đồng thời, xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tăng khả năng kết nối trong tỉnh và các vùng lân cận; Ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trọng điểm theo các tiêu chuẩn bền vững.

Xanh hóa lối sống: Thực hiện “lối sống xanh” là cải thiện và làm cho đời sống của con người ngày càng hòa hợp hơn với môi trường tự nhiên. Ở tầm quốc gia và các tỉnh, TP, “lối sống xanh” được thể hiện qua việc bảo đảm tiêu

dùng bền vững, thu gom và xử lý nước thải, CTR, bảo đảm giao thông an toàn, xanh hóa đô thị và cải thiện môi trường.

Để thúc đẩy tiêu dùng bền vững, tỉnh cần nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về các hành vi và cách thức sản xuất, tiêu dùng có lợi cho môi trường, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến vệ sinh, quản lý và xử lý nước thải, CTR; Tăng cường giáo dục về tầm quan trọng của việc giảm thiểu chất thải và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường ở cả khu vực đô thị và nông thôn.

Bên cạnh đó, cần tăng khả năng tiếp cận các nguồn nước sạch, hoặc nước hợp vệ sinh, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, vận chuyển, phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng; Mở rộng diện tích cây xanh, thảm thực vật tại các khu vực đô thị, KCN, cụm công nghiệp; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý và đời sống - xã hội■

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIẢM PHÁT THẢI KHÍ CO₂ TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã ban hành Quyết định số 4206/QĐ-BGTVT về Kế hoạch hành động giảm phát thải khí CO₂ trong hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020. Đây là kết quả quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết A38-18 của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và Chiến lược quốc gia về TTX của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2050; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)

và tăng trưởng xanh (TTX) của Bộ GTVT giai đoạn 2016 - 2020, góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam trong Thỏa thuận Pari.

Theo Kế hoạch, có 6 nhiệm vụ, giải pháp đối với ngành hàng không, bao gồm: Quản lý hoạt động bay; cải thiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; hướng đến sử dụng nhiên liệu thay thế, tiêu tốn ít năng lượng; dựa vào thị trường để quản lý khí thải; hợp tác quốc tế.

Thông qua đó, ngành hàng không sẽ triển khai cụ thể việc ưu

tiên đầu tư và hiện đại hóa đội tàu bay thân thiện với môi trường; xây dựng chương trình tiết kiệm năng lượng cho các đội tàu bay; tiến tới thay thế hệ thống đèn hiệu biển báo bằng đèn LED; sử dụng công cụ quản lý các bon cho sân bay... Việc giảm phát thải khí CO₂ liên quan trực tiếp đến việc giảm sử dụng nhiên liệu - chi phí căn bản của mọi hãng hàng không và điều này sẽ giúp tăng tính cạnh tranh của ngành.

ANH TUẤN



Chính sách triển khai và phát triển các đặc khu kinh tế xanh của Trung Quốc

Trong vài thập kỷ qua, Trung Quốc đã mở rộng nền kinh tế nhanh chóng với những nỗ lực trong việc khởi động và phát triển các đặc khu kinh tế (SEZ).

Vào năm 1979, Trung Quốc thực thi chính sách cải cách và mở cửa. Theo đó, các SEZ được hình thành với vai trò là công cụ chính để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế toàn diện. Ban đầu, các SEZ được thành lập tại 4 TP ven biển và nhanh chóng thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy thương mại và phát triển công nghiệp. Từ đó, các SEZ nhỏ, các SEZ cấp quốc gia hay các biến thể của SEZ được thành lập trên khắp đất nước, đưa Trung Quốc trở thành một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường và sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là tại các TP công nghiệp. Điều này tạo áp lực lớn đối với Chính phủ Trung Quốc trong việc đưa ra các giải pháp toàn diện, đặc biệt là các chính sách phát triển nền kinh tế xanh và hạn chế tác động tới môi trường. Thêm vào đó, sự cạnh tranh lớn về nguồn lực, cũng như giá cả của các sản phẩm trên thị trường quốc tế là động lực để ngành công nghiệp Trung Quốc phải áp dụng các công nghệ sản xuất bền vững. Với quyết tâm đó, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện các chương trình kích thích, chuyển đổi xanh cho ngành công nghiệp, cũng như toàn bộ nền kinh tế.

Đầu tiên là Chương trình Khu công nghiệp sinh thái, được khởi xướng vào năm 2003 nhằm thúc đẩy chuyển đổi các khu công nghiệp truyền thống sang mô hình



▲ Một đặc khu kinh tế xanh tại TP. Quảng Châu, Trung Quốc

"tiết kiệm tài nguyên" và "sản xuất sạch", hay xây dựng các khu công nghiệp mới dựa trên sự "cộng sinh công nghiệp" và nguyên tắc sản xuất sạch.

Trên nền tảng đó, mô hình Khu công nghiệp "kinh tế tuần hoàn" (CEDIP) được Chính phủ giới thiệu vào năm 2005, dựa trên nguyên tắc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế (3R) và giảm phát thải. Theo đó, mô hình "kinh tế tuần hoàn" chú trọng việc quản lý và tái tạo tài nguyên theo một vòng khép kín nhằm tránh tạo ra phế thải. Đây là cơ sở để Trung Quốc tiếp cận nền "kinh tế tuần hoàn" song song với việc thúc đẩy phát triển bền vững đô thị xung quanh các SEZ; đồng thời, cũng là nội dung chính trong Chiến lược phát triển trung hạn của Trung Quốc giai đoạn 2006 - 2010 (Kế hoạch 5 năm lần thứ 11)

Đến năm 2012, CEDIP đã được áp dụng đồng loạt trên hầu hết các khu công nghiệp theo Chương trình Chuyển đổi tuần hoàn các khu công nghiệp (CTIP), nhằm hướng tới Kế hoạch 5 năm lần thứ

12 và thực hiện các cam kết về biến đổi khí hậu toàn cầu. Trong đó, Trung Quốc không chỉ chú trọng vào phát triển khu công nghiệp bền vững mà còn thúc đẩy các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao như năng lượng mới, công nghệ sạch và công nghệ thông tin.

Cùng với CTIP, vào năm 2013, Chính phủ đã phát động Chương trình Khu công nghiệp phát thải các bon thấp (LCIP) nhằm hướng tới mục tiêu Hiến pháp mới của Trung Quốc là "nền văn minh sinh thái". Chương trình nhấn mạnh việc kiểm soát và định lượng phát thải các bon và phát triển cơ sở hạ tầng tại các Khu công nghiệp.

Nhờ vào sự thúc đẩy mạnh mẽ của cấp Trung ương, các chương trình đều đạt được thành công nhất định. Nội dung "kinh tế tuần hoàn" và chuyển đổi công nghiệp xanh được đề cập ở Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 đã thể hiện rõ vai trò, cũng như sự quản lý sát sao của các cấp chính quyền. Các thông điệp nhất quán tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tiếp cận các chương trình,

>>>



XU HƯỚNG TRIỂN KHAI CÔNG TRÌNH XANH NHẪM THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Vừa qua, Hiệp hội Bất động sản Việt Nam đã tổ chức Diễn đàn Bất động sản thường niên lần thứ nhất, chuyên đề về Công trình xanh là một trong 4 chủ đề chính của Diễn đàn.

Theo Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng Nguyễn Công Thịnh, tiêu chuẩn của một công trình xanh không chỉ là công trình xây xanh ở trên mái, mà vật liệu cũng phải xanh. Quá trình làm ra vật liệu xây dựng đó tốn ít dầu, than, điện, kiến trúc sư phải thiết kế xanh, kỹ sư phải thiết kế hệ thống kỹ thuật trong công trình giảm năng lượng và sử dụng năng lượng xanh và năng lượng sạch... Tuy nhiên, tại Việt Nam, còn có những rào cản như mức độ quan tâm, kiểm soát việc tuân thủ các nội dung, quy chuẩn ở một số cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, hay nguồn lực tài chính, ngân sách đầu tư cho tiết kiệm năng lượng còn hạn chế.

Tại phiên thảo luận, nhiều chuyên gia nhận định, Việt Nam là một trong những nền kinh tế châu Á có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 20 năm qua (bình quân 7,5%). Trong 10 năm gần đây, tăng trưởng xây dựng bình quân đạt 12% và tốc độ đô thị hóa là 3,4%/năm, dự kiến đạt ngưỡng 50% vào năm 2025. Cũng trong thời gian này, mức năng lượng tiêu thụ đã tăng với



▲ Các đại biểu tham dự Diễn đàn

tốc độ nhanh hơn tăng GDP, bình quân 14%/năm. Các công trình xây dựng tại Việt Nam đang sử dụng khoảng 36% tổng năng lượng tiêu thụ của cả nước, trung bình 33% điện và góp 25% vào tổng lượng phát thải khí nhà kính, chỉ chiếm một phần ba tổng lượng phát thải CO₂, tác nhân chính gây ra biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu.

Xu hướng Công trình xanh được hưởng ứng từ những năm 1990, nhằm hướng tới mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng

phó với BĐKH, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước và vật liệu, cũng như giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo điều kiện sống cho cộng đồng. Trải qua hơn hai thập kỷ, làn sóng này đã và đang lan rộng tại Việt Nam, cũng như nhiều khu vực trên thế giới.

Trong thời gian tới, Hiệp hội Bất động sản Việt Nam sẽ tập trung hướng thị trường theo xu hướng phát triển công trình tiết kiệm tiêu hao năng lượng, giảm tối thiểu chất thải ra môi trường.

MINH VIỆN

>>>

cũng như sự tham gia tự nguyện của các chính quyền địa phương. Chính phủ cũng cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng tham gia thành công.

Việc tham gia vào các chương trình phát triển bền vững làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, nhất là trong lĩnh vực thu hút đầu tư. Tính đến năm 2013, khoảng 13% trong tổng số 1.568 SEZs (cấp quốc gia và cấp tỉnh) tham gia vào 1 trong 3 Chương trình, trong số đó, 33 SEZs tham gia vào ít nhất 2 Chương trình. Nhờ đó, môi trường xung quanh các SEZs được cải thiện đáng kể, đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển sản xuất và người dân yên tâm sinh sống.

Thay vì chỉ tập trung vào trợ cấp tài chính hay giảm thuế, Trung Quốc đã đưa ra các chính sách hợp lý, đồng thời, xây dựng cơ chế thị trường phù hợp. Chính phủ cũng

phê duyệt Dự án Lưu trữ hồ sơ môi trường, coi đó là một trong những tiêu chí chính để doanh nghiệp có thể nhận được ưu đãi tài chính và nâng cao giá trị sản phẩm. Mặt khác, Chính phủ cũng tập trung triển khai Cơ chế phát triển sạch theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, hoàn thiện các tiêu chuẩn đánh giá và các chỉ tiêu giám sát nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng, giúp nhà quản lý xét duyệt nhanh chóng và công bằng trước khi cấp chứng nhận hoặc trợ cấp cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh những thành công, Chương trình phát triển các SEZ tại Trung Quốc vẫn còn tồn tại một số thách thức, nổi cộm là yêu cầu chống chéo giữa 3 chương trình phát triển SEZ và sự thiếu rõ ràng trong cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành liên quan. Ngoài ra, năng lực của chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát phát thải khí nhà kính cũng cần phải cải thiện, để những nỗ lực xanh hóa nền công nghiệp thực sự có ý nghĩa đối với Mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu của Trung Quốc.

LƯU TRANG (Theo GGKP)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY AN HÒA: Gắn lợi ích kinh doanh với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường



▲ Toàn cảnh Nhà máy Bột giấy và giấy An Hòa

Công ty Cổ phần Giấy An Hòa là chủ đầu tư Nhà máy Bột giấy và giấy An Hòa, với 2 dây chuyền gồm dây chuyền sản xuất bột giấy tẩy trắng công suất 130.000 tấn/năm và dây chuyền giấy cao cấp công suất 140.000 tấn/năm, được xây dựng tại xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau hơn 6 năm đưa ra thị trường, sản phẩm bột giấy An Hòa đã dần thay thế sản phẩm nhập khẩu; năm 2016 sản lượng bột giấy An Hòa đã chiếm 51% thị phần trong nước. Bên cạnh đó, sản phẩm giấy An Hòa đang dần có vị thế vững chắc trên thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước Ấn Độ, Bangladesh, Pakistan, Trung Quốc, Malaixia, Philipin... Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, An Hòa luôn “Gắn lợi ích kinh doanh với trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường”.

Đặc biệt, Công ty Cổ phần Giấy An Hòa là đơn vị đi đầu trong ngành giấy Việt Nam và trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống giám sát,

quan trắc tự động đánh giá chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường. Sau 5 phút, hệ thống quan trắc sẽ tự động đo đặc chất lượng nước thải được xử lý, truyền trực tiếp kết quả về hệ thống theo dõi của Nhà máy và Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang. Đến nay, các chỉ số đã đạt tiêu chuẩn loại A Quy chuẩn Việt Nam QCVN 12-2015 của Bộ TN&MT về nước thải của ngành công nghiệp bột giấy và giấy. Bên cạnh đó, công nghệ sản xuất bột giấy An Hòa có hệ thống thu hồi đến 95% lượng hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất. Điều này góp phần làm giảm giá thành sản phẩm và giảm thiểu tối đa các chất thải ra môi trường.

Trước đó, trong quý IV năm 2016, Nhà máy đã tiến hành cải tạo tất cả các công đoạn từ đầu vào, tới xử lý cấp 1, cấp 2 và cấp 3 của hệ thống xử lý nước thải. Trong đó, Nhà máy đã cải tạo, bổ sung tháp làm mát nhằm ổn định nhiệt độ đầu vào; bổ sung hệ thống sục khí tại bể cân bằng để tăng hiệu quả xử lý vi sinh; cải tạo trong Nhà máy giúp giảm thiểu lưu lượng và tải lượng chất thải ra; sử dụng các chất lắng cho xử lý màu và giảm COD sau vi sinh.

Theo ông Nguyễn Văn Anh - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy An Hòa: “Kim chỉ nam trong sản xuất kinh doanh của Công ty là sự phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường”. Theo đó, mỗi cán bộ, công nhân viên luôn có ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường từ chính nơi ở, làm việc và khuôn viên Nhà máy. Từ hình ảnh khuôn viên Nhà máy và hồ nước sinh thái đã phản ánh rõ rệt những nỗ lực giữ gìn, bảo vệ môi trường mà Nhà máy Bột giấy và giấy An Hòa đã thực hiện trong thời gian qua.

Với tầm nhìn chiến lược và phương châm kinh doanh, cùng trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Giấy An Hòa vững tin trở thành doanh nghiệp sản xuất bột giấy và giấy cao cấp số một tại Việt Nam và từng bước đứng vững trên thị trường quốc tế.

PHẠM HỒNG DƯƠNG



Công ty CP Gang thép Cao Bằng: Phát triển kinh doanh đi đôi với công tác bảo vệ môi trường

Là một đơn vị đi đầu trong ngành công nghiệp Gang thép tại Cao Bằng, trải qua chặng đường hơn 10 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty CP Gang thép Cao Bằng (GTCB) đã xây dựng văn hóa doanh nghiệp (DN), tăng cường thực hiện các giải pháp về BVMT, xử lý tốt, hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích DN và quyền lợi của cộng đồng, dân cư. Đồng thời, Công ty đã chú trọng đầu tư các dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, hiện đại, nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, phấn đấu trở thành điểm sáng của hoạt động công nghiệp toàn tỉnh. Để tìm hiểu về việc đổi mới công nghệ, nhằm BVMT và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn ông Vương Thanh Giang - Giám đốc Công ty CP GTCB về vấn đề này.



▲ Ông Vương Thanh Giang -
Giám đốc Công ty CP GTCB

***Xin ông cho biết đôi nét về quá trình hình thành và phát triển Công ty?**

Ông Vương Thanh Giang: Công ty CP GTCB được thành lập theo Quyết định số 2155/QĐ-HĐQT ngày 5/10/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin). Công ty là chủ đầu tư xây dựng 2 dự án: Khu liên hợp GTCB và Dự án Khai thác lộ thiên quặng sắt (mỏ sắt Nà Rua).

Dự án Khu liên hợp (KLH) có tổng mức đầu tư trên 1.900 tỷ đồng, tổng công suất thiết kế 220.000 tấn phôi thép/năm, được xây dựng trên diện tích 79,54 ha tại xã Chu Trinh, TP. Cao Bằng. Với nhiệm vụ sản xuất phôi thép từ quặng sắt bằng công nghệ sản xuất tiên tiến, bao gồm các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Thiêu kết, với công suất 348.000 tấn quặng thiêu kết/năm; Luyện gang, công suất 220.000 tấn nước gang/năm; Luyện thép có công suất 220.000 tấn phôi thép/năm; Trạm sản xuất ô xy, công suất 3.800 m³/h và các hạng mục phụ trợ. Với dây chuyền sản xuất hiện đại và trình độ tự động hóa ở hầu hết các khâu sản phẩm của Dự án. KLH được thiết kế đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, giải quyết việc làm cho trên 1.000 lao động tại Nhà máy.

Vượt qua nhiều khó khăn, đến cuối năm 2015, Dự án đã trải qua các bước kiểm tra, sát

hạch, chạy thử và cho ra sản phẩm phôi thép đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường. Từ tháng 10/2015 - 5/2016, Công ty sản xuất được 20.300 tấn gang thỏi, 28.500 tấn phôi thép và tiêu thụ 12.500 tấn gang thỏi, 12.800 tấn phôi thép. Trong 9 tháng đầu năm 2017, Công ty sản xuất được 190.000 tấn phôi thép, 350.000 tấn quặng sắt, tiêu thụ được 202.000 tấn phôi thép, doanh thu đạt 1.5552.446 triệu đồng.

Dự án mỏ sắt Nà Rua được Bộ TN&MT cấp Giấy phép khai thác số 1271/GP-BTNMT ngày 30/6/2011 tại địa bàn phường Tân Giang, với trữ lượng ước tính hơn 16.700 tấn quặng sắt, công suất đạt 350.000 tấn tinh quặng sắt/năm. Trong thời gian thi công, Công ty đã tích cực triển khai Dự án Khai thác mỏ sắt Nà Rua, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở mỏ như: Thi công khu xưởng tuyển, đập ngăn môi

trường, hệ thống cấp nước, điện và các hạng mục phụ trợ phục vụ công tác khai thác quặng sắt tại Khu Nam mỏ sắt Nà Rua (diện tích khai thác là 17,5 ha), nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu cho Nhà máy.

*** Là một trong những DN đi đầu trong ngành công nghiệp Gang thép ở Cao Bằng, đóng góp hiệu quả cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Công ty đã thực hiện các quy định pháp luật về BVMT như thế nào, thưa ông?**

Ông Vương Thanh Giang: Công ty luôn quan tâm đến công tác BVMT, cũng như chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về môi trường. Công ty đã thành lập Phòng chuyên trách về An toàn - Môi trường, với nhiệm vụ, nghiên cứu các quy định pháp luật về môi trường, từ đó tham mưu cho Ban Giám đốc thực hiện tốt các quy định BVMT. Công ty đã được cấp



đầy đủ các giấy phép về môi trường như: Khai thác, sử dụng nước mặt, xả thải vào nguồn nước, Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT, các quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phê duyệt Dự án phục hồi môi trường sau khai thác, sổ đăng ký chất thải nguy hại (CTNH)...

Đối với các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động như nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt đều được dẫn về các bể phốt, hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường. Riêng nước thải của Phòng thí nghiệm được đưa vào bể xử lý dung môi và hóa chất để trung hòa, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Về khí thải, bụi tại phân xưởng Thiêu kết và Luyện gang, Công ty đã xây dựng các hệ thống lọc bụi tĩnh điện và lọc bụi túi vải; Chất thải rắn công nghiệp (chủ yếu là xỉ thải) phát sinh từ quá trình luyện gang, thép được Công ty tái sử dụng, bán cho đơn vị sản xuất xi măng. CTNH như dầu thải, ắc quy, giẻ lau nhiễm dầu, bộ lọc dầu... đều được chứa trong kho chất thải riêng biệt, đựng trong các thùng chứa có ký hiệu phân biệt theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải. Ngoài ra, Công ty ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với doanh nghiệp có chức năng để đưa về bãi rác của TP xử lý.

***Trong quá trình khai thác quặng, Công ty đã triển khai những giải pháp gì để sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên?**

Ông Vương Thanh Giang: Trong quá trình khai thác để giảm tổn thất, tăng sản phẩm quặng, Công ty đã triển khai các biện pháp như nghiên cứu thăm dò địa chất mỏ sắt Nà Rua, thiết kế lỗ khoan thăm dò. Trước khi khai thác



▲ Sản xuất phôi thép tại Công ty CP GTCB

quặng, Công ty tiến hành bóc đất đá, dọn sạch bên vách thân quặng và tầng khai thác chỉ được phép 5 m.

Ngoài ra, phải cập nhật thường xuyên chất lượng quặng ở các tầng phía trên đã khai thác, các biến động địa chất có thay đổi so với báo cáo địa chất để kịp thời điều chỉnh phương hướng khai trường. Đối với bãi khoan quặng phải lấy mẫu phôi khoan cho toàn bộ bãi khoan, sau khi nổ mìn lấy mẫu khai trường, mẫu quặng trên sân ga để phân tích hàm lượng, khoanh các vùng có hàm lượng quặng cao, quặng thấp và các vùng có quặng tương đương nhau để sau khi

nổ mìn bố trí xúc chọn lọc hợp lý. Khi xúc quặng phải sử dụng máy xúc có dung tích gầu xúc <1,6 m³ để đảm bảo công tác xúc chọn lọc được hiệu quả. Trong quá trình khai thác xúc chọn lọc, để tránh tổn thất, cán bộ kỹ thuật phải thường xuyên giám sát hiện trường để có điều chỉnh kịp thời. Xe vận chuyển quặng được che chắn, tránh rơi, vãi quặng. Đồng thời, thường xuyên phổ biến, tập huấn, giới thiệu cách nhận biết bằng mắt thường về đặc tính quặng khu Nam cho cán bộ, công nhân viên làm công tác khai thác mỏ, bốc túc, nâng cao kỹ năng tay nghề của thợ lái máy xúc.



▲ Toàn cảnh Công ty



★ Ông có thể cho biết, định hướng phát triển kinh doanh, cũng như các biện pháp an toàn lao động và BVMT của Công ty trong thời gian tới?

Ông Vương Thanh Giang: Định hướng phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là phát triển kinh doanh luôn đi đôi với công tác BVMT. Khi tổ chức sản xuất sản phẩm phôi thép phải đạt các tiêu chuẩn môi trường. Mặt khác, Công ty luôn học hỏi để có các biện pháp cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, kinh doanh của đơn vị, tăng năng suất lao động, đồng thời, tăng sản lượng trong sản xuất kinh doanh.

Thực hiện khẩu hiệu "Sản xuất phải an toàn, an toàn để sản xuất", trong thời gian tới, Công ty sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn tại các công đoạn sản xuất, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành quy định an toàn lao động, phát hiện sớm các nguy cơ mất an toàn để có biện pháp khắc phục kịp thời. Hàng tuần, Công ty đều thành lập Đoàn kiểm tra an toàn vệ sinh lao động - môi trường tại các đơn vị sản xuất để tiến hành đánh giá, xếp loại các đơn vị thực hiện công tác vệ sinh môi trường. Từ đó, nâng cao ý thức chấp hành quy định về BVMT từ cấp phân xưởng, người lao động.

Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đã tổ chức kiểm tra chéo về công tác an toàn vệ sinh lao động giữa các đơn vị thành viên, nhằm tạo phong trào thi đua trong Công ty, cũng như học hỏi trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị thành viên với nhau.

Riêng đối với công tác BVMT, Công ty sẽ tiếp tục bám sát thực hiện các quy định của Luật BVMT năm 2014 và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Trong hoạt động sản xuất, đối với các nguồn phát thải, Công ty tổ chức các đợt quan trắc hàng năm, nhằm theo dõi chất lượng phát thải ra môi trường từ đó có những biện pháp điều chỉnh, sửa chữa các thiết bị, công trình xử lý khí thải, nước thải, CTNH để không gây ảnh hưởng đến môi trường.

★ Xin cảm ơn ông!

CHÂU LOAN (Thực hiện)

Bảo tồn nhìn từ một câu chuyện sinh nở không thành



▲ Voi H'Ban Nang được chăm sóc đặc biệt

Trong tháng 10/2017, các trang báo mạng xã hội có lan truyền thông tin về việc một ca sinh nở không thành công. Đó là câu chuyện về H'Ban Nang, con voi được sinh ra và lớn lên cùng với người. H'Ban Nang (39 tuổi), lần đầu tiên sinh con, tiếc rằng chú voi con không thể chào đời do bị chết ngạt trong bụng mẹ. Câu chuyện kết nối tình mẫu tử, mối quan hệ giữa thiên nhiên với con người, nhưng ít ai biết được phía sau đó là câu chuyện về bảo tồn voi nhà, voi hoang dã với những ước mơ và dự định lớn lao của các nhà khoa học.

Hiện tại, ở Tây Nguyên có 57 con voi nhà, trong đó Đắk Lắk có 45 con, Đắk Nông: 3 con, Lâm Đồng: 8 con và Gia Lai: 1 con. Từ nghìn năm nay, voi đã được con người thuần hóa để phục vụ cho đời sống và tâm linh, đặc biệt Đắk Lắk là địa phương duy nhất trong cả nước có truyền thống săn bắt voi rừng để thuần dưỡng bởi những tộc người sống dọc sông Sêrêpôk. Voi được xem là biểu tượng của sức mạnh và sự giàu có của buôn

làng; trong từng gia đình, dòng họ, voi được xem là thành viên cao quý và được chăm sóc nuôi dưỡng.

Trong những năm gần đây, trước sự suy giảm của đàn voi rừng, bên cạnh những con voi nhà bị đưa vào phục vụ du lịch, các nhà khoa học đã tiến hành đánh giá chu kỳ sinh sản của 8 con voi cái và đã phát hiện ra voi H'Ban Nang đang mang thai, trong khi 7 con còn lại đang ở độ tuổi sinh sản. Điều này có nghĩa



▲ Voi được đưa vào phục vụ du lịch

là có thể gây giống một đàn voi nhà và tái thả chúng trong vòng 2 - 4 thập kỷ tới. Ý tưởng này đã được Trung tâm Bảo tồn voi ủng hộ và có nhiều nỗ lực để chăm sóc sức khỏe cho voi, nhằm thay đổi nhận thức về bảo tồn loài voi.

Tuy nhiên, việc thả động vật hoang dã, bất kỳ là loài nào về với thiên nhiên là một điều cực kỳ khó khăn. Điều kiện cần có là một khu rừng - sinh cảnh sống an toàn có hàng rào bảo vệ. Những con voi sau khi đã ở với người sẽ trở nên rất quen thuộc với người và có thể gây nguy hiểm đối với con người, trong trường hợp này, hàng rào sẽ bảo vệ được cộng đồng con người sống xung quanh. Một chương trình tái thả có liên quan đến một đàn voi nhỏ cũng cần một khoảng thời gian khá dài từ 20 - 40 năm. Trong thời gian này, cần tiến hành nghiên cứu về những đàn voi hoang dã đang sống trong rừng, lắp đặt hàng rào, đảm bảo không có việc săn bắn trái phép, giáo dục truyền thống cho bà con địa phương và cán bộ quản lý dự án.

Muốn thả voi thành công, cần thả một bầy voi với một "cơ cấu tự nhiên". Trong trường hợp này, con voi đầu đàn sẽ là con được sinh ra trong môi trường nuôi nhốt và sẽ là mẹ của đàn voi tương lai. Đàn voi được thả sẽ bao gồm 1 con đầu đàn, 1 - 2 con cái do con voi này sinh ra và tiếp theo là con non của chúng, bao gồm cả voi đực. Đàn voi như vậy sẽ được những con voi đực hoang dã tôn trọng.

Hiện tại, có 2 trung tâm có thể nuôi nhốt và sinh sản, đó là ở huyện Buôn Đôn và huyện Lắk. Tất cả những con voi cái trong độ tuổi sinh sản cần được đưa đến 2 trung tâm trên. Mỗi

trung tâm sẽ cần 2 - 3 con voi đực mạnh khỏe. Thế hệ voi đầu tiên có thể tiếp xúc với quản tượng tự do, hoặc có kiểm soát, nhưng thế hệ thứ 2 chỉ được tiếp xúc có kiểm soát với quản tượng để giảm thiểu đến mức tối đa sự tương tác với con người. Điều này sẽ thúc đẩy các hành vi tự nhiên của đàn voi.

Các chuyên gia nghiên cứu hành vi của voi đã chăm sóc cho H'Ban Nang cẩn thận, chuyên nghiệp, thậm chí một con voi cái đã được thuê từ một gia đình khác để làm "bà đỡ" cho H'Ban Nang trong quá trình chuyển dạ. Rất tiếc H'Ban Nang đã không "mẹ tròn con vuông". Voi H'Ban Nang khá già cho lần sinh con đầu tiên. Nguyên nhân là đường dẫn sinh của voi quá hẹp và con voi con đã bị ngạt vì thời gian ở trong bụng mẹ kéo dài sau khi dây rốn đứt. Trong thời gian tới, cần phải tập huấn thêm cho cán bộ của Trung tâm Bảo tồn voi về các vấn đề sinh sản, bao gồm cả việc kiểm tra siêu âm.

WWF-Việt Nam, Tổ chức Piraiz Daiza Foundation và

Trung tâm Bảo tồn voi Đắk Lắk có cùng quan điểm về mục tiêu bảo tồn voi rừng, trong đó tiếp tục duy trì và phát triển các đàn voi nhà. Ngoài ra, cần có một lộ trình dài hạn từ 20 - 40 năm để đàn voi nhà đầu tiên có thể được tái thả và công tác hỗ trợ voi nhà cần thực hiện ngay từ thời điểm này. Trong quá trình này, Chính phủ Việt Nam sẽ giữ vai trò chủ chốt, các tổ chức phi chính phủ sẽ hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, Chi cục Kiểm lâm và các nhà khoa học sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho toàn bộ quá trình gây nuôi, vai trò của WWF là tạo ra sinh cảnh an toàn cho đàn voi nhà khi được tái thả.

Đây là thời điểm quan trọng để Đắk Lắk tập trung bảo tồn hành lang sinh cảnh cho đàn voi hoang dã, thiết kế sinh cảnh đệm cho đàn voi nhà sinh sống trước khi chúng được tái thả về thiên nhiên hoang dã. Cả voi hoang dã và voi nhà đều cần có sinh cảnh an toàn. Vườn quốc gia Yok Đôn và các hành lang di chuyển cho voi cần được bảo vệ và tỉnh Đắk Lắk cần có trách nhiệm về sự sống còn của những con voi này■

LÊ TRÀ



Tăng cường quản lý, bảo vệ rừng và giá trị đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Tây Côn Lĩnh nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Giang, trên địa bàn các xã Cao Bồ, Phương Tiến, Xin Chải, Lao Chải, Thượng Sơn, Quảng Ngần (huyện Vị Xuyên); Phương Độ, Phương Thiện (TP. Hà Giang) và Túng Sán, Đản Ván, Thèn Chu Phìn (huyện Hoàng Su Phì), diện tích 20.580 ha, nổi tiếng với đỉnh Tây Côn Lĩnh, độ cao 2.428,5 m.

Đây là khu vực với nhiều núi cao, độ dốc lớn, địa hình chia cắt mạnh, hiểm trở, do vậy, KBTTN vẫn giữ được một khu rừng kín lá rộng, thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới, diện tích 6.247,76 ha, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt. Nơi đây có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao với 796 loài thực vật đã được ghi nhận, trong đó có 54 loài thực vật quý hiếm (chiếm 7% tổng số loài); 49 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (chiếm khoảng 6,2% tổng số loài), gồm: 3 loài thuộc cấp rất nguy hiểm, 19 loài thuộc nhóm nguy cấp, 27 loài thuộc nhóm sẽ nguy cấp; 4 loài nằm trong Danh lục đỏ của IUCN (chiếm khoảng 0,41% tổng số loài), gồm: 3 loài thuộc cấp ít nguy cấp, 1 loài sẽ nguy cấp; 14 loài nằm trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (chiếm khoảng 1,76% tổng số loài); 5 loài nằm trong phụ lục II của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa (CITES 2008) (chiếm khoảng 0,63% tổng số loài); 669 loài cây có ích, trong đó: Nhóm cây thuốc (390 loài), cho gỗ (91 loài), cây cảnh (35 loài), cho quả và hạt ăn được (54 loài), làm rau ăn (31 loài), tinh dầu (36 loài), dùng đan lát (12 loài), có độc (10 loài), làm thức ăn gia súc (6 loài), cho dầu béo (4 loài).

Về động vật, có 213 loài được ghi nhận tại KBTTN, trong đó 36 loài quý hiếm; 14 loài thú nằm trong Danh lục đỏ IUCN; 24 loài trong Sách đỏ Việt Nam; 17 loài trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và 15 loài ghi trong Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại các Phụ lục của CITES.

Hiện nay, KBTTN Tây Côn Lĩnh và khu vực xung quanh chưa có địa điểm du lịch nào chính thức hoạt động nhưng quần thể chè San tuyết cổ thụ ở các thôn, bản của đồng bào dân tộc Hmông, Clao, Dao... thuộc xã Cao Bồ và đỉnh Tây Côn Lĩnh là địa điểm hấp dẫn, tiềm năng để khai thác, phát triển du lịch sinh thái nhân văn, du lịch khám phá mạo hiểm, đặc biệt vào mùa thu hoạch.



▲ Cây râu hùm trên đỉnh Tây Côn Lĩnh có tác dụng chữa bệnh

Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn hệ sinh thái KBTTN Tây Côn Lĩnh, thời gian qua, Ban quản lý (BQL) rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, quy định về phòng cháy chữa cháy rừng... Bên cạnh đó, tham mưu cho các phòng ban, cơ quan chức năng của huyện, xã kiểm soát và xử lý nghiêm các trường hợp xâm phạm rừng, săn bắt, buôn bán động vật hoang dã trái phép; chủ động phối hợp với lực lượng dân quân, bộ đội biên phòng, cộng đồng dân cư vùng đệm nhận khoán bảo vệ rừng tổ chức tuần tra rừng, vừa tăng thu nhập cho người dân, vừa nâng cao vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Tuy nhiên, BQL cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức trong công tác quản lý, bảo vệ rừng do nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách Nhà

nước cũng như quốc tế cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH và nghiên cứu khoa học trong KBTTN Tây Côn Lĩnh còn hạn chế; Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ rừng còn thiếu...

Để công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn ĐDSH đạt hiệu quả, trong thời gian tới, KBTTN Tây Côn Lĩnh sẽ tiến hành các chương trình điều tra, nghiên cứu, theo dõi, đánh giá tài nguyên rừng trong KBTTN, làm cơ sở xây dựng chương trình quản lý, bảo vệ, phát triển lâu dài; Tăng cường năng lực bảo tồn, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng, trang thiết bị và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên của Hạt Kiểm lâm. Cùng với đó, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cũng như thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, ĐDSH; Phát triển du lịch sinh thái, kết hợp với giáo dục môi trường... từng bước cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa, từ đó thay đổi lối sống, hành vi của cộng đồng về bảo tồn rừng và BVMT sinh thái■

ĐỨC THÁI



Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái Đảo Cò Chi Lăng Nam

PHƯƠNG LÊ

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Đảo Cò Chi Lăng Nam thuộc xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện, có diện tích 31,67 ha, với khoảng 16.000 con cò và 6.000 con vạc sinh sống. Trong đó, có 9 loại cò: Trắng, lửa, bợ, duỗi, đen, hương, nghênh, ngang, diệc và các loài vạc lưng xanh, xám, sao. Nằm giữa lòng hồ An Dương mệnh mông sông nước và nhiều đền, chùa, miếu mạo trong vùng, Đảo Cò giàu tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái (DLST).

Để phát triển DLST Đảo Cò, năm 2012, UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND phê duyệt Đề án xây dựng mô hình điểm Phát triển du lịch cộng đồng ở Đảo Cò Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện đến năm 2020. Trong đó, định hướng cơ bản của Đề án tập trung vào phát triển xây dựng mô hình DLST tại Đảo Cò và phát triển các điểm du lịch hỗ trợ. Hệ thống cơ sở vật chất du lịch tại Đảo Cò được xây dựng tương đối đồng bộ, có chất lượng như: Các homestay, sân sinh hoạt cộng đồng để tổ chức các hoạt động văn nghệ, vui chơi giải trí thể thao, phương tiện vận chuyển khách du lịch và các dịch vụ khác để tạo điều kiện cho khách vừa tham quan, tham gia vào các hoạt động của nhà nông và sinh hoạt cộng

đồng. Tổng kinh phí dự kiến đầu tư thực hiện Đề án là hơn 15 tỷ đồng.

Theo Đề án, mô hình du lịch cộng đồng ở Đảo Cò được chia thành 2 phân khu riêng và có quan hệ tương tác với nhau. Khu vực Đảo Cò dành cho khách tham quan gồm 2 hồ An Dương, Triều Dương và các công trình: Trung tâm quản lý, nhà trưng bày, bãi đỗ xe, khu du lịch (KDL)... Các hoạt động du lịch chủ yếu phục vụ du khách: Giới thiệu về khu bảo tồn đa dạng sinh học, các loài chim ở phòng trưng bày, tham quan, quan sát đời sống sinh hoạt của chim; tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí trên mặt nước như (câu cá, chèo thuyền bằng tay). Bên cạnh đó, xây dựng thêm các tuyến du lịch cộng đồng tại xã Chi Lăng Nam, gồm: Nhà dân - Đảo Cò - chùa An Dương - đền mẫu Triều Dương - chợ Giao - làng nghề bánh đa Hội Yên, chùa, miếu Triều Trang;

tuyến kết nối du lịch Đảo Cò với các điểm của huyện Ninh Giang gồm: Đền Khúc Thừa Dụ - mùa rỗi nước Hồng Phong, đình Bồ Dương - đền Tranh.

Năm 2014 đánh dấu mốc lịch sử quan trọng cho sự phát triển du lịch nơi đây đó là việc Đảo Cò chính thức được công nhận là Di tích quốc gia danh lam thắng cảnh của tỉnh Hải Dương. Theo đó, UBND huyện Thanh Miện đã thành lập 2 Ban quản lý (BQL): Dự án du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò do Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, các phòng đơn vị liên quan làm ủy viên nhằm quản lý toàn bộ mọi hoạt động liên quan đến KDL; khu Di tích Quốc gia danh lam thắng cảnh Đảo Cò xã Chi Lăng Nam gồm lãnh đạo HĐND-UBND, MTTQ xã cùng các ban, ngành, đoàn thể trực tiếp quản lý các hoạt động xây dựng, khai thác trong khu. Đồng thời, đầu tư tôn tạo một số công trình tại khu vực Đảo Cò bao gồm Chùa Nam, Trung tâm giáo dục môi trường, khu vực sân chùa, cây đa, bến thuyền... Ngoài ra, UBND xã Chi Lăng Nam đã kiện toàn lại tổ chức, xây dựng quy chế hoạt động của tổ dịch vụ; bố trí lại nhà trưng bày và đảm bảo vệ sinh môi trường KDL Đảo Cò; triển khai việc ký cam kết với các hộ thôn An Dương về việc thực hiện quy chế quản lý KDL của UBND huyện...

Nhờ những nỗ lực trên, khách du lịch đến Đảo Cò đã tăng từ 30.000 lượt năm



▲ Du khách tham quan Đảo Cò



▲ Đảo Cò Chi Lăng Nam

2011 lên 45.000 lượt năm 2015. Thị trường khách nội địa chủ yếu là khách trong tỉnh và các tỉnh Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng... Giai đoạn 2012 - 2015, theo số liệu của BQL Đảo Cò, doanh thu từ các hoạt động thu vé tham quan, chèo thuyền, trông giữ xe đạt khoảng 400 triệu đồng/năm; doanh thu của các hộ kinh doanh ăn uống, lưu trú, bán hàng lưu niệm ước đạt trên 1 tỷ đồng. Mặc dù, số lượng khách cũng như doanh thu còn hạn chế nhưng đây là dấu hiệu khả quan để phát triển sản phẩm DLST.

Tuy nhiên, Đảo Cò là KDL mới được khai thác với cảnh quan còn hoang sơ nên việc thu hút những nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn. Cùng với đó, bộ máy quản lý KDL chưa hiệu quả; đội ngũ nhân viên khai thác làm dịch vụ du lịch thiếu về số lượng và yếu về kiến thức du lịch; công tác quy hoạch du lịch, quản lý còn hạn chế; chưa thực hiện kê giữ Đảo Cò nên đảo ngày càng bị xói lở, diện tích thu hẹp, cây trên đảo không phát triển trong khi số lượng cò vạc ngày càng đông...

Tiềm năng DLST tại Đảo Cò rất lớn do có vị trí thuận lợi, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. Trong thời gian tới, để phát triển DLST tại Đảo Cò, chính quyền huyện Thanh Miện cần khai thác giá trị văn hóa, lịch sử nhằm xây dựng kịch bản cho các tour du lịch; đồng thời, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ngành kinh tế du lịch trong các cấp, ngành và nhân dân. Bên cạnh đó, phát huy tính năng động, tích cực mở rộng tìm kiếm và kêu gọi xã hội hóa, đầu tư khai thác hiệu quả tiềm năng sẵn có, coi đây là mũi đột phá hiệu quả nhằm phát triển DLST Đảo Cò tương xứng với tiềm năng, lợi thế, tạo điểm nhấn và sức lan tỏa■

Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong xây dựng và phát triển khu công nghiệp sinh thái quốc gia



▲ Kinh nghiệm phát triển KCN sinh thái của Hàn Quốc được nhiều quốc gia học hỏi và áp dụng

Các khu kinh tế đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Hàn Quốc trong vài thập kỷ qua. Tuy nhiên, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái môi trường nghiêm trọng và đặt ra nhiều thách thức đối với chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Trước đây, các khu phức hợp công nghiệp là biểu tượng "kỳ tích" kinh tế của Hàn Quốc, nay trở thành những khu vực "cẩn tránh xa" do ô nhiễm. Tại đây, các doanh nghiệp phải đối mặt với sự kiểm soát của cộng đồng dân cư và các tranh chấp liên quan đến hậu quả của quá trình sản xuất. Nhằm tháo gỡ giúp doanh nghiệp, đồng thời được thúc đẩy bởi Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển bền vững 2012 (Rio+20), Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu đưa ra các biện pháp quản lý môi trường mới phù hợp với tiến trình tăng trưởng công nghiệp.

Trung tâm Sản xuất sạch Hàn Quốc (KNCPC) đã khởi động Chương trình Khu công nghiệp sinh thái quốc gia (EIP) vào năm 2003, dưới sự chỉ đạo của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Kinh tế Hàn Quốc (MOTIE) nhằm đổi mới cách thức phát triển công nghiệp, đồng thời BVMT. Tuy nhiên, trong 2 năm đầu của chương trình, cách tiếp cận thực hiện từ trên xuống không thu hút được sự tham gia của khu vực tư nhân.

Điều này đã thay đổi sau khi Tập đoàn Phát triển các khu công nghiệp Hàn Quốc (KICOX) tiếp quản, với vai trò là cơ quan thực hiện. Thông qua bản kế hoạch mới hợp lý và chiến lược tập trung vào kinh doanh, Chương trình đã thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp. Theo đó, KICOX đã cải tiến chương trình với các mục tiêu cụ thể và một chiến lược 3 giai đoạn,



▲ Khu công nghiệp sinh thái tại TP. Daegu, Hàn Quốc

kéo dài từ năm 2005 đến 2019 được đặt ra.

Năm 2015, KICOX đã nhận được 595 đề xuất dự án, trong đó có 388 dự án được tài trợ để nghiên cứu và phát triển, 197 dự án được triển khai. Việc áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn và hình thức cộng sinh công nghiệp giúp cho các dự án giảm được 6,48 triệu tấn CO₂ và giảm 1,09 triệu tấn các loại khí độc khác từ năm 2005 - 2014. Các khoản đầu tư mới vào nghiên cứu và phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghiệp đã tạo ra 848 việc làm, thúc đẩy phát triển công nghệ, cho ra đời 56 bằng sáng chế mới và 100 đăng ký sáng chế chờ phê duyệt. Sang năm 2015, các công ty tham gia hệ thống "cộng sinh công nghiệp" cũng được lợi từ khoản thu nhập 1.848 tỷ won (khoảng 1.680 triệu đô la Mỹ), nhờ vào việc tiết kiệm tài nguyên hoặc bán chất thải và các sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất.

Có thể thấy rõ, một số yếu tố góp phần vào thành công của Chương trình Khu công nghiệp sinh thái quốc gia Hàn Quốc, đó là KICOX đã tận dụng hiệu quả các chuyên gia địa phương, từ đó xây dựng mạng lưới kết nối doanh nghiệp và người dân. KICOX đặc biệt đầu tư vào việc thu hút các công ty cư trú trong hệ thống "cộng sinh công nghiệp", vì sự tham gia của họ rất quan trọng cho sự thành công của Chương trình. Thông qua mối quan hệ chặt chẽ với các ngành thuộc khu phức hợp công nghiệp, trung tâm EIP của khu vực và điều phối viên tại địa phương có thể xây dựng cộng đồng các bên liên

quan dựa trên đặc điểm chung về ngành hoặc loại tài nguyên.

Để kích thích sự tham gia và đầu tư của doanh nghiệp vào Chương trình, trong những năm đầu tiên, KICOX tập trung vào các Dự án ngắn hạn để chứng minh lợi nhuận kinh tế của Dự án EIP nhằm thu hút doanh nghiệp. KICOX lập chiến lược sử dụng các trung tâm EIP tại khu vực để thúc đẩy Chương trình EIP. Câu chuyện thành công được quảng bá rộng rãi thông qua các kênh truyền thông trực tuyến và ngoại tuyến.

Chính phủ Hàn Quốc cũng đã sử dụng một quỹ tài trợ có hiệu quả để tạo điều kiện cho các cá nhân tham gia và đầu tư mà không gây trở ngại cho người nhận tài trợ hoặc tránh trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, Chính phủ cũng tài trợ cho việc nghiên cứu và phát triển các Dự án để xuất đạt tiêu chuẩn với mức tài trợ được xác định dựa trên quy mô của công ty, tác động tiềm ẩn, công nghệ sản xuất và các tiêu chí khác.

Mặt khác, Hàn Quốc cũng đưa ra các khoản vay ưu đãi cho các doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến để giảm ô nhiễm và tiết kiệm tài nguyên.

Mặc dù đã có nhiều thành tích đáng kể, Chương trình EIP của Hàn Quốc vẫn còn tồn tại một số thách thức. Trước tiên, Chương trình cần phải tập trung nhiều vào các tác động đến môi trường trong việc xây dựng EIP. Lượng phát thải CO₂ cần giảm hơn nữa nhằm đảm bảo mục tiêu giảm khí nhà kính quốc gia (GHG). Để đạt được kết quả đó, Hàn Quốc cần áp dụng các biện pháp mạnh hơn để hỗ trợ cho các dự án kém hiệu quả về mặt kinh tế nhưng vẫn có tác động tích cực đến môi trường. Cuối cùng, cần tăng cường và hệ thống hóa việc hợp tác, phối hợp giữa các cơ quan thực hiện EIP và chính quyền địa phương thông qua các chính sách hợp lý, nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cho Chương trình. ■

HỒNG ĐIỂN (Theo GGKP)



Công bố danh sách 10 loài nguy cấp bị buôn bán nhiều nhất tại các chợ của vùng Tam giác Vàng



▲ Hổ là một trong 10 loài bị buôn bán nhiều nhất tại khu vực Tam giác Vàng

Theo báo cáo của Quỹ Quốc tế Bảo vệ thiên nhiên (WWF), hổ, voi, gấu và tê tê là 4 loài trong số những loài bị buôn bán nhiều nhất tại khu vực Tam giác Vàng - nơi giáp ranh giữa Lào, Thái Lan và Myanma. Tê giác, sơn dương, chim hồng hoàng mỏ sừng, bò tót, báo và rùa cũng nằm trong số những loài nguy cấp bị bày bán tại trung tâm buôn bán động, thực vật hoang dã này.

Danh sách 10 loài bị buôn bán nhiều nhất được đưa ra dựa trên kết quả nghiên cứu của WWF về thị trường, cửa hàng, nhà hàng buôn bán động, thực vật hoang dã và từ các báo cáo của Mạng lưới Giám sát buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (TRAFFIC). Theo đó, khách du lịch từ Trung Quốc và Việt Nam, là nhân tố chính thúc đẩy việc buôn bán bất hợp pháp này. Họ thường đến các khu vực MongLa và Tachilek tại Myanma, khu vực biên giới như Boten và Đặc khu kinh tế Tam giác Vàng tại Lào - những "điểm nóng" buôn bán động, thực vật hoang dã bất hợp pháp.

Ông Chrisgel Cruz, Cố vấn kỹ thuật Chương trình Chống buôn bán các loài hoang dã của WWF - Greater Mekong cho biết: "Hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã bất hợp pháp, không có kiểm soát và thiếu bền vững đang đẩy quần thể hàng trăm loài hoang dã, không chỉ ở khu vực Tiểu vùng sông Mê Công, mà còn trên toàn thế giới vào tình trạng nguy hiểm. Các khu vực biên giới như Tam giác Vàng là nơi hoạt động buôn bán các loài động vật hoang dã phát triển mạnh và cũng là những nơi cần phải có nhiều biện pháp quyết liệt nhằm bảo vệ các loài hoang dã".

Hiện nay, rất nhiều hổ nuôi nhốt, cũng như hoang dã của châu Á bị buôn bán tại khu vực Tam giác Vàng và được sử dụng để ngâm rượu, làm thuốc, các đồ trang sức xa xỉ. Ngoài

ra, quần thể voi châu Á và châu Phi cũng đang bị đe dọa do việc buôn bán da voi ngày càng tăng, cùng với nhu cầu ngà voi. Các trang trại nuôi nhốt gấu ngày càng phát triển tại khu vực. Gấu ngựa và gấu chó (chủ yếu bị bắt trong tự nhiên) thường bị nhốt trong những chiếc lồng chật hẹp để lấy mật, dùng cho các bài thuốc dân gian, hoặc trong y học cổ truyền.

Tê giác châu Phi bị giết hại, với tốc độ 3 con một ngày để thỏa mãn nhu cầu về sừng tê giác của nhiều người dân tại Việt Nam, Trung Quốc - nơi sừng tê giác là biểu tượng của sự giàu có và được sử dụng trong y học cổ truyền. Theo quan niệm của họ, sừng tê giác có thể chữa say rượu và sốt, nhưng trên thực tế, cấu tạo sừng tê giác từ keratin, chất cấu thành móng tay, móng chân người và không có giá trị về y học. Hiện nay, xu hướng chế tác sừng tê giác thành những vật trang trí cũng đe dọa tới sự sinh tồn của loài động vật quý hiếm này.

Một loài khác cũng có bộ phận cấu tạo từ keratin là tê tê. Vây của chúng được săn lùng và tê tê trở thành loài bị buôn bán nhiều nhất trên thế giới. Bên cạnh đó, loài chim hồng hoàng mỏ sừng cũng có một chiếc mỏ đặc biệt, rất phù hợp cho việc chạm khắc giống như ngà voi. Loài sơn dương, trông giống như dê và sống tại các vùng núi, bị buôn bán với giá cao tại Lào do nhu cầu về thịt, các bộ phận và vị thuốc trong y học cổ truyền. Đã một thời, loài báo xuất hiện khắp Đông Nam Á, nhưng hiện nay, chúng bị săn lùng để lấy da, hộp sọ và được

buôn bán với số lượng lớn tại khu vực Tam giác Vàng. Rùa, gồm rùa sống và đã được chế tác, cũng được bày bán khắp nơi. Cuối cùng, bò tót - loài to lớn nhất trong họ gia súc, đang bị sụt giảm quần thể nghiêm trọng trên toàn cầu do cặp sừng vô cùng ấn tượng của chúng. Các nhà sưu tập săn lùng và treo sừng của chúng trên tường như một chiến lợi phẩm.

Trong thời gian qua, WWF đã hợp tác với các chính phủ, các đối tác như TRAFFIC và tổ chức phi chính phủ tại địa phương, các nhà thực thi pháp luật để giải quyết vấn đề buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã tại khu vực Tam giác Vàng. Thông qua các hoạt động truyền thông trên toàn châu Á, WWF đã kêu gọi các quốc gia đóng cửa ít nhất 20 chợ buôn bán động, thực vật hoang dã vào năm 2020. Đây có thể là những chợ buôn bán trực tiếp, nhà hàng, cửa hàng, hoặc các chợ trên mạng. Thêm vào đó, WWF cũng nỗ lực thúc đẩy hỗ trợ thực thi pháp luật và xử phạt các hành vi về buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép. Các dữ liệu cũng được WWF chia sẻ rộng rãi tới các nhà chức trách để họ có thể biết nơi nào đang diễn ra hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã.

Ngoài ra, WWF cũng hỗ trợ những cán bộ kiểm lâm - những người mạo hiểm mạng sống để bảo vệ các loài hoang dã khỏi bị săn bắn. Các cán bộ kiểm lâm được tập huấn và trang bị thiết bị công nghệ cao, nhằm chống lại hoạt động tình vi của băng đảng tội phạm có tổ chức. ■ **NGÂN PHƯƠNG**



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thúc**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,

Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (024) 66569135

Editorial board: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcm@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,

No. 200 - Ly Chinh Thang Street,

9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmtpgianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Cầu river basin

Photo by: ST

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 11/2017

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [6] • Minister Trần Hồng Hà's presentation at the National Assembly on natural resources and environment issues
- [7] • Enhancing cooperation in education and training and environmental protection monitoring
- [8] • Need for cooperation and unification in environmental management of Cầu River Basin
- [10] • "Actions for the Environment Month" contributes to increasing public environmental awareness
- [11] TRINH VĂN TUYẾN: Environmental Technology Institute: 15 years of establishment and development
- [12] NGUYỄN HẮNG: Việt Nam Environment Administration: determined to increase disciplines, develop and implement work ethics standards of staff, officers and workers in natural resources and environment sector



LAW - POLICY

- [14] NGUYỄN THUẬN HIẾN - NGUYỄN THÀNH LAM: Recommendations for improving management and usage of bottom ash from coal fired power plants
- [17] PHẠM ĐÌNH ĐÓN: Completing national regulation standards on fishery product processing wastewater
- [20] LẠI THANH SƠN: Enhancing cooperation with local authorities in dealing with interprovincial and regional environmental issues
- [22] THÁI HỒNG THỊNH: Increasing state management on environmental protection effectiveness in Cao Bằng Province



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [26] VŨ NGỌC LÂN: Environmental standards in new rural development: remote and close
- [28] NGUYỄN QUANG VINH: Promoting sustainable business models in Việt Nam



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [30] PHÙNG THỊ QUỲNH TRANG: Vietnamese textile sector promotes cleaner production to increase competitiveness
- [32] DƯ VĂN TOÁN: Blue port models: international applications and recommendations for Việt Nam
- [33] NGUYỄN THỊ LIÊN: Quảng Trị's efforts in addressing pesticide stockpile pollution



GREEN GROWTH

- [35] NGUYỄN THẾ CHINH - NGUYỄN SỸ LINH: Implementing climate change responding objectives and green growth
- [37] HUỖNH HUY VIỆT: Orientations for green growth of the period 2016-2020, visions for 2050 in Phú Yên Province
- [40] LƯU TRANG: Enabling policies for green special economic zones in China



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [42] PHẠM HỒNG DƯƠNG: An Hòa Paper Joint Stock Company attaches profits and environmental protection and sustainable development
- [43] VƯƠNG THANH GIANG: Cao Bằng Steel Joint Stock Company: business development in line with environmental protection



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [45] LÊ TRÀ: Conservation from a birth failure story
- [47] ĐỨC THÁI: Enhancing forest protection and management in biodiversity conservation in Tây Côn Lĩnh Nature Reserve
- [48] PHƯƠNG LÊ: Ecotourism development potentials in Chi Lăng white crane island



AROUND THE WORLD

- [49] HỒNG ĐIỂN: Korea experience in establishing and developing national eco-industrial zones
- [51] PHƯƠNG NGÂN: Disclosure of 10 most traded endangered species in markets in Golden Triangle region

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM QUAN

Địa chỉ: Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc

Chúc

Mừng

Năm

Mới

Xuân Mậu Tuất 2018



CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TÂN ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Ấp Tân Long, Xã Hòa Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Mậu Tuất 2018



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TƯỢNG SƠN

Địa chỉ: X. Tượng Sơn, H. Nông Cống, T. Thanh Hóa

Chúc Mừng Năm Mới 2018

Xuân Mậu Tuất



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀ ANH

Địa chỉ: Khối 1 - Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

* Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, dịch vụ thể thao, khách sạn, ăn uống
- Chế biến nông, lâm sản thực phẩm, sản xuất cây giống, cây cảnh các loại
- Kinh doanh vận tải hàng hoá
- Mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của nhà nước
- Khai thác đá sỏi
- Liên doanh liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước
- Kinh doanh bất động sản
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá
- Kinh doanh: hàng hóa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng
- Mua bán thuốc bảo vệ thực vật
- Mua bán phân bón các loại
- Sản xuất phân bón các loại
- Xây dựng nhà ở, văn phòng và công trình công cộng, làm đường giao thông vận tải



Chúc mừng

Xuân Mậu Tuất
2018

năm mới



Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Mậu Tuất 2018



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DỊCH VỤ XNK CỬU LONG

Địa chỉ: Số 143, ấp 1, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÚ XUÂN

Địa chỉ: Số 126 đường Phan Chu Trinh, Phường Thống Lợi, TP Buon Ma Thuot, Tỉnh Đắk Lắk



Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Mậu Tuất
2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT - GIẤY VNT 19

NGHIÊM TÚC ĐẦU TƯ THIẾT BỊ XỬ LÝ CHẤT THẢI ĐỂ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiện nay, vấn đề xử lý chất thải công nghiệp được cộng đồng xã hội rất quan tâm bởi những hậu quả do chất thải công nghiệp gây ra đối với môi trường, sức khỏe con người rất nặng nề. Nhận thức rõ điều đó, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là ưu tiên hàng đầu của Công ty Cổ phần Bột - Giấy VNT 19. Dự án Nhà máy Bột Giấy VNT19 tại Xóm Dâu, thôn Giao Thủy, Xã Bình Phước, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi thuộc sở hữu của công ty đã và đang trong quá trình xây dựng.

Dự án triển khai trên diện tích 117 ha tại xã Bình Phước - huyện Bình Sơn với quy mô công suất 350.000 tấn/năm với nhiều hạng mục chính:

- Khu xử lý mảnh, dây chuyền sản xuất bột, máy sấy bột, hệ thống chưng bốc và xút hoá, lò hơi thu hồi, lò hơi đa nhiên liệu, các turbine và máy phát, các hệ thống nước cấp, hệ thống xử lý nước thải;

- Phần xưởng thu hồi của nhà máy xử lý toàn bộ các sản phẩm theo chu trình khép kín bao gồm: 01 lò hơi thu hồi, lò hơi đa nhiên liệu CFBC, hệ thống chưng bốc xút hoá và lò vôi quay, tuốc bin máy phát điện, các dịch sau khi nấu được cô đặc và là nguyên liệu cho lò hơi thu hồi tạo ra nguồn hơi và phát điện;

- Hai tuốc bin có công suất tổng là 54 MW đảm bảo cung cấp điện cho toàn bộ hoạt động sản xuất của nhà máy và có thể phát điện thừa lên mạng lưới điện Quốc gia.



Trụ sở Công ty Cổ phần Bột - Giấy VNT 19

Nguồn vốn của dự án được hình thành từ vốn tự có của Công ty và vốn vay thương mại nhằm: Sản xuất bột giấy và giấy tẩy trắng thương phẩm cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu; Tiêu thụ gỗ rừng trồng trong dân cư và các doanh nghiệp lâm nghiệp, các trang trại, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, hiện đại hóa nông thôn, xóa đói giảm nghèo theo chủ trương của Đảng và Nhà Nước; Tiêu thụ dăm gỗ lâu nay được xuất khẩu dưới dạng thô, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, từ đó giảm nhập siêu của Quốc gia, đóng góp thuế cho ngân sách địa phương và Trung ương; Góp phần vào hiện đại hóa, nâng sức cạnh tranh ngành công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy của Việt Nam.

Máy móc thiết bị đảm bảo chất lượng châu Âu

Theo ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch VNT19, tỷ trọng giá trị về sử dụng thiết bị cũ từ nhà máy TOFTE (Na Uy) rất nhỏ so với tổng mức đầu tư (10.000 tỉ đồng). Chủ đầu tư sẽ thay mới 100% nhiều hệ thống dây chuyền thiết bị như: Hệ thống xử lý

nước thải, nước cấp, nước cấp cho lò hơi, lò hơi đốt than, lọc bụi tĩnh điện, tháp giải nhiệt, bộ hâm cho nồi nấu,...

Ngoài ra, chủ đầu tư cũng nâng cấp các hệ thống chưng bốc, máy sấy, thay thế nhiều phụ tùng mới, hệ thống điện, điều khiển,... đảm bảo chất lượng châu Âu hiện đại.

Chủ đầu tư khẳng định dự án không gây ô nhiễm môi trường

Hệ thống xử lý nước thải đã được Chủ đầu tư thuê Công ty Aqua Flow (Phần Lan) - đây là một công ty đứng đầu thế giới về xử lý nước thải cho bột giấy, là nhà thầu thiết kế, cung cấp mới 100%, giám sát lắp đặt cho dây chuyền này đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn Châu Âu, quy chuẩn áp dụng trong nước trước khi bơm xả ra môi trường. Theo thiết kế, dây chuyền bố trí xây dựng hồ sơ cố dung tích 50.000 m³ để lưu trữ nước trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Như vậy, nhà máy không thể gây ô nhiễm môi trường nước trong mọi trường hợp chạy thử và vận hành.

Mặc dù, Hồ sinh học không được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành, tuy nhiên, theo đề xuất của tỉnh Quảng Ngãi, Công ty đồng ý làm thêm hồ chỉ thị sinh học bằng cách trích dẫn đường lấy nước sau khi xử lý để tiến hành nuôi cá nhằm kiểm chứng nước trước khi bơm xả ra vịnh Việt Thanh. Hơn nữa, thực tế hiện nay các nhà máy giấy và bột giấy trên thế giới đều không có hồ chỉ thị sinh học mà vẫn đảm bảo về môi trường. Các nhà máy sản xuất trong nước cũng đều đang hoạt động trong điều kiện không có hồ chỉ thị sinh học.



Buổi họp báo về việc xây dựng Dự án Nhà máy Bột giấy VNT19

Về tuyến thoát nước ra biển, Nhà máy Bột giấy VNT19 sử dụng trạm bơm dẫn nước (đã được xử lý đạt tiêu chuẩn châu Âu) từ hồ điều hòa kiểm hồ chỉ thị sinh học qua đường ống đi ngầm ra ngoài biển; theo đúng hướng tuyến thoát ra bãi biển Việt Thanh căn cứ theo phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như chấp thuận của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

"Nhà máy Bột giấy VNT19 sử dụng dây chuyền thiết bị công nghệ hiện đại và đảm bảo an toàn môi trường. Công ty cam kết nếu có bất kỳ sự cố môi trường nào xảy ra (mặc dù theo thiết kế không thể xảy ra) nhà máy sẽ dừng hoạt động ngay lập tức" - Ông Nguyễn Tiên Phong khẳng định.

Chính từ nhận thức đúng đắn ý nghĩa của vấn đề bảo vệ môi trường, đầu tư đầy đủ trang thiết bị hiện đại nên Công ty Cổ phần Bột - Giấy VNT19 sẽ cố gắng đảm bảo không để xảy ra tình trạng ảnh hưởng đến môi trường, dù là nhỏ nhất.

BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH BẮC NINH

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Võ Cường, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Giám đốc: Ông Lê Văn Nam - Điện thoại: 0222.389.5969



▲ Ông Lê Văn Nam, Giám đốc bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh



▲ Bệnh viện Sản - Nhi "Cai" thử máy thành công cho bệnh nhi



▲ Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh

*Chào mừng Kỷ niệm 73 năm
Ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
(22/12/1944 - 22/12/2017)*



BỆNH VIỆN MẮT THANH HÓA

Số 215, Hải Thượng Lãn ông, P. Quảng Thắng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237.3951.851 - Fax: (0237)3951. 851
Giám đốc: Ông Phạm Văn Dung



Sức khỏe của mọi người là niềm hạnh phúc của chúng tôi

UBND XÃ HỒNG THÁI, HUYỆN AN DƯƠNG, TP. HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Xã Hồng Thái, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

Chủ tịch: Ông Phạm Đình Minh - Điện thoại: 0912.726.587



**CHÀO MỪNG KỶ NIỆM
73 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
(22/12/1944 - 22/12/2017)**



BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI PHÒNG

Số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Giám đốc: Ông Bùi Hữu Hoàng - Điện thoại: 098.385.1335

Chào mừng

*Kỷ niệm 73 năm Ngày thành lập
Quân đội nhân dân Việt Nam
(22/12/1944 - 22/12/2017)*



Tài liệu tra cứu số MSN 505 - 2x379887



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TÂY ĐÔ

THƯƠNG HIỆU MẠNH NGÀNH MAY MẶC XUẤT KHẨU

Dược thừa hưởng và chuyển giao công nghệ từ Tổng công ty cổ phần May Việt Tiến - một thương hiệu may mặc uy tín trong nước và quốc tế, May Tây Đô không ngừng nỗ lực phát huy thế mạnh, đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9002:2008 làm ra những sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu.

Công ty CP May Tây Đô tiền thân là Xi nghiệp Liên doanh may Tây Đô được thành lập từ năm 1989, do Công ty May Việt Tiến và Công ty Thương nghiệp TP. Cần Thơ đồng sáng lập. Đến năm 2008 chuyển đổi thành công ty cổ phần, là thành viên của Tổng công ty CP May Việt Tiến.

Gần 30 năm xây dựng và phát triển, đến nay May Tây Đô đã mở rộng quy mô sản xuất với diện tích nhà xưởng hơn 10.000m², trong đó diện tích xây dựng là 5.500m², gồm 7 phân xưởng may, xưởng thêu, cùng hệ thống kho nguyên phụ liệu...

Để nâng cao hiệu quả sản xuất, năm 2014 Công ty đầu tư 3 hệ thống chuyển Hanger tự động trang bị cho 3/7 phân xưởng may, đồng thời thực hiện quy trình công nghệ Lean Manufacturing (Lean) nhằm loại bỏ tất cả những lãng phí trong quá trình sản xuất khi cùng một mức sản phẩm đầu ra nhưng có lượng đầu vào thấp hơn, ít tốn thời gian và nhân công hơn. Với sự đầu tư có trọng điểm, May Tây Đô đã đưa ra thị trường các dòng sản phẩm chất lượng như: sơ mi, quần tây, quần kaki, đồng phục công sở...

Công ty đặc biệt chú trọng tới thị trường nội địa phục vụ người tiêu dùng trong nước. Hiện nay, sản phẩm mang thương hiệu Tây Đô đã xuất hiện ở hầu hết các vùng miền trong cả nước và được người tiêu dùng ưa chuộng do tính thời trang, giá cả phù hợp, chất lượng vượt trội. Phát huy thành quả đạt được, Công ty đã mở nhiều cửa hàng đại lý không những trên địa bàn thành phố Cần Thơ mà còn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, sản phẩm của Công ty cũng đã có mặt tại các siêu thị Co.opmart, Vinmart... Đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Mỹ, châu Âu... chiếm tỷ lệ 85% tổng sản lượng.

Không những chú trọng đầu tư máy móc, công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, May Tây Đô luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của Công ty. Chính vì vậy, ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm cũng cố, hoàn thiện nguồn nhân lực và chăm lo tốt đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý, đồng thời tập trung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ kỹ thuật cho đội ngũ công nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng thỏa ước lao động tập thể nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống cho người lao động, đảm bảo đầy đủ lương thưởng cũng như các chế độ khác theo luật định.

Với những nỗ lực đầu tư đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực xuất khẩu, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, Công ty CP May Tây Đô đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng II do Chủ tịch nước trao tặng. Ngoài ra, May Tây Đô còn đoạt nhiều giải thưởng uy tín như: giải thưởng Chất lượng Việt Nam, Top 10 Thương hiệu - nhân hiệu nổi tiếng Đồng bằng sông Cửu Long. Sản phẩm tin cậy, Thương hiệu xuất sắc, Hàng Việt Nam được người tiêu dùng ưa thích, 100 Thương hiệu Việt bền vững năm 2015, Hàng Việt Nam Chất Lượng cao trong nhiều năm... cùng nhiều bằng khen và giải thưởng giá trị khác.



Nước khoáng thiên nhiên Công Đoàn

QuangHanh

SẢN PHẨM SẠCH TỪ THIÊN NHIÊN

Tốt cho sức khỏe của bạn!

Nước khoáng Công Đoàn Quang Hạnh là sản phẩm của Công ty TNHH MTV nước khoáng Công Đoàn Quang Hạnh. Được thành lập từ năm 1985 và được nhà nước giao cho khai thác quản lý giếng khoan 148I - Km8 Quang Hạnh - Cẩm Phả - Quảng Ninh. Giếng khoan 148I Quang Hạnh là 1 trong những nguồn tài nguyên quý hiếm của đất nước, có nhiều ưu điểm đã được lựa chọn đưa vào khai thác sớm nhất ở độ sâu 200 m, tuyệt đối vô khuẩn và đảm bảo các vi lượng khoáng chất có ích với cơ thể con người theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế quy định. Theo tính toán của các nhà khoa học hàm lượng vi khoáng của nước khoáng Quang Hạnh tương đương với loại nước khoáng tốt nhất trên thế giới hiện nay.

Công ty hiện đang phân phối hai dòng sản phẩm chính là nước khoáng thiên nhiên vị mận và nước khoáng thiên nhiên vị chanh muối. Sản phẩm của Công ty được sản xuất trên dây truyền công nghệ tự động tiên tiến của Đức đạt tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế, luôn đảm bảo về chất lượng trên thị trường hiện nay với nhiều tác dụng giải khát, lợi tiểu, khai vị trong các bữa ăn, cung cấp các vi lượng cần thiết cho cơ thể điều trị một số bệnh: Viêm loét dạ dày, gout, tá tràng, loét non, gan mật, giải nhiệt, chống say nắng, say nóng, đặc biệt rất hiệu quả khi bị đầy hơi, khó tiêu và say rượu, có tác dụng rất tốt đối với sức khỏe.



THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Phòng kinh doanh: Tel: 0203.5869131 - 0913.556.456

Địa chỉ: Km8 - Phường Quang Hạnh - Thành phố Cẩm Phả - Quảng Ninh

Email: phongkinhdoanh@gmail.com * Web: <http://nuckhoangcongdoanquanghanh.com.vn>



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - VINACOMIN
CÔNG TY CP THAN HỒNG THÁI - TKV

Giám đốc: Đỗ Mạnh Cường

P.Phương Đông, TP.Ứng Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Điện Thoại: 0203.3854490



Là công ty xử lý chất thải hàng đầu trong lĩnh vực xử lý chất thải Công nghiệp và chất thải nguy hại. Với 100% vốn đầu tư trong nước. Nhà máy được trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị và công nghệ tiên tiến nhất hiện nay. Công ty chúng tôi sẽ đáp ứng mọi nhu cầu về khâu thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải. Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối về môi trường theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT đúng quy chuẩn hiện hành.



CÔNG TY TNHH TẤM CÁCH NHIỆT PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐI ĐỐI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Tấm Cách Nhiệt được thành lập từ tháng 12/1989 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0301886991 do UBND TP HCM cấp. Là một đơn vị có năng lực vượt trội trong lĩnh vực thi công, lắp ráp hệ thống cách âm, cách nhiệt đồng thời xây dựng được uy tín với đông đảo quý khách hàng trên toàn quốc.

Thế mạnh của Công ty TNHH Tấm Cách Nhiệt là các giải pháp Cách Nhiệt Lạnh đúng trong công nghiệp và dân dụng với các sản phẩm mang thương hiệu Panel 6M. Đặc biệt là sản phẩm phòng sạch 6M là một trong những ứng dụng công nghiệp và Thương Mại đang rất được quan tâm và ứng dụng rộng rãi hiện nay. Với các ưu điểm và thế mạnh: cách âm, cách nhiệt tốt, thân thiện với môi trường, an toàn khi sử dụng chứa thực phẩm. Nhờ những ưu điểm trên sản phẩm Panel 6M ngày càng được khách hàng quan tâm và nâng cao thương hiệu và uy tín hơn trên thị trường.

Công ty Tấm Cách Nhiệt luôn tích cực tham gia với Chính Phủ trong các dự án của WB nhằm giảm thiểu các loại hóa chất làm ảnh hưởng xấu tới môi trường. Mới đây nhất, chúng tôi được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường và Ngân Hàng Thế Giới đề cử là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam triển khai dự án: "Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn 1 làm giảm thiểu hiệu ứng nhà kính và bảo vệ tầng Ozon. Với công nghệ hiện đại, nhập khẩu từ Singapore, công ty 6M là đơn vị tiên phong trong việc sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường trong sản xuất Panel PU cho Kho Lạnh và Phòng Sạch, đáp ứng yêu cầu khắt khe trong sử dụng hóa chất của các nhà thầu cho các dự án tiêu chuẩn quốc tế. Điều này không chỉ giúp chúng tôi chinh phục sự tin tưởng của các đối tác khách hàng mà còn khẳng định được năng lực cũng như ưu thế vượt trội trên thị trường. Năm 2016 Công ty chúng tôi cũng đã bắt đầu xây dựng "hệ thống xử lý nước thải", và cho đến nay, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU CÔNG TY TNHH TẤM CÁCH NHIỆT THI CÔNG



D20/532K - Ấp 4 - Xã Phong Phú - Huyện Bình Chánh - TP HCM
Website: www.tamcachnhietsm.vn - Email: Panel.6m@gmail.com
Tel: (84-28) 37612080 - 22480428 - Fax: (84-28) 37610058

CÔNG TY THỦY ĐIỆN BẢN VÊ - CNTCT PHÁT ĐIỆN

Địa chỉ: Đường Lê Nin, P. Hưng Phúc, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An



Công ty Thủy điện Bản Vê được thành lập theo quyết định số 228/QĐ-EVN ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (bên có sở tổ chức bộ máy của Ban quản lý dự án thủy điện 2). Công ty thủy điện Bản Vê có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, và hoạt động theo phân cấp và uỷ quyền của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ngày 01 tháng 6 năm 2012, Bộ Công Thương đã ra quyết định số 3022/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 1, trực thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam và Công ty thủy điện Bản Vê, Ban QLDA thủy điện 2 được điều chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Phát điện 1.

Lục lừng nhân sự của công ty có trình độ cao, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý các dự án thủy điện lớn, tư vấn giám sát các công trình xây dựng; hơn 07 năm kinh nghiệm quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Bản Vê có công suất lắp máy 320 MW.

Chức năng, nhiệm vụ của Công ty:

1. Quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Bản Vê; Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện; thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, gia công cơ khí;
2. Sản xuất và kinh doanh điện năng; tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
3. Tư vấn và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát thi công các công trình (bao gồm cả lắp đặt thiết bị công nghệ); Tư vấn lập và thẩm định hồ sơ môi trường; Đánh giá hồ sơ dự thầu về thiết kế xây dựng, mua sắm vật tư thiết bị; Tư vấn lập và thẩm định thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình;
4. Thực hiện công tác Chuẩn bị sản xuất cho các công trình thủy điện mới khi được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao;
5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện;
6. Xây lắp các công trình điện và công trình xây dựng;
7. Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành điện;
8. Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
9. Tổ chức dịch vụ du lịch, nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu nông lâm thủy sản.

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN BÓN TRUNG VIỆT

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Trừ Văn Thố, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ NANOTECH

Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế NanoTech sử dụng công nghệ Mỹ (NanoTech american thung lũng Silicon). Nguyên liệu sử dụng được nhập từ các quốc gia như Mỹ, Ấn Độ, Đức, Hàn Quốc...vv.

Với phương châm "sự hài lòng của khách hàng là thành công của chúng tôi" Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế NanoTech sẽ không ngừng tiếp thu, cải tiến kỹ thuật, công nghệ và sáng tạo ra những sản phẩm mới với tính năng ưu việt nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. chúng tôi đã và đang cố gắng vươn lên từng ngày nhằm đáp ứng được cả những khách hàng khó tính nhất kể cả trong nước và ngoài nước, theo các tiêu chuẩn quốc tế



Đ/c: Số 7, Đường 40B, Khu Phố 8, Phường Tân Tạo,
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
Website: www.sonnanotech.com



Mừng Xuân Mậu Tuất 2018

Chúc Quý khách An Khang Thịnh vượng!

CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Công ty Nhôm Đắk Nông-TKV là Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam được thành lập năm 2015; tên tiếng Anh là Vinacomin-Dak Nong Aluminium Company (DNA). Đặt trụ sở tại thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp.

Công ty là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc vào Công ty mẹ là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Trực tiếp quản lý, vận hành Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ. Bên cạnh đó, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Nhôm Đắk Nông gồm: Khai thác, chế biến quặng bô xít; khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kim loại màu và kim loại quý; sản xuất điện, hoạt động phát điện; cơ khí, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc thiết bị; khai thác, xử lý và cung cấp nước; buôn bán kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa đường bộ; hoạt động đo đạc bản đồ, thăm dò khảo sát địa chất; thiết kế thi công xây lắp các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng; kinh doanh, dịch vụ ăn uống, khách sạn...

Là một doanh nghiệp hạng I, công ty luôn trú trọng sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường. Không chỉ đẩy mạnh sản xuất, công tác bảo vệ môi trường cũng được đơn vị đặc biệt trú trọng. Hệ thống xử lý chất thải đều được thực hiện đúng theo quy trình chuẩn, tránh phát tán ra môi trường. Thường xuyên tuyên truyền và nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân viên phải có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng, thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

Công ty Nhôm Đắk Nông-TKV được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam quyết định giao điều chuyển toàn bộ lao động của Ban Quản lý dự án Nhà máy Alumin Nhân Cơ-Vinacomin quản lý. Thời gian vừa qua, do ảnh hưởng của khí hậu, xuất hiện các vết nứt tại thôn 1 (xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông), gần hồ bùn đỏ Alumin Nhân Cơ khiến khoảng 1ha đất đai của người dân bị sụt lún làm ảnh hưởng đến mạng thoát lũ ngoại vi. Công ty đang khẩn trương xúc tiến điều tra, nghiên cứu thật kỹ để khắc phục, xử lý đối với khu vực sụt lún.



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN (CETNARM)

Trụ sở chính: ĐH Nông Lâm TP.HCM, khu phố 6, p. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 083.7242625-8963348 - Fax : 083 7.24.26.25

1. Lĩnh vực tư vấn:

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Bản Cam kết Bảo vệ môi trường, Đề án Bảo vệ môi trường...

Lập hồ sơ đề nghị cấp các giấy phép về môi trường (giấy phép xả thải, giấy phép khai thác nước ngầm, sổ đăng ký chủ nguồn thải...)

Kiểm soát ô nhiễm, khảo sát đánh giá môi trường

Lập, triển khai các chương trình giám sát môi trường (EMS)

Công nghệ sản xuất sạch hơn (CP)

2. Lĩnh vực thiết kế, thi công:

Công trình cấp thoát nước

Hệ thống xử lý nước sạch, nước thải

Xử lý khí thải, bụi, hơi hóa chất...

Bảo trì, sửa chữa, vận hành hệ thống xử lý môi trường.

3. Lĩnh vực phân tích, kiểm nghiệm mẫu, Đo đạc môi trường:

+ Phân tích kiểm nghiệm các chỉ tiêu dinh dưỡng, hóa tính, lý tính trên các mẫu đất, nước, nông sản thực phẩm...;

+ Đo đạc môi trường.

Đặc biệt Phòng Thí nghiệm đã được:

- Văn Phòng Công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học Công nghệ công nhận Phòng thí nghiệm môi trường phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 mang số hiệu VILAS 547 theo quyết định số 59.2012/QĐ-VPCNCL ngày 21/3/2012 lần đầu và tái chứng nhận lần 2 vào ngày 23/10/2015 theo quyết định số 417.2015/QĐ-VPCNCL.

- Bộ Tài nguyên Và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 053 từ ngày 12/02/2015.





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



- **Đầu Trâu 46A+**
- **Đầu Trâu DAP-Avail**



Tiết kiệm hơn
Năng suất hơn

www.binhdien.com

BQL DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUYỆN QUỲNH NHƯ

Địa chỉ: Xóm 1, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

Giám đốc: Ông Tống Xuân Trường - Điện thoại: 094.7338.388

***Chào mừng Kỷ niệm
73 năm Ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
(22/12/1944 - 22/12/2017)***

